

Hướng dẫn Sử dụng Điện thoại Nokia N90-1

CE 168

CÔNG BỐ HỢP CHUẨN

Chúng tôi, NOKIA CORPORATION, trong phạm vi trách nhiệm của mình, xin công bố sản phẩm RM-42 đã tuân thủ các điều khoản qui định theo chỉ thị của Hội đồng: 1999/5/EC. Bản Công bố Hợp chuẩn có thể được tìm thấy tại địa chỉ http://www.nokia.com/phones/declaration_of_conformity/

Copyright © 2005 Nokia. Bản quyền đã đăng ký bảo hộ.

Nghiêm cấm sao chép, chuyển nhượng, phân phối hoặc lưu trữ một phần hay toàn bộ nội dung tài liệu này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được Nokia cho phép trước bằng văn bản.

Nokia, Nokia Connecting People và Pop-Port là các nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của Nokia Corporation. Những sản phẩm hoặc tên công ty khác được đề cập ở đây có thể là các nhãn hiệu hoặc tên thương mại của từng doanh nghiệp.

Nokia tune là nhãn hiệu âm thanh của Nokia Corporation.

symbian

Sản phẩm này có các phần mềm được Symbian Software Ltd © 1998-200(5) cấp bản quyền. Symbian và Symbian OS là nhãn hiệu của Symbian Ltd.



POWERED

Java™ và các nhãn hiệu dựa trên nền Java là các nhãn hiệu và nhãn hiệu đã đăng ký của Sun Microsystems, Inc.

Stac®, LZS® ©1996, Stac, Inc., ©1994-1996 Microsoft Corporation. Bao gồm một hoặc nhiều Bằng sáng chế của Mỹ: Số 4701745, 5016009, 5126739, 5146221 và 5414425. Các sáng chế đang chờ cấp bằng khác.

Hi/fn®, LZS® ©1988-98, Hi/fn. Bao gồm một hoặc nhiều Bằng sáng chế của Mỹ: Số 4701745, 5016009, 5126739, 5146221 và 5414425. Các sáng chế đang chờ cấp bằng khác.

Các phần trong phần mềm của sản phẩm này là © Copyright ANT Ltd. 1998. Bản quyền đã đăng ký bảo hộ.

Bằng sáng chế của Mỹ số 5818437 và các sáng chế đang chờ cấp bằng khác. Bản quyền phần mềm nhập văn bản T9 © 1997-2005. Tegic Communications, Inc. Bản quyền đã đăng ký bảo hộ.

MPEG-4

Sản phẩm này được cấp theo Giấy phép Sáng chế MPEG-4 Visual Patent Portfolio cho (i) việc sử dụng cá nhân và phi thương mại cùng với những thông tin đã được mã hóa bởi người dùng liên quan đến hoạt động cá nhân và phi thương mại, theo Chuẩn MPEG-4 Visual Standard và (ii) sử dụng cùng với các ảnh video MPEG-4 được cung cấp có giấy phép. Bất kỳ việc sử dụng nào khác được công nhận hoặc được ám chỉ sẽ không được cấp phép. Bạn có thể nhận các thông tin bổ sung liên quan đến các ứng dụng quảng cáo, nội bộ và thương mại từ MPEG LA, LLC. Xem trang <<http://www.mpegla.com>>.

Nokia thực hiện chính sách phát triển không ngừng. Nokia có quyền thay đổi và cải tiến bất kỳ sản phẩm nào được nêu trong tài liệu này mà không cần thông báo trước.

Nokia sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp về việc mất dữ liệu hay thu thập hoặc những thiệt hại khác có tính chất đặc biệt, ngẫu nhiên, tất yếu, hay gián tiếp.

Nội dung của tài liệu này được cung cấp 'theo tình trạng hiện tại'. Ngoại trừ do yêu cầu của luật áp dụng liên quan, sẽ không có bất kỳ sự bảo đảm nào được thể hiện rõ ràng hay ngụ ý, bao gồm nhưng không giới hạn các bảo hành thương mại được bao hàm và sử dụng sản phẩm phù hợp với mục đích cụ thể, liên quan đến tính chính xác, độ tin cậy hoặc nội dung của tài liệu này. Nokia có quyền sửa đổi hoặc thu hồi tài liệu này tại bất kỳ thời điểm nào mà không cần thông báo trước.

Tính khả dụng của các sản phẩm riêng biệt có thể khác nhau tùy theo từng khu vực. Xin liên hệ với đại lý Nokia gần nhất.

Quan lý Xuất khẩu

Điện thoại này có chứa các thành phần, công nghệ hoặc phần mềm tuân thủ theo luật lệ và quy tắc xuất khẩu của Mỹ và các quốc gia khác. Những việc trái với luật pháp bị cấm.

THÔNG CÁO CỦA FCC VÀ HỘI CÔNG NGHIỆP CANADA

Thiết bị của bạn có thể gây nhiễu sóng TV hoặc radio (ví dụ như khi sử dụng máy game thiết bị thu phát sóng). Tổ chức FCC hoặc Hội công nghiệp Canada có thể yêu cầu bạn ngưng sử dụng điện thoại trong trường hợp không thể tránh khỏi việc nhiễu sóng. Nếu bạn cần giúp đỡ, xin liên hệ với bộ phận hỗ trợ dịch vụ tại nơi bạn cư trú. Thiết bị này đáp ứng điều khoản 15 thuộc bộ qui định của FCC. Sự vận hành thiết bị tùy thuộc vào điều kiện là thiết bị này không được gây nhiễu có hại.

Bản quyền © 2005 Nokia. Bản quyền đã đăng ký bảo hộ.

Mục lục

An toàn cho người sử dụng.....	8
--------------------------------	---

Điện thoại Nokia N90	11
-----------------------------------	-----------

Các chế độ.....	11
Chế độ nắp gấp mở.....	11
Chế độ camera.....	12
Chế độ Imaging.....	12
Chế độ Camera.....	13
Các chỉ báo cần biết.....	13
Gắn dây đeo cổ tay.....	15
Cài đặt cấu hình.....	15
Website hỗ trợ của Nokia.....	15
Trợ giúp.....	15
Clock.....	16
Cài đặt đồng hồ.....	16
World Clock.....	16
Điều chỉnh loa và âm lượng.....	17
File Manager	17
Xem mức sử dụng bộ nhớ	18
Không đủ bộ nhớ - làm trống bộ nhớ.....	18
Công cụ thẻ nhớ	19
Định dạng thẻ nhớ.....	20
Các phím tắt hữu dụng.....	20

Cài đặt riêng điện thoại.....	22
--------------------------------------	-----------

Profiles—Cài âm báo	23
Cấu hình offline.....	23
Chuyển nội dung từ điện thoại khác	24
Thay đổi giao diện điện thoại	25
Khởi động chế độ chờ	26

Gọi điện	27
-----------------------	-----------

Cuộc gọi thoại	27
Gọi điện hội nghị.....	28
Quay nhanh một số điện thoại.....	28
Quay số bằng khẩu lệnh	28
Video calls	29
Video sharing	31
Yêu cầu chia sẻ hình ảnh	31
Cài đặt	32
Chia sẻ video thực	32
Nhận một lời mời.....	33
Trả lời hoặc từ chối cuộc gọi	34
Trả lời hoặc từ chối cuộc gọi video	34
Call waiting	35
Các tùy chọn trong khi gọi.....	35
Các tùy chọn trong khi gọi video	36

Log-Nhật ký điện thoại.....	36
Recent calls	36
Call duration.....	36
Packet data	37
Kiểm soát tất cả các sự kiện liên lạc.....	37

Contacts (Danh bạ điện thoại) 39

Lưu tên và số điện thoại	39
Các số điện thoại và địa chỉ mặc định	40
Copy số liên lạc	40
SIM danh mục và các dịch vụ SIM khác	41
Thêm nhạc chuông cho các số liên lạc	41
Tạo các nhóm liên lạc.....	42
Xóa thành viên khỏi nhóm	42

Camera và Gallery 43

Camera.....	43
Chụp hình trong chế độ Imaging.....	43
Chụp hình trong chế độ Camera.....	49
Chỉnh sửa hình ảnh.....	50
Các mẹo nhỏ để chụp được ảnh đẹp.....	51
Quay phim.....	52
Biên tập các đoạn video clip	55
Gallery	58
Xem hình ảnh và các đoạn video clip	59
Album.....	60

Imaging 61

Image Print.....	61
Chọn máy in	61
Xem trước bản in	61
Cài đặt in ấn	62
RealPlayer™	62
Phát video clip hoặc tập tin âm thanh	62
Tạo danh sách bài nhạc.....	63
Xem nội dung trực tuyến	63
Nhận các thông số cài đặt RealPlayer	64
Movie Director	65
Tạo quick muvee.....	65
Tạo custom muvee.....	65

Messaging..... 68

Viết văn bản	69
Kiểu nhập văn bản truyền thống	69
Kiểu nhập văn bản tiên đoán—Từ điển	70
Sao chép văn bản	72
Soạn và gửi tin nhắn	72
Nhận các thông số cài đặt	
MMS và e-mail	74
Inbox-nhận tin nhắn	75
Tin nhắn đa phương tiện	75
Dữ liệu và các thông số cài đặt	75
Tin nhắn dịch vụ Web	76

My folder-Thư mục riêng	76
Mailbox-Hộp thư	76
Mở hộp thư	77
Tải tin nhắn e-mail.....	77
Tự động tải tin nhắn e-mail.....	78
Xóa các tin nhắn e-mail.....	78
Ngắt kết nối khỏi hộp thư	79
Outbox—các tin nhắn chờ gửi đi.....	79
Xem tin nhắn trên thẻ SIM	80
Message setting-Cài đặt tin nhắn	80
Tin nhắn văn bản	80
Tin nhắn đa phương tiện	81
E-mail	82
Tin nhắn dịch vụ Web	84
Tin nhắn quảng bá	84
Các cài đặt khác.....	84

Calendar-Lịch86

Tạo các mục nhập lịch	86
Cài đặt âm báo lịch	87
Xem lịch	87
Xóa các mục lịch.....	88
Cài đặt lịch	88

Web 89

Truy cập Web.....	89
Nhận các thông số cài đặt trình duyệt	89
Nhập cài đặt theo cách thủ công	89
Giao diện chỉ mục	90
Thêm chỉ mục theo cách thủ công.....	90
Gửi chỉ mục.....	90
Tạo kết nối	91
Kết nối an toàn	91
Trình duyệt	91
Xem các trang đã lưu.....	93
Tải xuống và mua các mục	93
Ngưng kết nối	93
Dọn cache	94
Cài đặt web	94

Office 96

Caculator-Máy tính	96
Tính phần trăm	96
Converter-Bộ chuyển đổi	96
Xác định loại tiền tệ gốc và tỉ giá chuyển đổi.....	97
To-do.....	97
Lập danh sách công việc.....	97
Notes-Ghi chú	98
Recorder-Máy ghi âm.....	98

My own 99

Go to—thêm phím tắt	99
Xóa phím tắt.....	99
IM—Tin nhắn trò chuyện (trò chuyện)	99
Nhận thông số cài đặt IM	100
Kết nối với server IM	100
Chỉnh sửa cài đặt IM	100
Tìm kiếm nhóm và người dùng IM.....	101
Tham gia và rời khỏi một nhóm IM.....	101
Trò chuyện	101
Xem và bắt đầu cuộc trò chuyện	102
Số liên lạc IM	103
Quản lý các nhóm IM	104
Quản lý một nhóm IM.....	104
Cài đặt server trò chuyện.....	105

Connect-Kết nối 106

Kết nối Bluetooth	106
Cài đặt kết nối Bluetooth.....	107
Gửi dữ liệu qua kết nối Bluetooth	107
Ghép nối thiết bị.....	108
Nhận dữ liệu qua kết nối Bluetooth	109
Tắt kết nối Bluetooth	109
Kết nối PC	109
CD-ROM	110
Điện thoại của bạn cũng là một modem	110

Connect Manager	110
Chi tiết kết nối dữ liệu	111
Đồng bộ từ xa.....	111
Tạo một cấu hình đồng bộ mới.....	111
Đồng bộ dữ liệu	112
Device Manager - Quản lý thiết bị.....	113
Cài đặt cấu hình server	113

Tools 114

Setting-Cài đặt	114
Phone-Cài đặt cho máy.....	114
Call-Cài đặt cuộc gọi	115
Connection-Cài đặt kết nối.....	116
Date and Time-Thời gian.....	119
Security-Bảo mật.....	119
Call divert-Chuyển hướng cuộc gọi	122
Call barring - Chặn cuộc gọi	123
Network-Mạng	123
Enhancement-Cài đặt phụ kiện	124
Cài đặt màn hình phụ.....	124
Lệnh thoại	125
Chương trình quản lý ứng dụng.....	125
Cài đặt phần mềm và ứng dụng	126
Gỡ bỏ ứng dụng và phần mềm.....	127
Cài đặt ứng dụng.....	127

Activation keys—xử lý các tập tin được bảo vệ bản quyền	128
Giải quyết sự cố.....	129
Hỏi&Đáp	129
Thông tin về pin.....	133
Sạc và Xả pin.....	133
Hướng dẫn xác nhận pin Nokia.....	133
Phụ kiện chính hãng Nokia.....	136
Pin.....	137

Bộ tai nghe không dây HS-4W	137
Tai nghe Nokia trên xe Plug-in	
Không dây HF-6W	138
Bàn phím không dây Nokia	
SU-8W	139
Giữ gìn và Bảo trì	140
Thông tin bổ sung	
về sự an toàn	141
Từ mục.....	145

An toàn cho người sử dụng

Dưới đây là những hướng dẫn đơn giản và dễ hiểu. Việc không tuân theo các quy tắc này có thể gây nguy hiểm hoặc bị xem là phạm pháp. Đọc sách hướng dẫn sử dụng đầy đủ để biết thêm thông tin.



BẬT MÁY AN TOÀN Không nên bật điện thoại nếu bị cấm hoặc có thể gây nhiễu sóng hoặc nguy hiểm.



AN TOÀN GIAO THÔNG LÀ TRÊN HẾT
Nên tuân thủ các quy định của địa phương. Luôn giữ tay được rảnh để điều khiển xe. Điều quan tâm đầu tiên trong khi lái xe là an toàn giao thông.



NHIỀU SÓNG Tất cả các điện thoại vô tuyến đều có thể gây nhiễu sóng làm ảnh hưởng đến hoạt động của máy.



TẮT ĐIỆN THOẠI KHI Ở TRONG BỆNH VIỆN Tuân theo bất kỳ hạn chế nào. Tắt điện thoại khi ở gần các thiết bị y tế.



TẮT ĐIỆN THOẠI KHI Ở TRÊN MÁY BAY Tuân theo bất kỳ hạn chế nào. Các thiết bị vô tuyến có thể gây nhiễu liên lạc trên máy bay.



TẮT ĐIỆN THOẠI KHI ĐANG TIẾP NHIÊN LIỆU Không nên sử dụng điện thoại tại trạm tiếp nhiên liệu. Không nên sử dụng điện thoại gần nơi có nhiên liệu hoặc hóa chất.



TẮT ĐIỆN THOẠI KHI Ở GẦN NƠI CÓ PHÁT NỔ Tuân theo bất kỳ hạn chế nào. Không nên sử dụng điện thoại nơi đang có phát nổ.



SỬ DỤNG ĐIỆN THOẠI ĐÚNG CÁCH

Chỉ sử dụng điện thoại ở vị trí thông thường như được hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng điện thoại. Không nên chạm vào ăng-ten khi không cần thiết.



SỬ DỤNG DỊCH VỤ CÓ CHẤT LƯỢNG

Chỉ những nhân viên có đủ khả năng chuyên môn mới được lắp đặt hoặc sửa chữa điện thoại.



PHỤ KIỆN VÀ PIN Chỉ sử dụng phụ kiện cài tiền và pin đã kiểm duyệt. Không kết nối điện thoại với những sản phẩm không tương thích.



CHỐNG VỎ NƯỚC Điện thoại này không thể chống vỏ nước. Nên giữ điện thoại thật khô.



DỰ PHÒNG Luôn nhớ lưu dự phòng hoặc giữ lại bản viết tay tất cả thông tin quan trọng được lưu trong điện thoại.



KẾT NỐI VỚI NHỮNG THIẾT BỊ KHÁC

Khi kết nối điện thoại với bất kỳ thiết bị nào, hãy đọc kỹ hướng dẫn sử dụng của thiết bị đó để biết những hướng dẫn chi tiết về an toàn. Không kết nối điện thoại với những sản phẩm không tương thích.



CÁC CUỘC GỌI KHẨN CẤP Bảo đảm điện thoại đã được bật và đang trong trạng thái hoạt động. Bàn phím chỉ được kích hoạt khi mở Nắp gập. Bấm phím kết thúc  nhiều lần để xóa màn hình hiển thị và trở về màn hình bắt đầu. Nhập số điện thoại khẩn cấp vào, rồi bấm phím đàm thoại . Cho biết nơi bạn đang ở. Không nên cúp điện thoại trừ khi được yêu cầu.

Giới thiệu điện thoại

Điện thoại vô tuyến mô tả trong sách hướng dẫn sử dụng này được phép sử dụng trên các mạng gồm các băng tần EGSM 900/1800/1900 và UMTS 2100. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin về mạng.

Khi sử dụng những tính năng của thiết bị này, hãy tuân thủ pháp luật và tôn trọng sự riêng tư và những quyền hợp pháp của người khác.

Khi đang chụp hình và sử dụng hình ảnh hoặc các đoạn video clip, phải tuân theo các quy định và tôn trọng các phong tục cũng như các quyền hợp pháp và riêng tư của từng địa phương.



Cảnh báo: Bạn phải bật điện thoại để sử dụng các chức năng của nó, ngoại trừ chức năng báo thức. Không nên bật điện thoại nếu có thể gây nhiễu sóng hoặc nguy hiểm.

Các dịch vụ mạng

Để sử dụng điện thoại, bạn phải có dịch vụ do nhà cung cấp dịch vụ vô tuyến cung cấp. Nhiều chức năng trên điện thoại phụ thuộc vào các chức năng trên mạng vô tuyến để hoạt động. Các dịch vụ mạng này không có sẵn trên tất cả các mạng và bạn

phải thỏa thuận với nhà cung cấp dịch vụ trước khi bạn có thể sử dụng các dịch vụ mạng. Nhà cung cấp dịch vụ sẽ cung cấp thêm cho bạn các thông tin hướng dẫn sử dụng và mức phí sẽ được áp dụng khi sử dụng các dịch vụ mạng này. Một số mạng có thể có các hạn chế ảnh hưởng đến cách sử dụng các dịch vụ mạng. Ví dụ một số mạng có thể không hỗ trợ tất cả ký tự và dịch vụ tùy thuộc ngôn ngữ. Các tính năng mạng được chỉ định trong hướng dẫn này qua .

Nhà cung cấp dịch vụ có thể yêu cầu bạn ngưng sử dụng hoặc tắt một số chức năng trong điện thoại của bạn. Nếu vậy, các chức năng này sẽ không hiển thị trên menu của điện thoại. Điện thoại của bạn cũng có thể được cấu hình đặc biệt. Cấu hình này có thể làm thay đổi tên menu, thứ tự menu và các biểu tượng. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin.

Điện thoại này hỗ trợ giao thức WAP 2.0 (HTTP và SSL) hoạt động trên nền giao thức TCP/IP. Một số tính năng của thiết bị này, ví dụ như MMS, trình duyệt, e-mail và tải nội dung qua trình duyệt hoặc qua MMS, yêu cầu mạng phải hỗ trợ các công nghệ này.

Liên hệ với nhà cung cấp thẻ SIM để biết tính khả dụng và thông tin về việc sử dụng các dịch vụ SIM. Đây có thể là nhà cung cấp dịch vụ, nhà điều hành mạng hoặc đại lý khác.

Phụ kiện, pin và bộ sạc

Luôn tắt điện thoại và ngắt kết nối với bộ sạc trước khi tháo pin ra.

Kiểm tra số hiệu của bộ sạc trước khi sử dụng với điện thoại này. Điện thoại này được thiết kế sử dụng điện từ các bộ sạc DC-4, AC-3 và AC-4 và từ các bộ sạc AC-1, ACP-7, ACP-8, ACP-9, ACP-12, LCH-8, LCH-9 hoặc LCH-12 khi sử dụng với bộ nối tiếp CA-44.

Pin được sử dụng cùng với điện thoại này là BL-5B.



Cảnh báo: Chỉ sử dụng pin, bộ sạc và phụ kiện nâng cấp được Nokia phê chuẩn cho riêng kiểu điện thoại này. Việc sử dụng bất kỳ loại nào khác sẽ làm mất hiệu lực kiểm duyệt hoặc bảo hành và có thể gây nguy hiểm.

Liên hệ với đại lý của bạn để biết về các phụ kiện nâng cấp chính hãng hiện có. Khi bạn rút dây dẫn của bất kỳ phụ kiện nào ra, cắm vào phích cắm, không nên kéo dây.

Điện thoại Nokia N90

Đời máy: Nokia N90-1

Sau đây được đề cập như điện thoại Nokia N90.

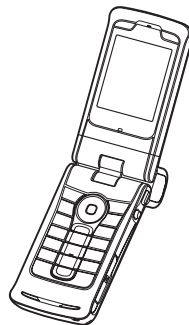
Các chế độ

Điện thoại của bạn có bốn chế độ hoạt động hỗ trợ trong các điều kiện sử dụng khác nhau: **chế độ nắp gấp đóng**, **chế độ nắp gấp mở** để sử dụng điện thoại, **Imaging** để quay video và chụp hình và **Camera** để chụp hình. Để chuyển giữa các chế độ, xoay nắp gấp và camera trên trục xoay. Cần một thời gian ngắn để một chế độ được kích hoạt.

Chế độ nắp gấp mở

Khi bạn mở nắp, chế độ Nắp gấp mở sẽ được kích hoạt tự động: đèn màn hình chính sẽ bật sáng, bàn phím sẵn sàng hoạt động, và bạn có thể truy cập vào menu. Bạn có thể di chuyển trong menu bằng phím di chuyển hoặc nút điều khiển.

Chế độ Nắp gấp mở sẽ được kích hoạt ngay cả khi nắp gấp chưa được mở hoàn toàn. Bạn có thể đóng hoặc mở nắp gấp một góc 150 độ, như hiển thị trong hình. Không nên cố sức mở nắp hơn góc đó.

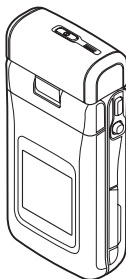


Chế độ camera

Khi nắp gập của điện thoại đóng, màn hình chính sẽ được tắt và đèn màn hình phụ sẽ bật sáng. Các cuộc gọi đi sẽ ngừng, trừ khi bạn sử dụng loa hoặc nói với tai nghe. Nếu bạn sử dụng máy nghe nhạc để nghe file âm thanh, nó vẫn tiếp tục hoạt động.

Trong chế độ Nắp gập đóng, màn hình phụ sẽ cung cấp các chức năng nhất định. Trên màn hình ở chế độ chờ sẽ hiển thị cường độ sóng và chỉ báo pin, logo mạng, thời gian, chỉ báo trạng thái và tên của cấu hình đang được kích hoạt (không phải là cấu hình **General**). Nếu bạn đang nghe tập tin âm thanh, thanh âm lượng và thông tin bài nhạc sẽ hiển thị.

Nếu bàn phím bị khóa, bạn có thể sử dụng phím nguồn, nút điều khiển và phím chụp (dành cho các lệnh thoại cải tiến). Để chọn các lệnh trên màn hình, như **Show** và **Back**, di chuyển nút điều khiển để đánh dấu văn bản theo ý muốn và bấm nút điều khiển.



Lịch, đồng hồ báo thức và ghi chú các cuộc gọi nhỡ và tin nhắn mới nhận cũng sẽ hiển thị. Bạn có thể xem tin nhắn, văn bản và hình ảnh của tin nhắn đa phương tiện trên màn hình phụ. Để xem các loại tin nhắn khác, mở nắp và xem tin nhắn trên màn hình chính.

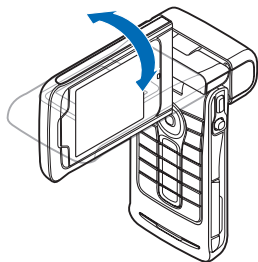
Các cuộc gọi đến được thông báo bằng kiểu chuông và một ghi chú. Để trả lời cuộc gọi và sử dụng tai nghe, mở nắp gập. Để sử dụng cuộc gọi và sử dụng loa, chọn **Answer**. Nếu tai nghe được nối với điện thoại, bấm phím trả lời trên tai nghe.

Để thực hiện cuộc gọi hoặc sử dụng menu, mở nắp gập.

Chế độ Imaging

Trong chế độ Imaging, bạn có thể quay các đoạn video, chụp hình, chỉnh sửa các đoạn video clip và hình ảnh, và gửi video thực trong cuộc gọi video **TV**. Xem phần **"Camera và Gallery"**, ở trang 43 và phần **"Video calls"**, ở trang 29.

Để kích hoạt chế độ Imaging, mở nắp gấp lên một góc 90 độ, giữ điện thoại ở hai bên, và xoay nắp gấp lên sao cho màn hình chính hướng về phía bạn. Camera kích hoạt, và bạn có thể thấy khung giao diện chụp hình.



Bạn cũng có thể xoay camera trên trục xoay. Trong chế độ Imaging, camera sẽ xoay một góc 180 độ ngược chiều kim đồng hồ và đóng một góc 135 độ theo chiều kim đồng hồ. Không cố sức xoay camera hơn góc đó.

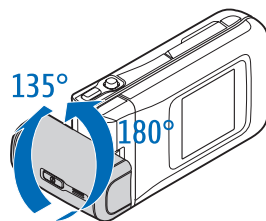
Trong chế độ Imaging, bàn phím sẽ không được kích hoạt. Bạn có thể sử dụng phím chụp, nút điều khiển, phím nguồn, và các phím chọn lên xuống gần màn hình chính, và bấm  để kết thúc cuộc gọi hiện hành.



Cảnh báo: Bạn không thể thực hiện các cuộc gọi khẩn cấp trong chế độ Imaging vì bàn phím sẽ bị khóa trong chế độ này. Để thực hiện cuộc gọi khẩn cấp, kích hoạt chế độ Nắp gấp mở.

Chế độ Camera

Trong chế độ Camera, bạn có thể chụp hình nhanh chóng. Bạn có thể sử dụng camera trong khi cuộc gọi đang diễn ra. Xem phần "[Camera và Gallery](#)", ở trang 43.



Để kích hoạt chế độ Camera, xoay camera trên trục xoay khi nắp điện thoại đóng. Kính ngắm sẽ hiển thị trên màn hình phụ. Camera sẽ xoay một góc 180 độ ngược chiều kim đồng hồ và đóng lại một góc 135 độ theo chiều kim đồng hồ. Không cố sức xoay camera hơn góc đó.

Bạn có thể sử dụng phím chụp, nút điều khiển và phím nguồn trong chế độ Camera.

Các chỉ báo cần biết

 — Điện thoại đang được sử dụng trong mạng GSM.

3G (dịch vụ mạng) — Điện thoại đang được sử dụng trong mạng UMTS. Xem phần "[Network-Mạng](#)", ở trang 123.

 — Bạn nhận được một hoặc nhiều tin nhắn trong thư mục **Inbox** trong **Messaging**.

 — Có các tin nhắn đang chờ để gửi trong thư mục **Outbox**. Xem phần "**Outbox—các tin nhắn chờ gửi đi**", ở trang 79.

 — Bạn có cuộc gọi bị nhỡ. Xem phần "**Recent calls**", ở trang 36.

 — Sẽ hiển thị nếu **Ringing type** được cài sang **Silent** và **Message alert tone, IM alert tone**, và **E-mail alert tone** được cài sang **Off**. Xem phần "**Profiles—Cài âm báo**", ở trang 23.

 — Bàn phím điện thoại bị khóa. Xem phần 'Khóa bàn phím (Bảo vệ phím)' trong Tài liệu hướng dẫn sử dụng nhanh.

 — Bạn có cài đặt đồng hồ báo thức. Xem phần "**Clock**", ở trang 16.

2 — Số máy điện thoại thứ hai đang được sử dụng. Xem phần "**Call—Cài đặt cuộc gọi**", ở trang 115.

 — Tất cả cuộc gọi đến điện thoại sẽ được chuyển hướng đến một số khác. Nếu bạn có hai số máy để gọi đi, chỉ báo chuyển hướng cho số máy đầu tiên là **1** và cho số máy thứ hai là **2**.

 — Một tai nghe được nối với điện thoại.

 — Một bộ trợ thính được nối với điện thoại.

 — Mất kết nối bộ tai nghe Bluetooth.

D — Cuộc gọi data được kích hoạt.

 — Hiện có kết nối dữ liệu gói GPRS hoặc EDGE.

 — Kết nối dữ liệu gói GPRS hoặc EDGE đang hoạt động.

 — Kết nối dữ liệu gói GPRS hoặc EDGE đang ở trạng thái chờ. Các biểu tượng này sẽ được hiển thị thay cho chỉ báo cường độ tín hiệu (được hiển thị phía góc trên bên trái màn hình khi ở chế độ chờ). Xem phần "**Kết nối dữ liệu gói trong mạng GSM và UMTS**", ở trang 117.

 — Hiện có kết nối dữ liệu gói UMTS.

 — Kết nối dữ liệu gói UMTS đang hoạt động.

 — Kết nối dữ liệu gói UMTS đang được giữ.

 — Kết nối Bluetooth là **On**.

 — Dữ liệu đang được truyền qua kết nối Bluetooth. Xem phần "**Kết nối Bluetooth**", ở trang 106.

 — Kết nối USB được kích hoạt.

 — Bạn có một e-mail đã được đọc, đang chờ tải về điện thoại.

 — Bạn có một e-mail chưa đọc, đang chờ tải về điện thoại.

Gắn dây đeo cổ tay

Xâu dây đeo như hướng dẫn trong hình và thắt chặt lại.

Cài đặt cấu hình

Để sử dụng dịch vụ nhắn tin đa phương tiện, GPRS, Internet và các dịch vụ khác, bạn phải có các thông số cài đặt cấu hình đúng trong điện thoại.

Bạn có thể nhận các thông số cài đặt từ nhà cung cấp dịch vụ đã được cài đặt trên điện thoại, hoặc bạn có thể nhận các thông số cài đặt từ nhà cung cấp dịch vụ dưới dạng tin nhắn văn bản đặc biệt. Xem phần **"Dữ liệu và các thông số cài đặt"**, ở trang 75. Để biết thêm thông tin về tính khả dụng của các thông số cài đặt, liên hệ với nhà điều hành mạng, nhà cung cấp dịch vụ, đại lý Nokia được ủy quyền gần nhất hoặc vào vùng hỗ trợ trên trang web của Nokia www.nokia-asia.com/support.

Website hỗ trợ của Nokia

Tìm trên trang www.nokia-asia.com/support hoặc trang Web Nokia tại địa phương bạn để có phiên bản mới nhất của tài liệu này, thông tin bổ sung, các nội dung tải về và các dịch vụ liên quan đến sản phẩm Nokia của bạn.



Trợ giúp

Điện thoại của bạn có các văn bản trợ giúp theo ngữ cảnh. Bạn có thể truy cập phần trợ giúp từ một ứng dụng hoặc từ menu chính.

Khi mở một ứng dụng, để truy cập phần trợ giúp trong giao diện hiện tại, chọn **Options > Help**.



Ví dụ: Để xem các hướng dẫn về cách tạo một thẻ liên lạc, bắt đầu tạo một thẻ liên lạc và chọn **Options > Help**.

Khi bạn đọc hướng dẫn, để chuyển giữa chức năng trợ giúp và ứng dụng đang chạy ẩn, bấm và giữ **↵**.

Để mở phần trợ giúp trong menu chính, chọn **Tools > Help**. Chọn ứng dụng theo ý muốn để xem danh sách các chủ đề trợ giúp. Để tìm các chủ đề trợ giúp bằng từ khóa, chọn **Options > Search by keyword**.

Khi bạn đang đọc một chủ đề trợ giúp, để xem các chủ đề liên quan bấm **↻** hoặc **⌂**.



Clock

Bấm , và chọn **Clock**.

Để cài âm báo mới, chọn **Options** > **Set alarm**. Nhập giờ báo thức, và chọn **OK**. Khi âm báo được kích hoạt, chỉ báo  sẽ được hiển thị.

Để tắt âm báo, chọn **Stop**. Khi âm báo phát ra, bấm phím bất kỳ hoặc chọn **Snooze** để ngừng âm báo trong năm phút trước khi báo lại. Bạn có thể thực hiện tối đa năm lần.

Nếu đến giờ báo thức trong khi tắt điện thoại, điện thoại sẽ tự bật và phát âm báo. Nếu bạn chọn **Stop**, điện thoại sẽ hỏi bạn có muốn khởi động để gọi điện thoại không. Chọn **No** để tắt điện thoại hoặc **Yes** để gọi và nhận cuộc gọi. Không được chọn **Yes** khi điện thoại có thể gây nhiễu sóng hoặc nguy hiểm.

Để hủy báo thức, chọn **Clock** > **Options** > **Remove alarm**.

Cài đặt đồng hồ

Để thay đổi cài đặt đồng hồ, chọn **Options** > **Settings** trong đồng hồ. Để thay đổi thời gian hoặc ngày tháng, chọn **Time** hoặc **Date**.

Để thay đổi dạng hiển thị đồng hồ ở chế độ chờ, di chuyển xuống và chọn **Clock type** > **Analogue** hoặc **Digital**.

Để cho phép mạng điện thoại di động cập nhật thông tin về thời gian, ngày tháng, và múi giờ cho điện thoại của bạn , di chuyển xuống dưới và chọn **Auto time update**. Để cài đặt **Auto time update** có tác dụng, điện thoại sẽ khởi động lại.

Để thay đổi âm báo, di chuyển xuống dưới và chọn **Clock alarm tone**.

Để thay đổi trạng thái tiết kiệm năng lượng vào ban ngày, di chuyển xuống và chọn **Daylight-saving**. Chọn **On** để thêm một giờ vào **My current city**. Xem phần **"World Clock"**, ở trang 16. Khi thời gian mùa hè đã được kích hoạt, chỉ báo  sẽ được hiển thị trên màn hình chính của đồng hồ. Cài đặt này sẽ không hiển thị nếu bật chức năng **Auto time update**.

World Clock

Mở **Clock**, và bấm  để mở cửa sổ đồng hồ thế giới. Trên màn hình đồng hồ thế giới, bạn có thể xem giờ ở những thành phố khác nhau.

Để thêm các thành phố vào danh sách, chọn **Options** > **Add city**. Nhập các ký tự đầu tiên của tên thành phố vào. Trường tìm kiếm sẽ tự động xuất hiện và các thành phố tương ứng sẽ hiển thị. Chọn một

thành phố. Bạn có thể thêm tối đa 15 thành phố vào danh sách.

Để cài thành phố hiện bạn đang ở, di chuyển đến một thành phố và chọn **Options > My current city**. Thành phố sẽ được hiển thị trong cửa sổ đồng hồ chính và thời gian trong điện thoại của bạn sẽ thay đổi tương ứng với thành phố được chọn. Kiểm tra xem thời gian có chính xác và khớp với múi giờ của bạn hay không.

Điều chỉnh loa và âm lượng

Để tăng hoặc giảm mức âm lượng, khi đang đàm

thoại hoặc đang nghe nhạc, bấm  hoặc  tương ứng, hoặc di chuyển nút điều khiển sang phải hoặc trái.



Loa gắn trong cho phép bạn nói và nghe điện thoại từ một khoảng cách ngắn mà không cần phải cầm điện thoại gần tai, ví dụ như khi bạn để điện thoại trên một cái bàn gần đó. Các ứng dụng âm thanh sử dụng loa theo mặc định.



Cảnh báo: Không để điện thoại gần tai khi sử dụng loa vì âm lượng loa có thể rất lớn.

Để sử dụng loa, xem phần 'Bàn phím và phụ kiện' trong Tài liệu hướng dẫn sử dụng nhanh.

Để sử dụng loa trong một cuộc gọi, bắt đầu cuộc gọi đó và chọn **Options > Activate loudsp..**

Để tắt loa khi bạn đang có một cuộc gọi hoặc đang nghe nhạc, chọn **Options > Activate handset**.



File Manager

Nhiều tính năng trong điện thoại sử dụng bộ nhớ để lưu dữ liệu. Các tính năng này bao gồm danh bạ, tin nhắn, hình ảnh, kiểu chuông, lịch và ghi chú việc, tài liệu và các ứng dụng được tải về. Dung lượng bộ nhớ trống tùy thuộc vào lượng dữ liệu đã được lưu trong bộ nhớ điện thoại. Bạn có thể sử dụng thẻ nhớ làm vùng lưu trữ thêm. Các thẻ nhớ đều có thể ghi lại nhiều lần, vì vậy bạn có thể lưu và xóa dữ liệu trên thẻ.

Để xem các tập tin và thư mục lưu trong bộ nhớ điện thoại hoặc trên thẻ nhớ (nếu đang gắn vào máy), bấm , và chọn **Tools > File mgr..** Giao diện bộ nhớ điện thoại () sẽ mở ra. Bấm  để mở giao diện thẻ nhớ ()

Để di chuyển hoặc sao chép các tập tin vào thư mục, bấm  và  cùng lúc để đánh dấu tập tin và chọn **Options > Move to folder** hoặc **Copy to folder**.

Các biểu tượng trong **File mgr.**:



Thư mục



Thư mục có một thư mục con

Để tìm một tập tin, chọn **Options > Find** và bộ nhớ mà bạn sẽ dùng cho việc tìm kiếm, và nhập tên tập tin tương ứng cần tìm.



Mẹo! Bạn có thể sử dụng Nokia Phone Browser hiện có trong Nokia PC Suite để xem các bộ nhớ khác nhau trong điện thoại. Xem trong đĩa CD được cung cấp kèm theo bộ sản phẩm.

Xem mức sử dụng bộ nhớ

Để xem trong điện thoại đang có những loại dữ liệu nào và mức sử dụng bộ nhớ của mỗi loại dữ liệu, chọn **Options > Memory details**. Di chuyển xuống **Free memory** để xem dung lượng còn trống trong điện thoại.

Trong trường hợp có gắn thêm thẻ nhớ vào máy, để xác định dung lượng bộ nhớ còn trống trên thẻ nhớ, bấm để mở cửa sổ thẻ nhớ và chọn **Options > Memory details**.

Không đủ bộ nhớ - làm trống bộ nhớ

Nếu dung lượng bộ nhớ điện thoại gần hết trong khi chức năng trình duyệt đang mở thì chức năng này sẽ tự động đóng lại để làm trống bộ nhớ.

Để giải phóng bộ nhớ điện thoại, di chuyển dữ liệu sang thẻ nhớ bằng chương trình quản lý tập tin. Đánh dấu các tập tin sẽ được di chuyển và chọn **Move to folder > Memory card**, và chọn thư mục sẽ chuyển đến.



Mẹo! Để làm trống bộ nhớ trên điện thoại hoặc thẻ nhớ, sử dụng ứng dụng Image Store hiện có trong Nokia PC Suite để truyền hình ảnh và video clip sang máy PC tương thích. Xem trong đĩa CD được cung cấp kèm theo bộ sản phẩm.

Để làm trống bộ nhớ bằng cách xóa dữ liệu, sử dụng **File mgr.** hoặc vào ứng dụng tương ứng. Ví dụ bạn có thể xóa các dữ liệu sau:

- Tin nhắn trong các thư mục **Inbox**, **Drafts**, và **Sent** trong phần **Messaging**
- Các tin nhắn e-mail đã tải về từ bộ nhớ điện thoại
- Các trang Web đã lưu
- Các tập tin âm thanh, video và hình ảnh đã lưu

- Thông tin về số liên lạc
- Ghi chú lịch
- Các ứng dụng được tải về. Xem thêm phần "[Chương trình quản lý ứng dụng](#)", ở trang 125.
- Tất cả các dữ liệu bạn không còn cần dùng đến nữa



Công cụ thẻ nhớ

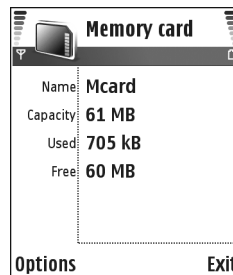


Lưu ý: Điện thoại này sử dụng Thẻ MultiMedia Card (RS-MMC) Reduced Size Dual Voltage (1,8/3V). Để đảm bảo khả năng hoạt động tương thích, chỉ nên sử dụng các loại thẻ RS-MMC điện áp kép. Kiểm tra tính tương thích của thẻ RS-MMC với nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp thẻ.

Chỉ sử dụng thẻ RS-MMC tương thích với kiểu điện thoại này. Các loại thẻ nhớ khác, như thẻ SD sẽ không vừa với khe thẻ nhớ và cũng không tương thích với điện thoại này. Sử dụng thẻ nhớ không tương thích có thể làm hư thẻ cũng như thiết bị và dữ liệu lưu trong thẻ có thể bị mất.

Giữ tất cả thẻ nhớ ngoài tầm với trẻ em.

Bấm , và chọn **Tools** > **Memory**. Bạn có thể sử dụng thẻ nhớ làm vùng lưu trữ thêm. Rất tốt nếu bạn lưu dự phòng định kỳ các thông tin trong bộ nhớ điện thoại sang thẻ nhớ. Thông tin có thể được phục hồi lại trên điện thoại về sau. Xem phần 'Lắp thẻ nhớ' trong tài liệu Hướng dẫn sử dụng nhanh.



Bạn không thể sử dụng thẻ nhớ nếu nắp của ngăn chứa thẻ nhớ mở.



Chú ý: Không tháo thẻ nhớ trong khi đang truy cập vào thẻ. Việc tháo thẻ trong khi đang sử dụng có thể làm hư thẻ cũng như điện thoại, và dữ liệu lưu trong thẻ có thể bị lỗi.

Để lưu dự phòng các thông tin trên bộ nhớ điện thoại sang thẻ nhớ, chọn **Options** > **Backup phone mem.**

Để khôi phục thông tin trong thẻ nhớ vào bộ nhớ điện thoại, chọn **Options** > **Restore from card.**



Mẹo! Để đổi tên thẻ nhớ, chọn **Options** > **Memory card name.**

Định dạng thẻ nhớ

Khi định dạng lại thẻ nhớ, tất cả dữ liệu có trên thẻ sẽ bị mất.

Một số thẻ nhớ được định dạng sẵn khi bán ra nhưng một số thẻ nhớ khác yêu cầu phải định dạng. Tham khảo ý kiến người bán lẻ để xác định xem bạn có phải định dạng thẻ nhớ trước khi sử dụng hay không.

Để định dạng thẻ nhớ, chọn **Options > Format mem. card**. Chọn **Yes** để xác nhận. Khi quá trình định dạng kết thúc, đặt tên cho thẻ nhớ, và chọn **OK**.

Các phím tắt hữu dụng

Sử dụng phím tắt để truy cập nhanh đến hầu hết các chức năng trong điện thoại. Tham khảo các phần có liên quan trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này để biết thêm chi tiết của các chức năng.

Các phím tắt khi chụp hình

- Để phóng to và thu nhỏ, bấm phím điều khiển lên hoặc xuống.
- Để nhập các thông số cài đặt **Image setup**, bấm phím điều khiển.

- Để thay đổi chế độ đèn, bấm phím điều khiển sang trái hoặc sang phải.
- Sau khi chụp hình, để chụp một hình mới, bấm phím chụp nửa chừng.
- Nếu bạn đã kích hoạt một ứng dụng trong chế độ Imaging, bấm phím chụp hình để trở về chế độ camera.

Các phím tắt khi quay video

- Để phóng to và thu nhỏ, bấm phím điều khiển lên hoặc xuống.
- Để nhập các thông số cài đặt Video setup, bấm phím điều khiển.
- Nếu bạn đã kích hoạt một ứng dụng trong chế độ Imaging, bấm phím chụp hình để trở về chế độ camera.

Chỉnh sửa văn bản và danh sách

- Để chọn một mục trong danh sách, di chuyển đến mục đó và bấm  và  cùng lúc.
- Để chọn nhiều mục trong danh sách, bấm và giữ  trong khi bấm  hoặc . Để ngưng chọn, thả , sau đó thả  ra.
- Để sao chép và dán văn bản: Bấm và giữ . Cùng lúc, bấm  hoặc  để chọn các ký tự và từ, hoặc bấm  hoặc  để chọn các dòng văn bản. Đối với các phần di chuyển, văn bản sẽ

được đánh dấu. Để sao chép văn bản, trong khi vẫn giữ , bấm **Copy**. Để chèn văn bản vào một tài liệu, bấm và giữ  và bấm **Paste**.

Chế độ chờ

- Để chuyển qua lại giữa các ứng dụng đang mở, bấm và giữ . Nếu không đủ bộ nhớ, điện thoại có thể đóng lại một số ứng dụng. Điện thoại sẽ lưu lại bất kỳ dữ liệu chưa được lưu nào trước khi đóng lại ứng dụng.
- Để thay đổi cấu hình, bấm  và chọn một cấu hình.
- Bấm và giữ # để chuyển đổi giữa cấu hình **General** và **Silent**. Nếu bạn có hai số máy điện thoại, thao tác này cũng sẽ chuyển đổi qua lại giữa hai số điện thoại.
- Để mở danh sách các số điện thoại đã gọi mới nhất, bấm .
- Để sử dụng lệnh thoại, bấm và giữ phím chụp. Xem phần "**Lệnh thoại**", ở trang 125.
- Để khởi động kết nối **Web**, bấm và giữ . Xem phần "**Web**", ở trang 89.

Để biết thêm các phím tắt có sẵn ở chế độ chờ, xem phần "**Khởi động chế độ chờ**", ở trang 26.

Khóa bàn phím (bảo vệ phím)

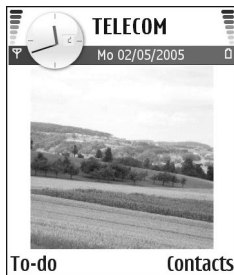
- Để khóa: Ở chế độ chờ, bấm , sau đó bấm *.
- Để mở khóa: Bấm , sau đó bấm *.
- Để khóa bàn phím trong chế độ Nắp gấp đóng, bấm  và chọn **Lock keypad**.
- Để bật đèn màn hình khi khóa bàn phím, bấm .

Khi bàn phím bị khóa, bạn vẫn có thể gọi đến các số điện thoại khẩn cấp chính thức được lập trình trong điện thoại. Nhập số điện thoại khẩn cấp vào và bấm .

Cài đặt riêng điện thoại

Nhà cung cấp dịch vụ có thể yêu cầu bạn ngưng sử dụng hoặc tắt một số chức năng trong điện thoại của bạn. Nếu vậy, các chức năng này sẽ không hiển thị trên menu của điện thoại. Điện thoại của bạn cũng được cấu hình đặc biệt dành cho nhà cung cấp mạng. Cấu hình này có thể làm thay đổi tên menu, thứ tự menu và các biểu tượng. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin.

- Để sử dụng màn hình chính ở chế độ chờ để truy cập nhanh đến các ứng dụng được sử dụng thường xuyên, xem phần "[Khởi động chế độ chờ](#)", ở trang 26.
- Để thay đổi hình nền ở chế độ chờ hoặc nội dung hiển thị của màn hình bảo vệ, xem phần "[Thay đổi giao diện điện thoại](#)", ở trang 25, và phần "[Cài đặt màn hình phụ](#)", ở trang 124.
- Để cài đặt riêng kiểu chuông, xem phần "[Profiles—Cài âm báo](#)", ở trang 23.



- Để thay đổi các phím tắt được gán cho các hướng di chuyển khác nhau của phím di chuyển và các phím chọn trái và phải khi ở chế độ chờ, xem phần "[Chế độ chờ](#)", ở trang 115. Phím tắt trên phím di chuyển sẽ không có hiệu lực khi điện thoại bật chế độ chờ.
- Để thay đổi đồng hồ hiển thị ở chế độ chờ, bấm , và chọn **Clock > Options > Settings > Clock type > Analogue** hoặc **Digital**.
- Để thay đổi âm báo, bấm , và chọn **Clock > Options > Settings > Clock Alarm tone** và chọn âm báo.
- Để thay đổi âm báo lịch, bấm , và chọn **Calendar > Options > Settings**.
- Để thay đổi lời chào thành một dòng văn bản hoặc hình ảnh, bấm , và chọn **Tools > Settings > Phone > General > Welcome note or logo**.
- Để gán một kiểu chuông riêng cho một số liên lạc, bấm , và chọn **Contacts**. Xem phần "[Thêm nhạc chuông cho các số liên lạc](#)", ở trang 41.
- Để gán một số quay nhanh cho số liên lạc, bấm một phím số khi ở chế độ chờ (1 được dành riêng cho hộp thư thoại) và bấm . Chọn **Yes**, sau đó chọn một số liên lạc.

- Để sắp xếp lại menu chính, trong menu chính, chọn **Options > Move, Move to folder**, hoặc **New folder**. Bạn có thể di chuyển các ứng dụng ít sử dụng vào trong các thư mục và bố trí các ứng dụng thường dùng vào menu chính.



Profiles—Cài âm báo

Để cài đặt và tùy chỉnh nhạc chuông, âm báo có tin nhắn, và các điệu nhạc khác nhau cho các sự kiện, môi trường, hoặc nhóm người gọi đến khác nhau, bấm và chọn **Tools > Profiles**. Nếu cấu hình được chọn hiện tại không phải là cấu hình **General**, tên cấu hình sẽ hiển thị ở trên đầu màn hình khi ở chế độ chờ.

Để thay đổi cấu hình, bấm khi ở chế độ chờ. Di chuyển đến cấu hình bạn muốn kích hoạt và chọn **OK**.

Để chỉnh sửa một cấu hình, bấm , và chọn **Tools > Profiles**. Di chuyển đến cấu hình và chọn **Options > Personalise**. Di chuyển đến cài đặt bạn muốn thay đổi và bấm để mở các tùy chọn. Các nhạc chuông lưu trữ trong thẻ nhớ được chỉ báo bằng . Bạn có thể xem qua danh sách nhạc chuông và lắng nghe từng giai điệu trước khi quyết định chọn. Bấm phím bất kỳ để ngừng âm thanh.



Mẹo! Khi bạn chọn một kiểu chuông, **Tone downloads** sẽ mở danh sách các chỉ mục. Bạn có thể chọn một chỉ mục và bắt đầu kết nối với trang Web để tải các kiểu chuông đó về.



Mẹo! Để biết thêm thông tin về cách thay đổi âm báo dành cho lịch hoặc đồng hồ báo thức, xem phần **"Cài đặt riêng điện thoại"**, ở trang 22.

Để tạo một cấu hình mới, chọn **Options > Create new**.

Cấu hình offline

Cấu hình **Offline** cho phép bạn sử dụng điện thoại mà không cần kết nối mạng vô tuyến. Khi bạn kích hoạt cấu hình **Offline**, kết nối với mạng vô tuyến ở trạng thái tắt, và được chỉ báo bằng thanh chỉ báo cường độ tín hiệu . Tất cả tín hiệu điện thoại vô tuyến đi và đến điện thoại của bạn đều bị cấm. Nếu bạn cố gửi tin nhắn, chúng sẽ được đưa vào hộp thư đi để gửi sau.



Cảnh báo: Trong cấu hình offline, bạn không thể gọi (hoặc nhận) bất kỳ cuộc gọi nào, ngoại trừ gọi đến các số khẩn cấp nhất định, hoặc sử dụng các tính năng khác yêu cầu có mạng phủ sóng. Để gọi điện, bạn phải kích hoạt chức năng của điện thoại trước bằng

cách thay đổi các cấu hình. Nếu điện thoại đã bị khóa, nhập mã khóa vào.



Cảnh báo: Bạn phải bật điện thoại để sử dụng cấu hình **Offline**. Không nên bật điện thoại nếu bị cấm hoặc có thể gây nhiễu sóng hoặc nguy hiểm.

Để thoát khỏi cấu hình **Offline**, bấm , và chọn **Tools > Profiles**, chọn một cấu hình khác và chọn **Options > Activate > Yes**. Điện thoại sẽ kích hoạt lại các phiên kết nối vô tuyến (với điều kiện cường độ tín hiệu đủ mạnh). Nếu một kết nối Bluetooth được kích hoạt trước khi vào cấu hình **Offline**, kết nối này sẽ bị ngắt. Kết nối Bluetooth sẽ tự động được kích hoạt trở lại sau khi thoát khỏi cấu hình **Offline**. Xem phần "[Cài đặt kết nối Bluetooth](#)", ở trang 107.



Chuyển nội dung từ điện thoại khác

Bạn có thể sao chép số liên lạc, lịch, hình ảnh, video clip và tập tin âm thanh qua kết nối Bluetooth từ điện thoại Nokia Series 60 tương thích.

Bạn có thể sử dụng điện thoại Nokia N90 mà không cần thẻ SIM. Cấu hình offline sẽ được tự động kích hoạt khi bạn bật nguồn điện thoại mà không gắn thẻ

SIM. Chức năng này cho phép bạn sử dụng thẻ SIM trên một điện thoại khác.

Để tránh bị trùng lặp các mục, bạn chỉ có thể chuyển cùng loại thông tin, ví dụ như số liên lạc, từ điện thoại khác vào điện thoại Nokia N90 một lần.

Trước khi chuyển dữ liệu, bạn phải kích hoạt kết nối Bluetooth trên cả hai điện thoại. Trên từng điện thoại, bấm , và chọn **Connect. > Bluetooth**. Chọn **Bluetooth > On**. Đặt tên cho từng điện thoại.

Để chuyển nội dung:

- 1 Bấm  và chọn **Tools > Transfer** trên điện thoại Nokia N90 của bạn. Thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình.
- 2 Điện thoại sẽ tìm các thiết bị có kết nối Bluetooth. Khi quá trình tìm kiếm kết thúc, chọn điện thoại khác trong danh sách.
- 3 Bạn sẽ được yêu cầu nhập mã trên điện thoại Nokia N90. Nhập một mã (1-16 số) vào và chọn **OK**. Nhập cùng mã vào điện thoại kia và chọn **OK**.
- 4 Ứng dụng **Transfer** được gửi đến điện thoại khác dưới dạng tin nhắn.
- 5 Mở tin nhắn để cài đặt ứng dụng **Transfer** trên điện thoại kia và thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình.

6 Trong điện thoại Nokia N90, chọn nội dung bạn muốn sao chép từ điện thoại kia.

Nội dung sẽ được sao chép từ bộ nhớ và thẻ nhớ của điện thoại khác vào điện thoại Nokia N90 và thẻ nhớ. Thời gian sao chép tùy thuộc vào lượng dữ liệu sẽ được chuyển. Bạn có thể hủy lệnh sao chép và tiếp tục lại sau. Ứng dụng **Transfer** sẽ được thêm vào menu chính của điện thoại khác.



Thay đổi giao diện điện thoại

Để thay đổi giao diện màn hình điện thoại, ví dụ như hình nền và các biểu tượng, bấm  và chọn **Tools > Themes**. Chủ đề hiện hành được chỉ báo bằng . Trong **Themes**, bạn có thể nhóm các phần tử từ các chủ đề khác nhau hoặc chọn các hình ảnh trong **Gallery** để cá nhân hóa chủ đề hơn nữa. Các chủ đề trên thẻ nhớ được chỉ báo bằng . Các chủ đề trên thẻ nhớ sẽ không có hiệu lực khi thẻ nhớ được chèn vào điện thoại. Nếu bạn muốn sử dụng các chủ đề được lưu trong thẻ nhớ mà không cần đến thẻ nhớ, lưu các chủ đề vào bộ nhớ điện thoại trước.

Xem thêm phần "**Cài đặt màn hình phụ**", ở trang 124.

Để mở một kết nối trình duyệt và tải về thêm nhiều chủ đề, chọn **Theme downloads**.

Để kích hoạt một chủ đề, di chuyển đến chủ đề đó và chọn **Options > Apply**.

Để xem trước một chủ đề, di chuyển đến chủ đề đó và chọn **Options > Preview**.

Để chỉnh sửa chủ đề, di chuyển đến một chủ đề và chọn **Options > Edit** để thay đổi các tùy chọn sau:

- **Wallpaper** — Hình sẽ được hiển thị dưới dạng hình nền khi ở chế độ chờ.
- **Screen saver** — Kiểu màn hình riêng trên màn hình chính: ngày và giờ hoặc đoạn văn bản do bạn tự soạn. Xem thêm phần **Screen saver timeout**, ở trang 115.
- **Image in 'Go to'** — Hình nền dành cho ứng dụng **Go to**.

Để khôi phục chủ đề được chọn trở về cài đặt gốc, chọn **Options > Restore orig. theme** khi bạn chỉnh sửa một chủ đề.

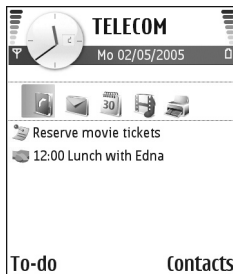
Khởi động chế độ chờ

Sử dụng màn hình chính ở chế độ chờ để truy cập nhanh vào các ứng dụng bạn thường sử dụng. Theo mặc định, chế độ chờ sẽ được bật.

Bấm , chọn **Tools > Settings > Phone > Standby mode > Active standby**, và bấm  để bật hoặc tắt chế độ chờ.

Màn hình chờ sẽ được hiển thị với các ứng dụng mặc định và lịch, ghi chú việc, và các sự kiện được liệt kê bên dưới.

Di chuyển đến một ứng dụng hoặc sự kiện và bấm .



Bạn không thể sử dụng các phím tắt của phím di chuyển chuẩn ở chế độ chờ khi chế độ chờ đang được kích hoạt.

Để thay đổi phím tắt các ứng dụng mặc định:

- 1 Bấm , chọn **Tools > Settings > Phone > Standby mode > Active standby apps.**, và bấm .
- 2 Đánh dấu một phím tắt đến một ứng dụng và chọn **Options > Change**.
- 3 Chọn một ứng dụng mới trong danh sách và bấm .

Một số phím tắt đã được cài cố định và bạn không thể thay đổi các phím tắt này.

Gọi điện

Cuộc gọi thoại

 **Mẹo!** Để tăng hoặc giảm âm lượng trong khi gọi, bấm  hoặc . Nếu bạn đã cài âm lượng sang **Mute**, bạn không thể điều chỉnh âm lượng bằng phím di chuyển. Để điều chỉnh âm lượng, chọn **Unmute**, sau đó bấm  hoặc .

1 Khi ở chế độ chờ, nhập số điện thoại, bao gồm cả mã vùng. Bấm  để xóa một số điện thoại.

Để gọi điện quốc tế, bấm * hai lần cho ký tự + (thay cho mã truy cập quốc tế), và nhập mã quốc gia, mã vùng (bỏ số 0 đứng trước nếu cần), và nhập số điện thoại cần gọi vào.

2 Bấm  để gọi số điện thoại đó.

3 Bấm  để ngừng cuộc gọi (hoặc hủy cuộc gọi).

Bấm  sẽ luôn kết thúc cuộc gọi, cho dù đang có một ứng dụng khác đang được kích hoạt.

Việc kích hoạt chế độ Nắp gấp đóng trong khi cuộc gọi đang diễn ra sẽ kết thúc cuộc gọi trừ phi bạn đã kích hoạt chế độ loa hoặc tai nghe.

Để thực hiện một cuộc gọi từ **Contacts**, bấm , và chọn **Contacts**. Di chuyển đến tên bạn muốn; hoặc nhập các ký tự đầu tiên của tên đó vào trường tìm. Các số liên lạc tương ứng sẽ được liệt kê. Để gọi điện, bấm  hoặc chọn **Options** > **Call** > **Voice call**. Nếu liên lạc này có nhiều số điện thoại, di chuyển đến số bạn muốn gọi và chọn **Call**.

Bạn phải copy số liên lạc từ thẻ SIM vào **Contacts** trước khi bạn có thể thực hiện cuộc gọi theo cách này. Xem phần "**Copy số liên lạc**", ở trang 40.

Để gọi vào hộp thư thoại () , bấm và giữ **1** khi ở chế độ chờ. Xem thêm phần "**Call divert-Chuyển hướng cuộc gọi**", ở trang 122.

 **Mẹo!** Để thay đổi số hộp thư thoại, bấm , và chọn **Tools** > **Voice mail** > **Options** > **Change number**. Nhập số vào (nhà cung cấp dịch vụ sẽ cung cấp cho bạn số này) và chọn **OK**.

Để gọi lại số vừa gọi khi ở chế độ chờ, bấm  để truy cập danh sách 20 số điện thoại mà bạn đã gọi hoặc cố gọi mới nhất. Di chuyển đến số điện thoại muốn gọi và bấm  để gọi số đó.

Gọi điện hội nghị

- 1 Gọi điện cho thành viên thứ nhất.
- 2 Để gọi điện cho một thành viên khác, chọn **Options** > **New call**. Cuộc gọi đầu sẽ tự động ở trạng thái giữ.
- 3 Khi cuộc gọi mới được trả lời, để nối thành viên đầu tiên vào cuộc gọi hội nghị, chọn **Options** > **Conference**.

Để thêm người mới vào cuộc gọi, lặp lại bước 2, và chọn **Options** > **Conference** > **Add to conference**. Điện thoại hỗ trợ các cuộc gọi hội nghị với tối đa sáu thành viên tham gia, kể cả bạn.

Để trò chuyện riêng với một trong các thành viên, chọn **Options** > **Conference** > **Private**. Chọn một thành viên và chọn **Private**. Cuộc gọi hội nghị sẽ được chuyển sang trạng thái giữ. Những thành viên khác vẫn có thể tiếp tục cuộc gọi hội nghị. Khi đã kết thúc cuộc trò chuyện riêng, chọn **Options** > **Add to conference** để trở về cuộc gọi hội nghị.

Để loại một thành viên, chọn **Options** > **Conference** > **Drop participant**, di chuyển đến thành viên đó và chọn **Drop**.

- 4 Để kết thúc cuộc gọi hội nghị, bấm **⏏**.

Quay nhanh một số điện thoại

Để kích hoạt chức năng quay số nhanh, bấm **⚙**, và chọn **Tools** > **Settings** > **Call** > **Speed dialling** > **On**.

Để gán một số điện thoại cho một trong các phím quay số nhanh (**2—9**), bấm **⚙**, và chọn **Tools** > **Speed dial**. Di chuyển đến phím bạn muốn gán số điện thoại và chọn **Options** > **Assign**. **1** được dành cho hộp thư thoại.

Để gọi điện ở chế độ chờ, bấm phím quay số nhanh và **⏏**.

Quay số bằng khẩu lệnh

Điện thoại của bạn hỗ trợ các lệnh thoại được cải tiến. Lệnh thoại cải tiến không tùy thuộc vào giọng người nói, vì vậy người sử dụng không cần phải ghi âm khẩu lệnh trước. Thay vào đó, điện thoại sẽ tạo một khẩu lệnh dành cho các mục trong danh bạ và so sánh khẩu lệnh được nói với khẩu lệnh này. Bộ phận nhận dạng giọng nói trong điện thoại sẽ phân tích tiếng nói của người dùng chính để nhận dạng lệnh thoại tốt hơn.

Khẩu lệnh ứng với một số liên lạc là tên hoặc biệt hiệu đã được lưu vào thẻ nhớ. Để nghe khẩu lệnh được tổng hợp, mở một thẻ liên lạc và chọn **Options** > **Play voice tag**.

Gọi điện bằng khẩu lệnh



Lưu ý: Sử dụng khẩu lệnh có thể gặp khó khăn trong một môi trường ồn ào hoặc trong trường hợp khẩn cấp, vì thế bạn không nên chỉ dựa vào chức năng quay số bằng khẩu lệnh trong mọi trường hợp.

Khi bạn sử dụng chức năng quay số bằng khẩu lệnh, loa sẽ được sử dụng. Giữ điện thoại ở khoảng cách gần khi phát âm khẩu lệnh.

- 1 Để sử dụng chức năng quay số bằng khẩu lệnh, bấm và giữ phím chụp ảnh. Nếu bạn đang sử dụng tai nghe tương thích qua phím tai nghe, bấm và giữ phím tai nghe để bắt đầu quay số bằng khẩu lệnh.
- 2 Một âm ngắn sẽ phát ra, và thông báo **Speak now** sẽ hiển thị. Đọc rõ tên hoặc biệt hiệu đã được lưu cho thẻ liên lạc.
- 3 Điện thoại sẽ phát khẩu lệnh tổng hợp ứng với số liên lạc được nhận dạng bằng ngôn ngữ được chọn trong điện thoại, đồng thời hiển thị tên và số điện thoại của số liên lạc đó. Sau khoảng thời gian 1,5 giây, điện thoại sẽ quay số điện thoại đó. Nếu số liên lạc được nhận dạng không đúng, chọn **Next** để xem danh sách các số liên lạc tương ứng hoặc **Quit** để hủy chức năng quay số bằng khẩu lệnh.

Nếu một tên có nhiều số điện thoại, máy sẽ chọn số mặc định nếu số này đã được cài. Nếu không, điện thoại sẽ chọn số điện thoại đầu tiên theo thứ tự sau:

Mobile, Mobile (home), Mobile (business), Telephone, Tel. (home), và Tel. (business).

Video calls

Khi thực hiện cuộc gọi video, bạn có thể nhìn thấy hình ảnh hai chiều trong thời gian đàm thoại giữa bạn và người nhận cuộc gọi. Hình ảnh video truyền trực tiếp, hoặc hình tĩnh được chụp bằng camera trên điện thoại sẽ hiển thị trên điện thoại của người nhận trong cuộc gọi video.

Để thực hiện cuộc gọi video, bạn phải có thẻ USIM và trong vùng phủ sóng của mạng UMTS. Để biết tính khả dụng và thuê bao dịch vụ cuộc gọi video, liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Cuộc gọi video chỉ có thể được thực hiện giữa hai thành viên. Cuộc gọi video có thể được áp dụng để gọi đến điện thoại di động tương thích hoặc một thuê bao ISDN. Cuộc gọi video không thể thực hiện được trong khi đang có cuộc gọi thoại, cuộc gọi video hoặc quá trình trao đổi dữ liệu đang diễn ra.



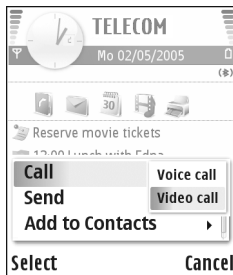
Cảnh báo! Bạn không thể thực hiện các cuộc gọi khẩn cấp trong chế độ Imaging vì bàn phím sẽ bị khóa trong chế độ này. Để thực hiện cuộc gọi khẩn cấp, kích hoạt chế độ Nắp gấp mở.

Biểu tượng:

Bạn không nhận được hình video (người nhận không gửi hoặc mạng không chuyển đoạn video này).

Bạn đã từ chối gửi tin hiệu hình ảnh từ điện thoại của bạn. Để gửi hình tĩnh thay vào đó, xem phần "**Call-Cài đặt cuộc gọi**", ở trang 115.

- Để thực hiện cuộc gọi video, với Nắp gấp mở, nhập số điện thoại khi ở chế độ chờ hoặc chọn **Contacts**, và chọn một số liên lạc.
- Chọn **Options > Call > Video call**.
- Kích hoạt chế độ Imaging sau khi người nhận cuộc gọi trả lời.



Thời gian để khởi động một cuộc gọi video có thể kéo dài. Thông báo **Waiting for image** sẽ hiển thị. Nếu cuộc gọi không thực hiện được (ví dụ như mạng

không hỗ trợ cuộc gọi video, hoặc thiết bị nhận không tương thích), điện thoại sẽ yêu cầu bạn thực hiện cuộc gọi thông thường hoặc gửi tin nhắn thay vì dùng cuộc gọi video.

Cuộc gọi video có hiệu lực khi bạn nhìn thấy ảnh video của hai bên và nghe thấy âm thanh qua loa. Người nhận cuộc gọi có thể từ chối gửi hình ảnh () , và trong trường hợp này, bạn sẽ nghe thấy âm báo và nhìn thấy một hình tĩnh hoặc một hình nền màu xám.

Mẹo! Để tăng hoặc giảm âm lượng trong cuộc gọi, ở chế độ Nắp gấp mở, bấm hoặc , hoặc khi ở chế độ Imaging, di chuyển nút điều khiển sang trái hoặc phải.

Để thay đổi giữa chế độ hiển thị video hoặc chỉ nghe thấy âm thanh, chọn **Enable/Disable > Sending video** (chỉ trong chế độ Imaging), **Sending audio** hoặc **Sending audio & video** (chỉ trong chế độ Imaging).

Để truyền trực tiếp hình ảnh video của chính bạn, xoay camera sao cho ống kính hướng về phía bạn.

Di chuyển nút điều khiển lên hoặc xuống để phóng to và thu nhỏ hình.. Chỉ báo phóng to/thu nhỏ sẽ được hiển thị ở trên đầu màn hình.

Để chuyển đổi vị trí của các hình video đã gửi trên màn hình, chọn **Change image order**.

Nếu bạn mở Nắp gập trong khi đang có cuộc gọi video, camera sẽ ngừng hoạt động và vì vậy, việc gửi hình ảnh video của riêng bạn cũng sẽ ngưng lại. Tuy nhiên, bạn vẫn có thể nhìn thấy hình ảnh của người nhận cuộc gọi.



Lưu ý: Mặc dù bạn đã ngăn không gửi tín hiệu video khi sử dụng chức năng cuộc gọi video, cuộc gọi này sẽ vẫn bị tính cước như là cuộc gọi video. Kiểm tra việc tính phí với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Để kết thúc cuộc gọi video, bấm .

Video sharing

Sử dụng chức năng **Video sharing** để gửi video thực hoặc một đoạn video clip từ điện thoại di động của bạn đến một thiết bị di động tương thích trong cuộc gọi thoại. Đơn giản, bạn chỉ cần mời người nhận cuộc gọi xem video thực hoặc một đoạn video clip mà bạn muốn chia sẻ. Việc chia sẻ sẽ tự động bắt đầu khi người nhận chấp nhận lời mời và bạn kích hoạt chế độ thích hợp. Xem phần "[Chia sẻ video thực](#)", ở trang 32.

Yêu cầu chia sẻ hình ảnh

Vì **Video sharing** yêu cầu kết nối mạng UMTS (Hệ thống Viễn thông Di động Toàn cầu) 3G, khả năng sử dụng **Video sharing** tùy thuộc vào khả năng hỗ trợ 3G của mạng. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết khả năng đáp ứng của mạng và chi phí liên quan đến việc sử dụng ứng dụng này. Để sử dụng **Video sharing** bạn phải:

- Bảo đảm chức năng **Video sharing** đã được cài vào điện thoại Nokia N90.
- Bảo đảm điện thoại đã được thiết lập các kết nối một chiều. Xem phần "[Cài đặt](#)", ở trang 32.
- Bảo đảm bạn có một kết nối UMTS đang hoạt động và đang trong phạm vi phủ sóng của mạng UMTS. Xem phần "[Cài đặt](#)", ở trang 32. Nếu bạn khởi động phiên dịch vụ chia sẻ trong khi đang ở trong phạm vi phủ sóng của mạng UMTS và đang trong quá trình kết nối mạng GSM, phiên dịch vụ chia sẻ sẽ bị ngừng lại, cuộc gọi thoại của bạn vẫn tiếp tục.
- Bảo đảm cả người gửi và người nhận đã đăng ký mạng UMTS. Nếu bạn mời một người tham gia phiên dịch vụ chia sẻ nhưng người này tắt điện thoại, không nằm trong phạm vi mạng UMTS, hoặc chưa cài đặt chế độ chia sẻ video hoặc chưa thiết lập kết nối một chiều, người đó sẽ không biết bạn gửi lời mời đến họ. Tuy nhiên,

bạn sẽ nhận được một thông báo cho biết người nhận không thể nhận lời mời.

Cài đặt

Cài đặt kết nối một chiều

Kết nối một chiều còn được biết là kết nối SIP. Thông số cài đặt cấu hình SIP phải được cấu hình trong điện thoại trước khi bạn có thể sử dụng chức năng **Video sharing**. Việc thiết lập cấu hình SIP cho phép bạn thiết lập kết nối một chiều đến một điện thoại tương thích khác. Cấu hình SIP cũng phải được thiết lập để nhận phiên chia sẻ dữ liệu.

Liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ để có được thông số cài đặt cấu hình SIP và lưu các thông số này vào điện thoại của bạn. Nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ có thể gửi các thông số cài đặt qua mạng hoặc gửi cho bạn một danh sách các thông số cần thiết.

Nếu bạn biết địa chỉ SIP của người nhận, bạn có thể nhập địa chỉ này vào thẻ liên lạc của người đó. Mở **Contacts** từ menu chính của điện thoại và mở thẻ liên lạc (hoặc tạo một thẻ liên lạc mới cho người đó). Chọn **Options > Add detail > Web address**. Nhập địa chỉ SIP theo định dạng sip: username@domainname (bạn có thể sử dụng địa chỉ IP thay cho tên miền).

Cài đặt kết nối UMTS

Để thiết lập kết nối UMTS, thực hiện như sau:

- Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để thỏa thuận sử dụng dịch vụ mạng UMTS.
- Bảo đảm thông số cài đặt kết nối điểm truy cập UMTS được cấu hình đúng. Để được trợ giúp, xem phần "**Connection-Cài đặt kết nối**", ở trang 116.

Chia sẻ video thực

Để nhận một phiên chia sẻ dữ liệu, người nhận phải cài đặt chức năng **Video sharing** và cấu hình các thông số cài đặt theo yêu cầu trên điện thoại di động của họ. Cả bạn và người nhận phải đăng ký dịch vụ trước khi có thể chia sẻ dữ liệu.

Để nhận lời mời chia sẻ, bạn phải đăng ký dịch vụ, điện thoại của bạn đang có kết nối UMTS và đang trong vùng phủ sóng của mạng UMTS.

Video thực

- 1 Khi cuộc gọi thoại được kích hoạt, chọn **Options > Share video > Live**.
- 2 Điện thoại sẽ gửi lời mời đến địa chỉ SIP mà bạn đã thêm vào thẻ liên lạc của người nhận. Nếu người nhận có nhiều địa chỉ SIP trong thẻ liên lạc, chọn địa chỉ SIP mà bạn muốn gửi lời mời và

Select để gửi lời mời. Nếu địa chỉ SIP của người nhận không có, nhập địa chỉ SIP vào. Chọn **OK** để gửi lời mời.

- 3 Việc chia sẻ sẽ tự động bắt đầu khi người nhận chấp nhận lời mời và bạn kích hoạt chế độ Imaging. Xem phần "**Chế độ Imaging**", ở trang 12.

Khi bạn kích hoạt chế độ Imaging, loa cũng sẽ được kích hoạt. Bạn cũng có thể sử dụng tai nghe để tiếp tục cuộc gọi thoại trong khi truyền video.

- 4 Chọn **Pause** để tạm ngưng phiên chia sẻ dữ liệu. Chọn **Continue** để tiếp tục lại phiên chia sẻ dữ liệu.
- 5 Để kết thúc phiên chia sẻ dữ liệu, trong chế độ Imaging, trở về chế độ Nắp gấp mở. Để kết thúc cuộc gọi thoại, bấm phím Kết thúc.

Video clip

- 1 Khi cuộc gọi thoại được kích hoạt, chọn **Options > Share video > Clip**.
Một danh sách các đoạn video clip sẽ mở ra.
- 2 Chọn đoạn video clip bạn muốn chia sẻ. Màn hình xem trước sẽ mở ra. Để xem trước đoạn video clip, chọn **Options > Play**.
- 3 Chọn **Options > Invite**.

Bạn cần phải chuyển đoạn video clip sang định dạng thích hợp để có thể chia sẻ được. Khi thông báo **Clip must be converted for sharing. Continue?** xuất hiện. Chọn **OK**.

Điện thoại sẽ gửi lời mời đến địa chỉ SIP mà bạn đã thêm vào thẻ liên lạc của người nhận.

Trong trường hợp người nhận có nhiều địa chỉ SIP trong thẻ liên lạc, chọn địa chỉ SIP mà bạn muốn gửi lời mời và **Select** để gửi lời mời.

Nếu địa chỉ SIP của người nhận không có, nhập địa chỉ SIP vào. Chọn **OK** để gửi lời mời.

- 4 Việc chia sẻ sẽ tự khởi động trong chế độ Nắp gấp mở khi người nhận chấp nhận lời mời. Xem phần "**Chế độ nắp gấp mở**", ở trang 11.
- 5 Chọn **Pause** để tạm ngưng phiên chia sẻ dữ liệu. Chọn **Options > Continue** để tiếp tục lại phiên chia sẻ dữ liệu.
- 6 Để kết thúc phiên chia sẻ dữ liệu, chọn **Stop**. Để kết thúc cuộc gọi thoại, bấm phím Kết thúc.

Nhận một lời mời

Khi có một người gửi cho bạn lời mời chia sẻ dữ liệu, một thông báo mời sẽ hiển thị cho biết tên hoặc địa chỉ SIP của người gửi. Nếu điện thoại không được cài **Silent**, điện thoại sẽ báo chuông khi bạn nhận được lời mời.

Nếu một người nào đó gửi cho bạn lời mời chia sẻ và bạn không ở trong vùng phủ sóng của mạng UMTS, bạn sẽ không biết được bạn nhận được lời mời.

Khi nhận được lời mời, bạn có thể chọn:

- **Accept** để bắt đầu phiên chia sẻ dữ liệu. Nếu người gửi muốn chia sẻ video, kích hoạt chế độ Imaging.
- **Reject** để từ chối lời mời. Người nhận sẽ nhận được thông báo cho biết bạn từ chối lời mời. Bạn cũng có thể bấm phím Kết thúc để từ chối chia sẻ dữ liệu và ngắt kết nối với cuộc gọi thoại.

Để ngắt kết nối khi đang chia sẻ video, trở về chế độ Nắp gấp mở. Nếu bạn chia sẻ video clip, chọn **Exit**. Thông báo **Sharing ended** sẽ hiển thị.

Trả lời hoặc từ chối cuộc gọi

Để trả lời cuộc gọi trong chế độ Nắp gấp mở, bấm . Để trả lời cuộc gọi và sử dụng loa trong chế độ Nắp gấp đóng, chọn **Answer** ().

Để tắt âm chuông báo khi có cuộc gọi đến, chọn **Silence**.

 **Mẹo!** Nếu tai nghe tương thích được nối với điện thoại, bấm phím tai nghe để trả lời và kết thúc cuộc gọi.

Nếu bạn không muốn trả lời cuộc gọi, khi chế độ Nắp gấp mở, bấm  để từ chối cuộc gọi. Khi chế độ Nắp gấp đóng, chọn **Reject**. Người gọi sẽ nghe âm báo bận máy. Nếu bạn đã kích hoạt chức năng **Call divert settings > If busy** để chuyển hướng cuộc gọi, việc từ chối cuộc gọi đến cũng sẽ chuyển hướng cuộc gọi. Xem phần "**Call divert-Chuyển hướng cuộc gọi**", ở trang 122.

Khi từ chối một cuộc gọi đến trong chế độ Nắp gấp mở, bạn cũng có thể gửi tin nhắn văn bản cho người gọi để báo lý do bạn không thể trả lời cuộc gọi. Chọn **Options > Send text message**. Bạn có thể chỉnh sửa văn bản trước khi gửi. Để thiết lập tùy chọn này và soạn một tin nhắn văn bản chuẩn. Xem phần "**Call-Cài đặt cuộc gọi**", ở trang 115.

Nếu bạn trả lời một cuộc gọi thoại khi đang có một cuộc gọi video, cuộc gọi video sẽ bị ngắt. Chức năng **Call waiting** sẽ không có trong cuộc gọi video.

Trả lời hoặc từ chối cuộc gọi video

Khi có cuộc gọi video,  sẽ hiển thị.

 **Mẹo!** Bạn có thể gán kiểu chuông cho cuộc gọi video. Bấm  và chọn **Tools > Profiles**, chọn một cấu hình và chọn **Options > Personalise > Video call tone**.

Trong chế độ Nắp gấp mở, bấm  để trả lời cuộc gọi video.

Để gửi video, kích hoạt chế độ Imaging, và hình ảnh video thực, đoạn video clip đã được quay, hoặc hình ảnh được chụp bằng camera của điện thoại sẽ hiển thị trên máy người gọi. Nếu bạn muốn gửi hình ảnh video thực, xoay camera về hướng mà bạn muốn gửi hình ảnh video. Nếu bạn không kích hoạt chế độ Imaging, video sẽ không được gửi và bạn sẽ nghe thấy một âm báo. Một màn hình màu xanh sẽ hiển thị thay thế cho hình ảnh video. Để thay màn hình xám bằng một hình tĩnh, xem phần "[Call-Cài đặt cuộc gọi](#)", **Image in video call**, ở trang 115.

 **Mẹo!** Để gửi hình ảnh của chính bạn, trong chế độ Imaging, xoay camera để ống kính hướng về phía bạn.

Nếu bạn mở Nắp gấp trong khi đang có cuộc gọi video, camera sẽ ngừng hoạt động và vì vậy, việc gửi hình ảnh video của riêng bạn cũng sẽ ngưng lại. Tuy nhiên, bạn vẫn có thể nhìn thấy hình ảnh của người nhận cuộc gọi.

 **Lưu ý:** Mặc dù bạn đã ngăn không gửi tín hiệu video khi sử dụng chức năng cuộc gọi video, cuộc gọi này sẽ vẫn bị tính cước như là cuộc gọi video. Kiểm tra việc tính phí với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Để kết thúc cuộc gọi video, trong chế độ Imaging hoặc chế độ Nắp gấp mở, bấm .

Call waiting

Bạn có thể trả lời một cuộc gọi trong khi có một cuộc gọi khác đang diễn ra nếu bạn đã kích hoạt **Call waiting** trong **Tools > Settings > Call > Call waiting**.

Để trả lời cuộc gọi chờ, bấm . Cuộc gọi đầu sẽ ở trạng thái giữ.

Để chuyển giữa hai cuộc gọi, chọn **Swap**. Chọn **Options > Transfer** để kết nối cuộc gọi đến hoặc cuộc gọi đang chờ vào cuộc gọi hiện tại và thoát ra khỏi các cuộc gọi này. Để kết thúc cuộc gọi hiện tại, bấm . Để kết thúc cả hai cuộc gọi, chọn **Options > End all calls**.

Các tùy chọn trong khi gọi

Nhiều tùy chọn mà bạn có thể sử dụng trong khi gọi là các dịch vụ mạng. Chọn **Options** khi đang gọi cho một số tùy chọn sau đây: **Mute** hoặc **Unmute**, **Answer**, **Reject**, **Swap**, **Hold** hoặc **Unhold**, **Activate handset**, **Activate loudsp.**, hoặc **Activate handsfree** (nếu bộ tai nghe Bluetooth tương thích được gắn vào), **End active call** hoặc **End all calls**, **New call**, **Conference**, và **Transfer**. Chọn một trong số các tùy chọn sau:

Replace — Để kết thúc cuộc gọi hiện tại và trả lời cuộc gọi đang chờ.

Send MMS (chỉ trong mạng UMTS) — Để gửi một hình ảnh hoặc video trong tin nhắn đa phương tiện cho thành viên khác trong cuộc gọi. Bạn có thể chỉnh sửa tin nhắn và thay đổi người nhận trước khi gửi. Bấm  để gửi tập tin đến một thiết bị tương thích ().

Send DTMF — để gửi các chuỗi âm DTMF, ví dụ như mật mã. Nhập chuỗi DTMF hoặc tìm trong **Contacts**. Để nhập ký tự chờ (**w**) hoặc ký tự tạm ngưng (**p**), bấm * liên tục. Chọn **OK** để gửi âm.

 **Mẹo!** Bạn có thể thêm âm DTMF vào các trường **Phone number** hoặc **DTMF** trong thẻ liên lạc.

Các tùy chọn trong khi gọi video

Chọn **Options** khi đang gọi video cho một số tùy chọn sau đây: **Hold** hoặc **Disable** (audio trong chế độ Nắp gấp mở; video, audio, hoặc cả hai trong chế độ Imaging), **Activate handset** (nếu có gắn kèm theo tai nghe Bluetooth), **Activate loudsp.**, hoặc **Activate handsfree** (chỉ ở chế độ Nắp gấp mở, và nếu có gắn kèm tai nghe Bluetooth), **End active call**, **Change image order**, **Zoom in/Zoom out** (chỉ ở chế độ Imaging) và **Help**.



Log-Nhật ký điện thoại

Recent calls

Để kiểm soát các số điện thoại của các cuộc gọi bị nhớ, cuộc gọi đã nhận và đã gọi, bấm , và chọn **My own > Log > Recent calls**. Điện thoại chỉ ghi lại các cuộc gọi bị nhớ và các cuộc gọi vừa nhận khi mạng hỗ trợ các chức năng này, khi điện thoại được bật và đang trong vùng phủ sóng.

 **Mẹo!** Khi bạn thấy thông báo về các cuộc gọi bị nhớ ở chế độ chờ, chọn **Show** để vào danh sách các cuộc gọi bị nhớ. Để gọi lại, di chuyển đến một tên hoặc số và bấm .

Để xóa tất cả các danh sách cuộc gọi mới nhất, chọn **Options > Clear recent calls** trong giao diện các cuộc gọi mới nhất. Để xóa một trong các nhật ký cuộc gọi, mở nhật ký bạn muốn xóa và chọn **Options > Clear list**. Để xóa một sự kiện, mở một nhật ký, di chuyển đến sự kiện đó và bấm .

Call duration

Để kiểm soát thời lượng xấp xỉ của các cuộc gọi đến hoặc cuộc gọi đi, bấm , và chọn **My own > Log > Call duration**.

Để cài hiển thị thời lượng cuộc gọi trong khi cuộc gọi đang diễn ra, chọn **Connect.** > **Log** > **Options** > **Settings** > **Show call duration**. Chọn **Yes** hoặc **No**.

 **Lưu ý:** Thời gian thực sự mà nhà cung cấp dịch vụ tính cước cho các cuộc gọi có thể khác nhau, tùy thuộc các tính năng mạng, hoàn tất việc thanh toán, v.v...

Để xóa bộ đếm thời lượng cuộc gọi, chọn **Options** > **Clear timers**. Để thực hiện, bạn cần phải có mã khóa máy, xem phần **"Security-Bảo mật"**, **"Điện thoại và SIM"**, ở trang 119.

Packet data

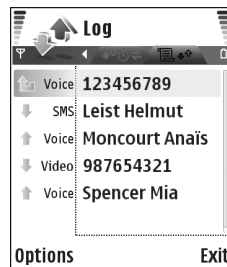
Để kiểm tra lượng dữ liệu đã gửi và nhận qua các phiên kết nối dữ liệu gói, bấm , và chọn **My own** > **Log** > **Packet data**. Ví dụ, bạn có thể phải trả phí cho những kết nối dữ liệu gói trên cơ sở lượng dữ liệu đã gửi và nhận.

Kiểm soát tất cả các sự kiện liên lạc

Các biểu tượng trong **Log**:

-  Sự kiện đến
-  Sự kiện đi
-  Các sự kiện liên lạc bị nhớ

Để kiểm soát tất cả các cuộc gọi thoại và video, tin nhắn văn bản hoặc những phiên kết nối dữ liệu được điện thoại ghi lại, bấm , chọn **My own** > **Log**, và bấm phím  để mở nhật ký chung. Đối với từng sự kiện liên lạc, bạn có thể xem tên của người gửi hoặc nhận, số điện thoại, tên nhà cung cấp dịch vụ, hoặc điểm truy cập. Bạn có thể lọc nhật ký chung để chỉ xem một loại sự kiện và tạo các thẻ liên lạc mới dựa trên thông tin được lưu lại.



 **Mẹo!** Nếu bạn muốn kiểm soát thời lượng của cuộc gọi thoại trên màn hình chính trong khi cuộc gọi đang diễn ra, chọn **Options** > **Settings** > **Show call duration** > **Yes**.

 **Mẹo!** Để xem danh sách các tin nhắn đã gửi, bấm , và chọn **Messaging** > **Sent**.

Các sự kiện phụ, ví dụ như tin nhắn văn bản đã được gửi thành nhiều phần và nhiều phiên kết nối dữ liệu, sẽ được ghi lại dưới dạng sự kiện liên lạc. Các kết nối vào hộp thư thoại, trung tâm nhắn tin đa phương tiện hoặc trang Web sẽ được hiển thị dưới dạng các phiên kết nối dữ liệu gói.

Để lọc nhật ký, chọn **Options > Filter** và một bộ lọc.

Để xóa nội dung nhật ký, nhật ký các cuộc gọi mới nhất và các báo cáo gửi tin nhắn cố định, chọn **Options > Clear log**. Chọn **Yes** để xác nhận.

Để cài **Log duration**, chọn **Options > Settings > Log duration**. Các sự kiện sẽ được lưu giữ trong bộ nhớ điện thoại trong một số ngày nhất định, sau đó chúng sẽ bị xóa để làm trống bộ nhớ. Nếu bạn chọn **No log**, tất cả nội dung, nhật ký cuộc gọi mới nhất và báo cáo gửi tin nhắn sẽ bị xóa vĩnh viễn.

Để xem các chi tiết của một sự kiện liên lạc, trong giao diện nhật ký chung, di chuyển đến một sự kiện và bấm phím di chuyển.

 **Mẹo!** Trong giao diện chi tiết, bạn có thể sao chép một số điện thoại và dán vào tin nhắn văn bản chẳng hạn. Chọn **Options > Copy Number**.

Bộ đếm dữ liệu gói và thời gian kết nối: Để xem có bao nhiêu dữ liệu, được đo bằng kb, đã được truyền và thời lượng của phiên kết nối dữ liệu gói, di chuyển đến một sự kiện đến hoặc đi được chỉ báo bằng **Pack.**, và chọn **Options > View details**.



Contacts (Danh bạ điện thoại)

Bấm và chọn **Contacts**. Trong **Contacts**, bạn có thể thêm vào kiểu chuông riêng hoặc một hình ảnh dạng thu nhỏ vào thẻ liên lạc. Bạn cũng có thể tạo các nhóm liên lạc, cho phép bạn gửi tin nhắn văn bản hoặc e-mail đến nhiều người nhận cùng lúc. Bạn có thể thêm các thông tin liên lạc (danh thiếp) đã nhận được vào danh bạ. Xem phần "**Dữ liệu và các thông số cài đặt**", ở trang 75. Bạn chỉ có thể gửi hoặc nhận thông tin liên lạc từ các thiết bị tương thích.

Mẹo! Hãy lưu dự phòng thông tin điện thoại thường xuyên vào thẻ nhớ. Bạn có thể khôi phục lại thông tin cho điện thoại sau này, ví dụ như các số liên lạc chẳng hạn. Xem phần "**Công cụ thẻ nhớ**", ở trang 19. Bạn cũng có thể sử dụng Nokia PC Suite để lưu dự phòng số liên lạc của bạn vào máy PC tương thích. Xem trong đĩa CD được cung cấp kèm theo bộ sản phẩm.

Các tùy chọn trong **Contacts** gồm có **Open**, **Call**, **Create message**, **New contact**, **Open conversation**, **Edit**, **Delete**, **Duplicate**, **Add to group**, **Belongs to groups**, **Mark/Unmark**, **Copy/Copy to SIM direct.**, **SIM contacts**, **Go to web address**, **Send**, **Memory details**, **Help**, và **Exit**.

Lưu tên và số điện thoại

- 1 Chọn **Options** > **New contact**.
- 2 Điền vào các trường theo ý bạn và chọn **Done**.



Mẹo! Nếu bạn chia sẻ dữ liệu video với một đối tác, lưu địa chỉ giao thức khởi tạo phiên họp của đối tác (SIP) vào trường **Web address** của thẻ liên lạc. Nhập địa chỉ SIP dưới dạng: sip username@domainname (bạn có thể sử dụng địa chỉ IP thay cho tên miền).

Để chỉnh sửa thẻ liên lạc trong **Contacts**, di chuyển đến thẻ liên lạc bạn muốn chỉnh sửa và chọn **Options** > **Edit**.

Để xóa một thẻ liên lạc trong **Contacts**, chọn một thẻ, và bấm . Để xóa nhiều thẻ liên lạc cùng lúc, bấm và để chọn các số liên lạc và bấm để xóa.



Mẹo! Để tạo thêm và hiệu chỉnh các thẻ liên lạc, sử dụng ứng dụng Nokia Contacts Editor trong Nokia PC Suite. Xem trong đĩa CD được cung cấp kèm theo bộ sản phẩm.

Để đính kèm hình ảnh dưới dạng thu nhỏ vào thẻ liên lạc, mở thẻ liên lạc và chọn **Options > Edit > Options > Add thumbnail**. Hình ảnh dạng thu nhỏ sẽ được hiển thị khi có người gọi cho bạn.

 **Mẹo!** Quay số nhanh là một cách nhanh chóng để gọi đến các số điện thoại thường được sử dụng. Bạn có thể gán các phím quay số nhanh cho tám số điện thoại. Xem phần "**Quay nhanh một số điện thoại**", ở trang 28.

 **Mẹo!** Để gửi thông tin về số liên lạc, chọn thẻ mà bạn muốn gửi. Chọn **Options > Send > Via text message**, **Via multimedia**, hoặc **Via Bluetooth**. Xem phần "**Messaging**", ở trang 68 và phần "**Gửi dữ liệu qua kết nối Bluetooth**", ở trang 107.

Các số điện thoại và địa chỉ mặc định

Bạn có thể gán các số điện thoại hoặc địa chỉ mặc định vào thẻ liên lạc. Bằng cách này, nếu một đối tượng liên lạc sử dụng nhiều số điện thoại hoặc địa chỉ, bạn có thể dễ dàng gọi đi hay gửi tin nhắn đến đối tượng đó qua một số điện thoại hoặc địa chỉ nhất định. Số mặc định cũng được sử dụng trong chức năng quay số bằng khẩu lệnh.

- 1 Trong danh bạ, hãy chọn một số liên lạc và bấm .
- 2 Chọn **Options > Defaults**.
- 3 Chọn một mục mặc định mà bạn sẽ thêm số điện thoại hoặc địa chỉ vào, và chọn **Assign**.
- 4 Chọn một số điện thoại hoặc địa chỉ để cài làm giá trị mặc định.

Số điện thoại hoặc địa chỉ mặc định được trình bày dưới dạng các chữ gạch dưới trong thẻ liên lạc.

Copy số liên lạc

Nếu các số điện thoại được lưu trên thẻ SIM, hãy copy chúng vào **Contacts**. Các mục chỉ được lưu trên thẻ SIM sẽ không hiển thị trong danh mục liên lạc, và cho các cuộc gọi và tin nhắn gửi đến, điện thoại không thể tìm thấy các số điện thoại khớp với tên.

Khi thẻ SIM mới được gắn vào điện thoại và bạn mở chức năng **Contacts** lần đầu tiên, bạn sẽ được hỏi liệu bạn có muốn copy các mục liên lạc trên thẻ SIM vào bộ nhớ máy hay không. Chọn **Yes** để copy các mục đó vào danh bạ liên lạc của bạn.

Để copy tên và số điện thoại riêng từ thẻ SIM vào điện thoại, bấm , và chọn **Contacts > Options > SIM contacts > SIM directory**. Chọn tên bạn muốn sao chép và chọn **Options > Copy to Contacts**.

Để sao chép các số liên lạc vào thẻ SIM, bấm , và chọn **Contacts**. Chọn các tên bạn muốn sao chép và **Options > Copy to SIM direct.**, hoặc **Options > Copy > To SIM directory**. Chỉ những thông tin được thẻ SIM hỗ trợ mới được sao chép.

 **Mẹo!** Bạn có thể đồng bộ các số liên lạc với máy PC tương thích bằng Nokia PC Suite. Xem trong đĩa CD được cung cấp kèm theo bộ sản phẩm.

SIM danh mục và các dịch vụ SIM khác

Liên hệ với nhà cung cấp thẻ SIM để biết tính khả dụng và thông tin về việc sử dụng các dịch vụ SIM. Đây có thể là nhà cung cấp dịch vụ, nhà điều hành mạng hoặc đại lý khác.

Bấm , và chọn **Contacts > Options > SIM contacts > SIM directory** để xem các tên và số điện thoại được lưu trên thẻ SIM. Trong danh mục SIM, bạn có thể thêm, chỉnh sửa hoặc copy các số điện thoại vào danh bạ và bạn có thể thực hiện cuộc gọi.

Để xem danh sách các số gọi ẩn định, chọn **Options > SIM contacts > Fixed dialling contacts**. Cài đặt này chỉ hiển thị nếu được thẻ SIM hỗ trợ.

Để hạn chế các cuộc gọi từ điện thoại đến các số điện thoại đã chọn, chọn **Options > Activ. fixed dialling**. Để thêm số mới vào danh sách các số gọi ẩn định, chọn **Options > New SIM contact**. Bạn phải nhập mã PIN2 cho các chức năng này.

Khi bạn sử dụng chức năng **Fixed dialling**, bạn có thể sẽ không thực hiện được các kết nối dữ liệu gói, ngoại trừ việc gửi tin nhắn văn bản qua kết nối dữ liệu gói. Trong trường hợp này, số trung tâm nhắn tin và số điện thoại của người nhận phải có trong danh sách số gọi ẩn định.

Khi chức năng gọi số ẩn định được kích hoạt, bạn chỉ có thể gọi đến các số điện thoại khẩn cấp được lập trình trong điện thoại.

Thêm nhạc chuông cho các số liên lạc

Khi số liên lạc hoặc thành viên của nhóm đó gọi cho bạn, điện thoại sẽ phát kiểu chuông được chọn (nếu số điện thoại của người gọi được gửi cùng với cuộc gọi và điện thoại của bạn nhận ra số này).

- 1 Bấm  để mở thẻ liên lạc, hoặc vào danh sách nhóm và chọn một nhóm liên lạc.
- 2 Bấm **Options > Ringing tone**. Danh sách các kiểu chuông sẽ mở ra.

- 3 Chọn kiểu chuông bạn muốn sử dụng cho số liên lạc riêng hoặc nhóm được chọn.

Để xóa kiểu chuông, chọn **Default tone** trong danh sách các kiểu chuông.

Tạo các nhóm liên lạc

 Các tùy chọn trong giao diện danh sách các nhóm gồm **Open**, **New group**, **Delete**, **Rename**, **Ring tone**, **Memory details**, **Settings**, **Help**, và **Exit**.

- 1 Trong **Contacts**, bấm  để mở danh sách nhóm.
- 2 Chọn **Options** > **New group**.
- 3 Nhập tên cho nhóm hoặc sử dụng tên mặc định **Group**, và chọn **OK**.
- 4 Mở nhóm, và chọn **Options** > **Add members**.
- 5 Di chuyển đến một số liên lạc và bấm  để chọn số liên lạc đó. Để thêm cùng lúc nhiều thành viên, lặp lại thao tác này với tất cả các số liên lạc bạn muốn.

- 6 Chọn **OK** để thêm các số liên lạc vào nhóm.

Để đổi tên nhóm, chọn **Options** > **Rename**, nhập vào tên mới, và chọn **OK**.

Xóa thành viên khỏi nhóm

- 1 Trong danh sách nhóm, mở nhóm bạn muốn sửa đổi.

- 2 Di chuyển đến số liên lạc, và chọn **Options** > **Remove from group**.

- 3 Chọn **Yes** để xóa số liên lạc ra khỏi nhóm.

 **Mẹo!** Để kiểm tra một số liên lạc đang thuộc nhóm nào, di chuyển đến số liên lạc, và chọn **Options** > **Belongs to groups**.

Camera và Gallery

Camera

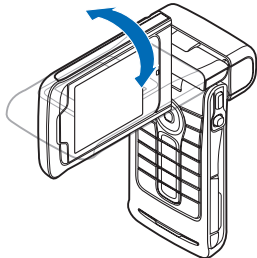
Điện thoại Nokia N90 hỗ trợ khả năng chụp ảnh với độ phân giải 1600 x 1200 pixel. Độ phân giải hình ảnh trong tài liệu này có thể hiển thị khác.

Để khởi động camera và chế độ Hình ảnh. Xem phần "**Chế độ Imaging**", ở trang 12. Camera kích hoạt, và bạn có thể thấy khung giao diện chụp hình.



Cảnh báo! Bạn không thể thực hiện các cuộc gọi khẩn cấp trong chế độ Imaging vì bàn phím sẽ bị khóa trong chế độ này. Để thực hiện cuộc gọi khẩn cấp, kích hoạt chế độ Nắp gấp mở.

Nếu camera đang ở **Video mode**, mở chế độ image bằng cách chọn **Options > Image mode**.



Hình ảnh sẽ được tự động lưu vào bộ sưu tập ở dạng .jpeg. Bạn có thể gửi hình ảnh trong tin nhắn đa phương tiện dưới dạng e-mail đính kèm hoặc sử dụng kết nối Bluetooth.

Chụp hình trong chế độ Imaging

Để điều chỉnh độ sáng đèn và màu sắc trước khi chụp hình, bấm phím điều khiển và chọn **Flash**, **White balance**, **Exposure value**, hoặc **Colour tone**. Xem phần "**Thiết lập thông số cài đặt — Điều chỉnh màu sắc và độ sáng**", ở trang 46.

Để chọn một cảnh, chọn bấm phím điều khiển và chọn **Scene**. Xem phần "**Scenes**", ở trang 47.

Điện thoại có một camera trục xoay giúp chụp ảnh dễ dàng trong các điều kiện khác nhau. Bạn có thể xoay camera theo chiều kim đồng hồ hoặc ngược chiều kim đồng hồ. Xem phần "**Chế độ Camera**", ở trang 13.

▲ Các tùy chọn trước khi chụp ảnh gồm **Video mode**, **Go to Gallery**, **Image setup**, **Sequence mode/Normal mode**, **Self-timer**, **Settings**, và **Help**.

Để khóa tiêu điểm trên một đối tượng, bấm nút chụp nửa chừng. Chỉ báo tiêu điểm đã khóa màu xanh sẽ xuất hiện trên màn hình. Nếu tiêu điểm không bị khóa, chỉ báo tiêu điểm khóa màu đỏ sẽ xuất hiện. Thả phím chụp ra và bấm nửa chừng lại một lần nữa. Tuy nhiên, bạn có thể chụp hình mà không cần khóa tiêu điểm.

Để chụp hình, bấm phím chụp. Không nên để điện thoại chuyển động trước khi chụp ảnh. Hình chụp sẽ được tự động lưu vào thư mục **Images&Video** trong phần **Gallery**. Xem phần "**Gallery**", ở trang 58.

 **Mẹo!** Bạn cũng có thể chụp hình thoải mái khi ở chế độ Camera. Xem phần "**Chụp hình trong chế độ Camera**", ở trang 49.

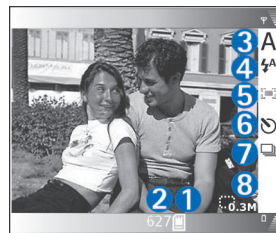
Các chỉ báo chế độ camera cho biết các thông tin sau:

- Chỉ báo bộ nhớ điện thoại () và thẻ nhớ () (1) cho biết nơi lưu trữ các hình ảnh.
- Chỉ báo hình ảnh (2) ước lượng số lượng hình ảnh, tùy vào chất lượng hình ảnh đã chọn, có thể lưu vừa đủ chứa trong bộ nhớ còn trống của điện thoại hoặc thẻ nhớ.
- Chỉ báo cảnh (3) hiện cảnh đang được kích hoạt. Xem phần "**Scenes**", ở trang 47.

- Chỉ báo đèn flash (4) sẽ hiển thị nếu đèn flash được cài sang

Automatic ()
Red eye redu.
 ()**, On** ()**, hoặc Off** ()**.**

- Chỉ báo tiêu điểm màu xanh (5) sẽ hiển thị khi tiêu điểm bị khóa bởi kính ngắm (không có trong chế độ chụp liên tiếp).
- Chỉ báo chụp tự động (6) cho biết chế độ chụp tự động được kích hoạt. Xem phần "**Chụp hình cho chính bạn — self-timer**", ở trang 46.
- Chỉ báo chế độ liên tiếp (7) cho biết chế độ liên tiếp đã được kích hoạt. Xem phần "**Chụp hình liên tiếp**", ở trang 45.
- Chỉ báo độ phân giải (8) cho biết chất lượng hình được chọn. Xem phần "**Điều chỉnh cài đặt camera hình tĩnh**", ở trang 48.



Các phím tắt bao gồm:

- Nhấn nút điều khiển lên và xuống để phóng to và thu nhỏ. Chỉ báo phóng/thu, hiển thị trên khung bên cạnh, cho biết mức phóng to/thu nhỏ.

- Nhấn nút điều khiển để nhập các thông số cài đặt **Image setup**. Xem phần "**Thiết lập thông số cài đặt — Điều chỉnh màu sắc và độ sáng**", ở trang 46.
- Bấm nút điều khiển sang trái hoặc phải để thay đổi chế độ đèn flash.

Việc lưu lại ảnh chụp có thể mất nhiều thời gian hơn nếu bạn thay đổi các cài đặt của tính năng phóng hình, ánh sáng, hoặc màu sắc.

Khi chụp hình, bạn nên lưu ý những vấn đề sau:

- Nên sử dụng cả hai tay để giữ camera yên.
- Để chụp hình hoặc quay video trong các điều kiện khác nhau, sử dụng cảnh hợp lý cho từng điều kiện. Xem phần "**Scenes**", ở trang 47.
- Để điều chỉnh độ sáng đèn và màu sắc trước khi chụp hình, bấm phím điều khiển hoặc chọn **Options > Image setup > Scene, Flash, White balance, Exposure value**, hoặc **Colour tone**. Xem phần "**Thiết lập thông số cài đặt — Điều chỉnh màu sắc và độ sáng**", ở trang 46.
- Chất lượng của hình được điều chỉnh sẽ thấp hơn chất lượng của hình không được điều chỉnh.
- Camera sẽ chuyển sang chế độ tiết kiệm pin nếu không có phím nào được bấm trong chốc lát. Để tiếp tục chụp hình, bấm phím chụp hình.

Sau khi chụp ảnh, bạn nên lưu ý các vấn đề sau:

- Nếu bạn không muốn lưu hình, chọn **Options > Delete**.
- Để trở về chế độ kính ngắm để chụp một hình mới, bấm phím chụp nửa chừng.
- Để gửi hình **Via multimedia, Via e-mail**, hoặc **Via Bluetooth**, chọn **Options > Send**. Để biết thêm thông tin, xem chương "**Messaging**", ở trang 68 và "**Kết nối Bluetooth**", ở trang 106. Tùy chọn này sẽ không có trong khi cuộc gọi đang diễn ra.
- Để gửi hình cho một thành viên khác trong khi cuộc gọi đang diễn ra, chọn **Options > Send to caller**.
- Để chỉnh sửa hình ảnh, chọn **Options > Edit**. Xem phần "**Chỉnh sửa hình ảnh**", ở trang 50.
- Để in hình đã chụp, chọn **Options > Print**. Xem phần "**Image Print**", ở trang 61.

Chụp hình liên tiếp

Chọn **Options > Sequence mode** để chụp sáu hình liên tiếp. Bạn cũng có thể sử dụng chế độ chụp tuần tự với **Self-timer**. Xem phần "**Chụp hình cho chính bạn — self-timer**", ở trang 46. Hình chụp sẽ được tự động lưu vào **Gallery**.

Để chụp hình, bấm và giữ phím chụp. Nếu bạn muốn chụp sáu hình trở xuống, thả phím chụp ra ngay số lượng hình theo ý muốn.

Sau khi chụp hình, hình chụp sẽ được hiển thị ở dạng khung lưới trên màn hình chính. Để xem hình chụp, bấm nút điều khiển để mở hình đó ra.

Để trở về kính ngắm của chế độ chụp tuần tự, bấm nút chụp nửa chừng.

Chụp hình cho chính bạn — self-timer

Sử dụng chế độ nhập tự động để làm chậm quá trình chụp ảnh và do đó bạn có thể tự chụp ảnh của mình. Để cài thời gian chờ chụp tự động, chọn **Options > Self-timer > 2 seconds**, hoặc **10 seconds**. Để khởi động chức năng chụp tự động, chọn **Activate**. Chỉ báo chụp tự động (⏱) sẽ nhấp nháy và điện thoại phát những tín hiệu bíp trong khoảng thời gian chờ chụp. Camera sẽ chụp hình sau khi hết thời gian đã định. Bạn cũng có thể sử dụng **Self-timer** trong chế độ chụp tuần tự. Xem phần "[Chụp hình liên tiếp](#)", ở trang 45.

 **Mẹo!** Chọn **Options > Self-timer > 2 seconds** giữ tay bạn cố định khi chụp ảnh.

Đèn flash

Giữ một khoảng cách an toàn khi sử dụng đèn flash. Không sử dụng đèn flash khi ở gần người hoặc động vật. Không che đèn flash khi đang chụp hình.

Camera được trang bị đèn flash để chụp hình trong điều kiện ánh sáng yếu. Các chế độ đèn flash gồm: **Automatic** (⚡), **Red eye redu.** (👁), **On** (⚡), và **Off** (🚫).

Chọn **Options > Image setup > Flash > On** để sử dụng đèn flash.

Nếu đèn flash được cài ở chế độ **Off** hoặc **Automatic** trong điều kiện đủ ánh sáng, đèn flash vẫn phát ra luồng sáng cường độ thấp khi chụp ảnh. Điều này cho phép đối tượng được chụp hình biết được khi nào chụp xong. Không có hiệu ứng đèn flash nào trên ảnh sau khi chụp.

Nếu đèn flash được cài sang chế độ **Red eye redu.**, nó sẽ giảm mắt bị đỏ trong hình chụp.

Thiết lập thông số cài đặt — Điều chỉnh màu sắc và độ sáng

Để cho phép camera tái hiện màu sắc và ánh sáng trung thực hơn, hoặc để thêm các hiệu ứng vào hình ảnh hoặc phim, chọn **Options > Image setup** hoặc **Video setup**, và chọn một trong các tùy chọn sau:

Scene — Chọn một cảnh phù hợp với môi trường mà bạn đang chụp ảnh. Xem phần "**Scenes**", ở trang 47. Mỗi cảnh sử dụng thông số cài đặt độ sáng riêng đã được điều chỉnh theo loại môi trường nhất định.

Flash (chỉ dành cho hình ảnh) — Thiết lập đèn flash ở chế độ **Automatic**, **Red eye redu.**, **On**, hoặc **Off**. Xem phần "**Đèn flash**", ở trang 46.

White balance — Chọn điều kiện ánh sáng hiện tại trong danh sách. Điều này cho phép camera tái hiện màu sắc trung thực hơn.

Exposure value (chỉ dành cho hình ảnh) — Hiệu chỉnh độ phơi sáng của camera.

Colour tone — Chọn hiệu ứng màu trong danh sách.

Bất kỳ thay đổi nào cũng được thể hiện một cách tương ứng qua màn hình, giúp bạn quan sát được các ảnh hưởng việc thay đổi của hình ảnh hoặc phim.

Cài đặt này sẽ trở về cài đặt mặc định khi bạn đóng camera. Nếu bạn chọn một cảnh mới, cài đặt sẽ được thay thế bằng cài đặt của cảnh được chọn. Xem phần "**Scenes**", ở trang 47. Tuy nhiên, nếu bạn cần thay đổi thông số cài đặt, bạn có thể thay đổi sau khi chọn cảnh.

Scenes

Scene giúp bạn tìm thông số cài đặt ánh sáng và màu sắc đúng cho môi trường hiện tại. Chọn cảnh hợp lý để chụp hình hoặc quay phim từ danh sách các cảnh. Cấu hình cho từng cảnh được thiết lập theo mẫu hiện tại hoặc môi trường hình được chụp. Chọn **Options** > **Image setup/Video setup** > **Scene**:

Video scenes

Normal () (mặc định) — Sử dụng cảnh này trong mọi điều kiện.

Night () — Sử dụng cảnh này trong các điều kiện ánh sáng yếu.

Image scenes

Automatic () (mặc định) — Sử dụng cảnh này trong mọi điều kiện.

Close-up mode () — Sử dụng cảnh này để chụp cận cảnh.

Night () — Sử dụng cảnh này trong các điều kiện ánh sáng yếu.

Sports () — Sử dụng cảnh này để chụp hình của các đối tượng di chuyển nhanh. Lưu ý khi bạn sử dụng cảnh này, độ phân giải của hình ảnh sẽ giảm từ 1600x1200 xuống 800x600. Xem phần **Image quality**, ở trang 48.

Portrait (👤) — Sử dụng cảnh này để chụp hình chân dung, ví dụ như cảnh ngồi và phần đầu.

Landscape (🏞️) — Sử dụng cảnh này khi bạn muốn chụp các đối tượng ở xa.

User defined (👤) — Sử dụng cảnh này để tạo một cảnh được cá nhân hóa với các thông số cài đặt đèn flash, white balance, exposure value và colour tone của riêng bạn.

Khi chụp hình, cảnh mặc định là **Automatic**. Tuy nhiên, nếu bạn chọn cảnh **User defined**, nó sẽ được cài làm cảnh mặc định.

Để tạo cảnh cho riêng bạn phù hợp với một môi trường nhất định, chọn **User defined**. Trong cảnh người sử dụng, bạn có thể điều chỉnh các tùy chọn **Based on scene**, **Flash**, **White balance**, **Exposure value**, **Colour tone**, và **Reset user scene**. Để sao chép cài đặt của một cảnh khác, chọn **Based on scene** và chọn cảnh theo ý muốn.

Điều chỉnh cài đặt camera hình tĩnh

Có hai loại cài đặt dành cho camera hình tĩnh ở chế độ Imaging: Cài đặt **Image setup** và cài đặt chính. Để điều chỉnh cài đặt **Image setup**, xem phần "**Thiết lập thông số cài đặt — Điều chỉnh màu sắc và độ sáng**", ở trang 46. Các thông số cài đặt sẽ trở về cài đặt mặc định sau khi bạn đóng camera, nhưng các thông số cài đặt chính sẽ vẫn giữ nguyên cho đến

khi bạn thay đổi chúng lần nữa. Để đổi những cài đặt chính, chọn **Options** > **Settings** và chọn một trong các tùy chọn sau:

Image quality — **High 2M - Print** (độ phân giải 1600x1200), **Med. 0.5M - Email** (độ phân giải 800x600), hoặc **Low 0.3M - MMS** (độ phân giải 640x480). Chất lượng hình ảnh càng cao, càng cần nhiều dung lượng bộ nhớ. Chất lượng của hình được điều chỉnh sẽ thấp hơn chất lượng của hình không được điều chỉnh. Nếu bạn muốn in hình ảnh, chọn **High 2M - Print**. Nếu bạn muốn gửi hình qua e-mail, chọn **Med. 0.5M - Email**. Để gửi hình qua MMS, chọn **Low 0.3M - MMS**.

Add to album — Chọn lưu hoặc không lưu hình ảnh vào một album trong bộ sưu tập. Nếu bạn chọn **Yes**, danh sách các album hiện có sẽ mở ra.

Show focus point (chỉ hình ảnh) — Chọn **Yes** nếu bạn muốn tiêu điểm hiển thị trên màn hình chính khi chụp hình.

Show captured image — Chọn **Yes** nếu bạn muốn xem hình đã chụp sau khi chụp hoặc chọn **No** nếu bạn muốn tiếp tục chụp hình ngay.

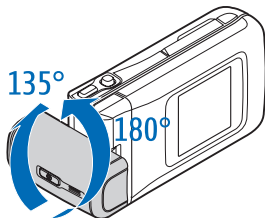
Memory in use — Chọn nơi lưu hình ảnh của bạn.

Chụp hình trong chế độ Camera

Camera trong chế độ Camera có thể được kích hoạt và sử dụng trong khi đang có cuộc gọi diễn ra.

1 Để kích hoạt chế độ

Camera, xoay camera ở chế độ Nắp gấp đóng. Xem phần "[Chế độ camera](#)", ở trang [12](#). Chế độ khóa bàn phím sẽ được tắt và kính ngắm sẽ hiển thị trên màn hình phụ.



Để phóng to thu nhỏ, di chuyển phím điều khiển về bên phải hoặc bên trái.

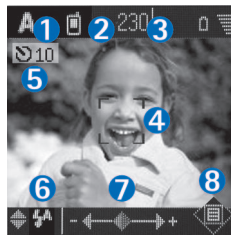
2 Để khóa tiêu điểm trên một đối tượng, bấm nút chụp nửa chừng. Chỉ báo tiêu điểm đã khóa màu xanh sẽ xuất hiện trên màn hình. Nếu tiêu điểm không bị khóa, chỉ báo tiêu điểm khóa màu đỏ sẽ xuất hiện. Thả phím chụp ra và bấm nửa chừng lại một lần nữa. Tuy nhiên, bạn có thể chụp hình mà không cần khóa tiêu điểm.

3 Để chụp hình, bấm phím chụp hình xuống hoàn toàn. Ảnh sẽ được lưu tự động vào bộ sưu tập. Xem phần "[Gallery](#)", ở trang [58](#).

Để giữ hình trên màn hình sau khi chụp xong, giữ phím chụp. Để trở về chế độ kính ngắm, thả phím chụp ra.

Các chỉ báo chế độ camera cho biết các thông tin sau:

- Chỉ báo chế độ (1) hiện cảnh đang được kích hoạt. Xem phần "[Scenes](#)", ở trang [47](#).
- Chỉ báo bộ nhớ điện thoại (📁) và thẻ nhớ (SD) (2) cho biết nơi lưu trữ các hình ảnh.
- Chỉ báo hình ảnh (3) ước lượng số lượng hình ảnh, tùy vào chất lượng hình ảnh đã chọn, có thể lưu vừa đủ chứa trong bộ nhớ còn trống của điện thoại hoặc thẻ nhớ của bạn.
- Chỉ báo tiêu điểm màu xanh (4) sẽ hiển thị khi tiêu điểm bị khóa bởi kính ngắm.
- Chỉ báo chụp tự động (5) cho biết chế độ chụp tự động được kích hoạt. Xem phần "[Chụp hình cho chính bạn — self-timer](#)", ở trang [46](#).
- Chỉ báo đèn flash (6) sẽ hiển thị nếu đèn flash được cài sang **Automatic** (🔧), **Red eye redu.** (👁), **On** (🔧), hoặc **Off** (🔧). Chọn các chế độ



đèn flash bằng cách di chuyển nút điều khiển lên hoặc xuống. Bạn có thể thấy chế độ đèn flash trong cửa sổ pop-up trên màn hình.

- Chỉ báo độ phóng hình (7) cho thấy mức độ phóng hình. Di chuyển phím bên phải và bên trái để mở phóng to và thu nhỏ.
- Chỉ báo nút điều khiển (📷) (8) cho biết menu **Options** hiện đã sẵn sàng. Nhấn nút điều khiển để mở menu **Options**.

Để đóng camera, trở về chế độ Nắp gấp đóng bằng cách xoay camera. Xem phần "**Chế độ camera**", ở trang 12.

Các tùy chọn chế độ camera

Để điều chỉnh cài đặt hình ảnh, nhấn nút điều khiển và chọn các tùy chọn sau:

Shooting mode — Để chọn cảnh phù hợp cho môi trường chụp ảnh. Xem phần "**Scenes**", ở trang 47.

Flip view — Để xoay hình 180 độ. Bạn cần đến tùy chọn này khi chụp hình, ví dụ chụp hình của chính bạn, khi bạn xoay camera hướng về phía bạn, kính ngắm hướng xuống dưới.

Self-timer — Để kích hoạt chế độ chụp tự động. Chọn **2 seconds** hoặc **10 seconds**.

Exposure value — Để điều chỉnh độ của hình chụp.

Settings — Để điều chỉnh thông số cài đặt **Image quality**, **Memory in use**, và **Show captured img.**. Xem phần "**Điều chỉnh cài đặt camera hình tĩnh**", ở trang 48.

Chỉnh sửa hình ảnh

Để chỉnh sửa hình ảnh sau khi chụp xong, hoặc các hình ảnh đã được lưu trong **Gallery**, chọn **Options** > **Edit**. Bạn có thể mở ứng dụng **Gallery** trong chế độ Imaging hoặc trong chế độ Nắp gấp mở.

▶ Các tùy chọn trong giao diện chỉnh sửa gồm **Apply effect**, **Close edit**, **Undo**, **Send**, **Full screen/Normal screen**, **Zoom in/Zoom out**, **Save**, **Print** và, **Help**.

Chọn **Apply effect**, ví dụ để cắt và xoay hình; điều chỉnh độ sáng, màu sắc, độ tương phản, và độ phân giải; và thêm vào các hiệu ứng, văn bản, hình nghệ thuật hoặc khung cho hình chụp.

Để cắt một ảnh, chọn **Options** > **Apply effect** > **Crop**. Chọn **Manual** để cắt hình theo cách thủ công hoặc chọn tỉ lệ co được định sẵn trong danh sách. Nếu bạn chọn **Manual**, một dấu thập sẽ xuất hiện góc trên bên trái của hình. Di chuyển nút điều khiển để di chuyển dấu thập và chọn vùng sẽ được cắt. Chọn **Set**. Một dấu thập khác sẽ xuất hiện ở góc dưới bên

phải. Chọn lại vùng sẽ được cắt và chọn Crop. Các vùng được chọn sẽ tạo thành hình hình được cắt.

Để giảm hiện tượng đỏ mắt đỏ, chọn **Options > Apply effect > Red eye reduction**. Di chuyển đầu thập vào mắt và bấm nút điều khiển. Một vòng tròn sẽ xuất hiện trên màn hình. Để điều chỉnh kích cỡ của vòng tròn cho vừa khít với kích cỡ của mắt, di chuyển nút điều khiển. Bấm nút điều khiển để giảm độ đỏ.

Để thêm hình mẫu vào ảnh, chọn **Options > Apply effect > Clip art**. Chọn mục bạn muốn thêm trong danh sách, và nhấn phím điều khiển. Để di chuyển, xoay, và thay đổi kích thước của mục, chọn **Options > Move, Resize, hoặc Rotate**.

Để thêm văn bản vào ảnh, chọn **Options > Apply effect > Text**. Nhập văn bản vào, và chọn **OK**. Để chỉnh sửa văn bản, chọn **Options > Move, Resize, Rotate, hoặc Select Colour**.

Các phím tắt trong chế độ Nắp gấp mở:

- Để xem một ảnh toàn màn hình, bấm *****. Để trở lại xem bình thường, bấm ***** lần nữa.
- Để xoay một hình theo chiều kim đồng hồ hoặc ngược chiều kim đồng hồ, bấm **1** và **3**.
- Để phóng to hoặc thu nhỏ, bấm **5** và **0**.

Các mẹo nhỏ để chụp được ảnh đẹp

Bằng cách xoay camera, việc chụp ảnh trong các điều kiện khác nhau sẽ trở nên dễ dàng hơn. Bạn có thể xoay camera theo chiều kim đồng hồ hoặc ngược chiều kim đồng hồ. Xem phần "**Chế độ Camera**", ở trang 13.

Chất lượng hình ảnh

Sử dụng chất lượng hình thích hợp. Camera có ba chế độ chất lượng hình (**High 2M - Print, Med. 0.5M - Email, và Low 0.3M - MMS**). Sử dụng cài đặt **High 2M - Print** để camera chụp hình với chất lượng tốt nhất. Tuy nhiên, bạn nên lưu ý chất lượng hình càng tốt càng chiếm nhiều dung lượng bộ nhớ. Đối với các hình ảnh đính kèm theo MMS và e-mail, bạn phải sử dụng cài đặt **Med. 0.5M - Email** hoặc **Low 0.3M - MMS**. Để xác định chất lượng hình trong chế độ image trong camera, chọn **Options > Settings**.

Nền

Sử dụng nền đơn giản. Đối với ảnh chân dung và các hình chụp người, tránh để các đối tượng của bạn lên trên một nền phức tạp và lộn xộn vì điều này có thể làm giảm sự chú ý lên đối tượng chính. Di chuyển máy chụp ảnh, hoặc đối tượng, khi không đáp ứng được các điều kiện này. Di chuyển camera đến gần đối tượng để chụp chân dung rõ hơn.

Chiều sâu

Khi chụp hình phong cảnh và cảnh vật, thêm chiều sâu cho hình ảnh của bạn bằng cách đặt các đối tượng lên phía trước. Tuy nhiên, lưu ý nếu đối tượng phía trước quá gần máy ảnh, nó sẽ bị mờ.

Các điều kiện ánh sáng

Việc thay đổi nguồn, số lượng, và hướng của ánh sáng có thể thay đổi hình ảnh một cách rõ nét. Đây là một số điều khiển ánh sáng điển hình:

- **Ánh sáng phía sau đối tượng.** Tránh đặt đối tượng của bạn phía trước nguồn sáng mạnh. Nếu nguồn sáng phía sau đối tượng hoặc nhìn thấy trên màn hình, hình chụp sẽ có độ tương phản yếu, hình có thể sẽ quá tối, và có thể có hiệu ứng ánh sáng không mong muốn. Bạn cũng có thể sử dụng đèn flash để thêm nhiều ánh sáng cho bóng. Xem phần "[Đèn flash](#)", ở trang 46.
- **Đối tượng hiển thị về một bên.** Nguồn sáng mạnh ở một bên sẽ cho hiệu ứng ấn tượng nhưng nếu quá chói sẽ làm cho hình ảnh có quá nhiều độ tương phản.
- **Nguồn sáng ở phía trước đối tượng.** Ánh nắng mặt trời chói có thể khiến cho đối tượng bị nheo mắt. Độ tương phản cũng có thể rất cao.

- **Optimal lighting** được tìm thấy ở những nơi có nguồn sáng nhẹ và lan rộng, ví dụ như ngày có mây quang đăng hoặc trong một ngày nắng ấm dưới những tán cây.

Quay phim

Để kích hoạt camera và kính ngắm trên màn hình chính, kích hoạt chế độ Imaging. Xem phần "[Chụp hình trong chế độ Imaging](#)", ở trang 43. Camera kích hoạt, và bạn có thể thấy khung giao diện chụp hình.

Nếu camera đang ở **Image mode**, mở giao diện máy quay phim bằng cách chọn **Options > Video mode**.

Để điều chỉnh độ sáng đèn và màu sắc trước khi quay phim, bấm phím điều khiển và chọn, **White balance**, hoặc **Colour tone**. Xem phần "[Thiết lập thông số cài đặt — Điều chỉnh màu sắc và độ sáng](#)", ở trang 46.

Để chọn một cảnh, bấm phím điều khiển và chọn **Scene**. Xem phần "[Scenes](#)", ở trang 47.

 Các tùy chọn trước khi quay phim là **Image mode**, **Go to Gallery**, **Video setup**, **Settings**, và **Help**.

- 1 Nhấn phím chụp ảnh để bắt đầu quay. Ký hiệu quay ● sẽ xuất hiện. Đèn LED sẽ sáng, và một âm thanh sẽ phát ra cho biết đối tượng đang được quay. Không có hiệu ứng flash nào trên ảnh sau khi quay.
- 2 Để tạm ngưng quay phim bất kỳ lúc nào, chọn **Pause**. Biểu tượng tạm ngừng || nhấp nháy trên màn hình. Quá trình quay video tự động ngừng nếu quá trình quay được cài sang trạng thái tạm ngưng và bạn không bấm phím nào trong khoảng một phút.
- 3 Chọn **Continue** để tiếp tục quay phim.
- 4 Chọn **Stop**, hoặc nhấn phím chụp ảnh để ngừng quay. Đoạn video clip sẽ được tự động lưu vào thư mục **Images&Video** của **Gallery**. Xem phần "**Gallery**", ở trang 58.

Các chỉ báo máy quay phim cho biết các thông tin sau:

- Chỉ báo bộ nhớ điện thoại (📶) và thẻ nhớ (💾) (1) cho biết nơi lưu trữ các đoạn phim video.



- Chỉ báo chiều dài đoạn phim video hiện thời (2) hiển thị thời gian đã dùng và thời gian còn lại.
- Chỉ báo cảnh (3) sẽ hiển thị cảnh được kích hoạt. Xem phần "**Scenes**", ở trang 47.
- Chỉ báo micro (4) cho biết micro đã được tắt tiếng.
- Chỉ báo định dạng tập tin (5) cho biết định dạng của đoạn video clip tùy thuộc vào chất lượng video đã chọn.
- Chỉ báo chất lượng video (6) cho biết chất lượng video clip đã chọn. Xem phần "**Cài đặt video**", ở trang 54.

Các phím tắt bao gồm:

- Bấm nút điều khiển lên hoặc xuống để phóng to hoặc thu nhỏ. Chỉ báo phóng/thu, hiển thị trên khung bên cạnh, cho biết mức phóng to/thu nhỏ.
- Nhấn nút điều khiển để nhập các thông số cài đặt **Video setup**. Xem phần "**Thiết lập thông số cài đặt — Điều chỉnh màu sắc và độ sáng**", ở trang 46.

Sau khi quay xong một đoạn video clip:

- Để phát lại ngay đoạn video clip mà bạn vừa quay, chọn **Options > Play**.
- Nếu bạn không muốn giữ lại đoạn video, chọn **Options > Delete**.

- Để trở về chế độ kính ngắm để quay đoạn phim mới, bấm phím chụp ảnh.
- Để gửi đoạn video **Via multimedia**, **Via e-mail**, hoặc **Via Bluetooth**, chọn **Options > Send**. Để biết thêm thông tin, xem chương "**Messaging**", ở trang 68 và "**Kết nối Bluetooth**", ở trang 106. Tùy chọn này sẽ không có trong khi cuộc gọi đang diễn ra.
- Để gửi một đoạn video clip cho một thành viên khác trong khi cuộc gọi đang diễn ra, chọn **Options > Send to caller**.
- Để chỉnh sửa đoạn video, chọn **Options > Edit**. Xem phần "**Biên tập các đoạn video clip**", ở trang 55.

Cài đặt video

Có hai loại cài đặt dành cho máy quay video trong chế độ Imaging: Cài đặt **Video setup** và cài đặt chỉnh. Để điều chỉnh cài đặt **Video setup**, xem phần "**Thiết lập thông số cài đặt — Điều chỉnh màu sắc và độ sáng**", ở trang 46. Các thông số cài đặt sẽ trở về cài đặt mặc định sau khi bạn đóng camera, nhưng các thông số cài đặt chỉnh sẽ vẫn giữ nguyên cho đến khi bạn thay đổi chúng lần nữa. Để thay đổi cài đặt chỉnh, chọn **Options > Settings** và chọn các tùy chọn sau:

Audio recording — Chọn **On** nếu bạn muốn ghi lại cả hình ảnh và âm thanh.

Video quality — Cài đặt đoạn video clip sang **High**, **Normal**, hoặc **Sharing**. Chất lượng được chỉ báo bằng một trong các biểu tượng sau:  (High),  (Normal), hoặc  (Sharing). Nếu bạn chọn **High** hoặc **Normal**, thời gian quay sẽ giới hạn ở khoảng một giờ với không gian hiện có cho mỗi đoạn phim. Nếu bạn muốn xem đoạn video trên TV hoặc trên máy PC, chọn video **High** với độ phân giải CIF (352x288) và định dạng file .mp4. Bạn không thể gửi các đoạn video clip được lưu ở dạng .mp4 trong tin nhắn đa phương tiện. Nếu bạn muốn xem các đoạn video trên điện thoại di động, chọn **Normal**, với độ phân giải QCIF (176x144) và định dạng file .3gp. Để gửi đoạn video clip qua MMS hoặc qua chia sẻ video, chọn **Sharing** (độ phân giải QCIF, định dạng file .3gp). Xem phần "**Video sharing**", ở trang 31. Đoạn video clip được giới hạn trong khoảng 300 kB (thời lượng khoảng 20 giây), vì vậy rất thuận tiện khi bạn muốn gửi đến một thiết bị tương thích dưới dạng tin nhắn đa phương tiện. Tuy nhiên, một số mạng chỉ hỗ trợ gửi các tin nhắn đa phương tiện với kích thước tối đa 100kB. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin.

Add to album — Chọn lưu hoặc không lưu đoạn video clip vào một album trong **Gallery**. Việc chọn **Yes** sẽ mở ra một danh sách các album hiện có.

Show captured video — Nếu bạn chọn **Yes**, bạn có thể phát đoạn video clip ngay sau khi quay xong bằng cách chọn **Options > Play** trong chế độ camera. Nếu bạn chọn **No**, bạn có thể quay ngay một đoạn video mới.

Memory in use — Xác định bộ nhớ mặc định: bộ nhớ điện thoại hoặc thẻ nhớ.

Nếu không đủ bộ nhớ, chất lượng quay video có thể giảm xuống. Để làm trống bộ nhớ điện thoại, chuyển dữ liệu sang thẻ nhớ tương thích hoặc sang máy PC, hoặc xóa bớt dữ liệu.

 **Mẹo!** Bạn có thể cài camera sử dụng một thẻ nhớ tương thích để lưu đoạn video bằng cách chọn **Options > Settings > Memory card > Memory card**.

Biên tập các đoạn video clip

Bạn có thể biên tập các đoạn video clip trong **Gallery** trong chế độ Nấp gấp mở hoặc trong chế độ Imaging. Xem phần "**Chụp hình trong chế độ Imaging**", ở trang 43, và phần "**Gallery**", ở trang 58.

Để biên tập các đoạn video clip và tạo các đoạn video clip tùy chỉnh, di chuyển đến một đoạn video clip và chọn **Options > Edit**. Bạn có thể tạo các đoạn video clip tùy chỉnh bằng cách kết hợp và cắt cảnh các đoạn video clip và thêm vào hình ảnh, các file âm thanh, các đoạn chuyển cảnh và các hiệu ứng. Chuyển cảnh là các hiệu ứng hình ảnh mà bạn có thể thêm vào khi bắt đầu và kết thúc đoạn phim hoặc giữa các đoạn video clip.

Trong chế độ biên tập video, bạn có thể thấy hai thanh chỉ báo thời gian: một dành cho đoạn video clip và một dành cho file âm thanh. Nếu bạn thêm hình ảnh, văn bản hoặc đoạn chuyển cảnh vào một đoạn video clip, chúng sẽ được hiển thị trên thanh chỉ báo thời gian của đoạn video clip. Để chuyển đến một thanh chỉ báo thời gian, di chuyển sang trái hoặc phải. Để chuyển giữa các thanh chỉ báo thời gian, di chuyển lên hoặc xuống.

Biên tập đoạn video, âm thanh, hình ảnh, văn bản và đoạn chuyển cảnh

Để tạo các đoạn video tùy chỉnh, đánh dấu và chọn một hoặc nhiều đoạn video clip, và chọn **Options > Edit**.

Trong giao diện Biên tập video, bạn có thể chèn các đoạn video clip để tạo video clip tùy chỉnh và biên tập các đoạn phim bằng cách cắt cảnh và thêm hiệu

ứng. Bạn có thể thêm hình ảnh và các tập tin âm thanh, thay đổi thời lượng cũng như thêm văn bản và đoạn chuyển cảnh vào clip. Bấm  hoặc  để chuyển giữa video clip và tập tin âm thanh.

Để chỉnh sửa đoạn video, chọn một trong các tùy chọn sau:

Edit video clip:

Cut — Cắt đoạn video clip trong giao diện Cut video clip.

Add colour effect — Chèn hiệu ứng màu cho đoạn video clip.

Use slow motion — Làm giảm tốc độ chiếu của đoạn video clip.

Mute audio/Unmute audio — Tắt hoặc bật âm thanh của đoạn video clip gốc.

Move (chỉ hiển thị nếu hai hoặc nhiều đoạn video clip được chèn vào) — Để di chuyển đoạn video clip đến vị trí đã chọn.

Remove — Xóa đoạn video clip khỏi video.

Duplicate — Để tạo bản sao của đoạn video clip được chọn.

Edit text (chỉ hiển thị khi bạn đã thêm văn bản vào) — Để chuyển, xóa hoặc nhân đôi văn bản; thay đổi màu và kiểu văn bản; xác định thời

gian văn bản hiển thị trên màn hình; và thêm một số hiệu ứng cho văn bản.

Edit image (chỉ hiển thị khi bạn đã thêm hình ảnh vào) — Để chuyển, xóa hoặc nhân đôi hình; xác định thời gian hình sẽ hiển thị trên màn hình; và cài nền hoặc hiệu ứng màu cho hình ảnh.

Edit sound clip:

Cut — Cắt file âm thanh trong giao diện Cut sound clip.

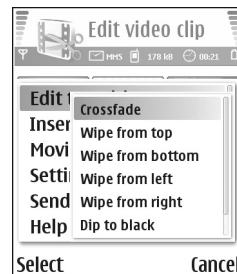
Move (chỉ hiển thị nếu hai hoặc nhiều tập tin âm thanh được chèn vào) — Để di chuyển tập tin âm thanh đến vị trí đã chọn.

Set duration — Để thay đổi độ dài của tập tin âm thanh.

Remove — Để xóa tập tin âm thanh ra khỏi đoạn video.

Duplicate — Để tạo bản sao của tập tin âm thanh được chọn.

Set duration — Thay đổi độ dài của file âm thanh.



Edit transition — Có ba kiểu chuyển cảnh: ở đầu đoạn video, ở cuối đoạn video, và ở giữa các đoạn video clip. Đoạn chuyển cảnh ở đầu đoạn video có thể được chọn khi phần chuyển cảnh đầu tiên của đoạn video đang được bật.

Insert:

Video clip — Để chèn đoạn video clip đã chọn. Màn hình chính sẽ hiển thị một hình thu nhỏ ứng với đoạn video clip. Hình thu nhỏ chính là cảnh phim có hình đầu tiên của đoạn video clip đó. Tên và chiều dài của đoạn video clip được chọn cũng được hiển thị.

Image — Chèn hình ảnh được chọn vào. Một hình thu nhỏ sẽ hiển thị trên màn hình chính.

Text — Chèn văn bản vào đoạn video clip. Bạn có thể chèn tiêu đề, phụ đề hoặc danh sách những người đã thực hiện đoạn phim này.

Sound clip — Chèn tập tin âm thanh đã được chọn. Tên và chiều dài của tập tin âm thanh được chọn cũng được hiển thị trên màn hình chính.

New sound clip — Ghi âm tập tin âm thanh mới vào vị trí đã chọn.

Movie — Để xem trước movie ở chế độ toàn màn hình hoặc dưới dạng hình thu nhỏ, lưu movie, hoặc cắt đoạn movie với kích thước hợp lý để gửi dưới dạng tin nhắn đa phương tiện.



Mẹo! Để chụp lại các cảnh trong đoạn video, chọn **Options > Take snapshot** trong giao diện. Xem trước hình thu nhỏ hoặc Cắt video.

Để cắt đoạn video clip hoặc tập tin âm thanh, di chuyển đến thanh thời gian bạn ưa thích và chọn **Options > Edit video clip > Cut** hoặc **Options > Edit sound clip > Cut**. Trong giao diện Cắt đoạn video clip hoặc Cắt tập tin âm thanh, để đánh dấu điểm bắt đầu của đoạn video clip hoặc tập tin âm thanh, chọn **Options > Start mk.** Để đánh dấu điểm kết thúc của đoạn video clip hoặc tập tin âm thanh, chọn **Options > End mark**. Để phát đoạn vừa cắt, chọn **Options > Play marked section**. Để lưu thay đổi, bấm **Done**.

Để lưu đoạn video của bạn trong giao diện chính sửa video, chọn **Options > Movie > Save**. Để xác định **Memory in use**, chọn **Options > Settings**. Mặc định là bộ nhớ máy.

 **Mẹo!** Trong giao diện **Settings**, bạn có thể xác định **Default video name**, **Default snapshot name**, **Save quality**, và **Memory in use**.

Chọn **Send** > **Via multimedia**, **Via e-mail**, hoặc **Via Bluetooth** nếu bạn muốn gửi đoạn video. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của bạn để biết dung lượng tối đa của tin nhắn đa phương tiện có thể gửi đi được. Nếu đoạn phim của bạn quá lớn không thể gửi đi dưới dạng tin nhắn đa phương tiện, biểu tượng  sẽ xuất hiện. Chọn **Options** > **Movie** > **Edit for MMS** để cắt đoạn phim.

 **Mẹo!** Nếu muốn gửi một đoạn video clip với dung lượng lớn hơn dung lượng tối đa của tin nhắn đa phương tiện được nhà cung cấp dịch vụ quy định, bạn có thể gửi qua Bluetooth. Xem phần "[Gửi dữ liệu qua kết nối Bluetooth](#)", ở trang 107. Bạn cũng có thể chuyển các đoạn video qua Bluetooth vào máy PC có trang bị cổng Bluetooth hoặc sử dụng một thiết bị đọc thẻ nhớ (phụ kiện nâng cấp).



Gallery

Để lưu và sắp xếp các hình ảnh, đoạn video clip, tập tin âm thanh, danh sách nhạc và các liên kết trực tuyến, trong chế độ Nắp gấp mở, bấm , và chọn

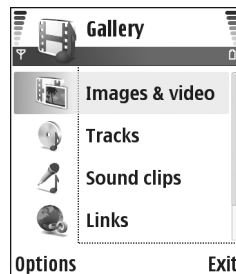
Gallery. Để mở bộ sưu tập trong chế độ Imaging, chọn **Options** > **Go to Gallery**. Trong chế độ Imaging, chỉ có duy nhất thư mục **Images&Video**.

 **Mẹo!** Để chuyển từ **Gallery** sang camera trong chế độ Imaging, chọn **Camera**.

Chọn **Images&Video** , **Tracks** , **Sound clips** , **Links** , hoặc **All files** , và bấm  để mở ra.

Bạn có thể trình duyệt và mở các thư mục; đánh dấu chọn, copy và chuyển các mục vào thư mục. Các file âm thanh, đoạn phim video clip, tập tin .ram và các liên kết trực tuyến sẽ được mở và phát trong ứng dụng RealPlayer. Xem phần "[RealPlayer™](#)", ở trang 62. Bạn cũng có thể tạo album; và đánh dấu, copy và thêm các mục vào album. Xem phần "[Album](#)", ở trang 60.

 **Mẹo!** Bạn có thể truyền hình ảnh từ điện thoại của bạn đến một máy PC tương thích bằng Nokia Phone Browser có sẵn trong phần mềm Nokia PC Suite. Xem trong đĩa CD được cung cấp kèm theo điện thoại.



Bấm  để mở một tập tin. Video, nhạc và tập tin âm thanh sẽ mở trong **RealPlayer**. Xem phần "[Xem hình ảnh và các đoạn video clip](#)", ở trang 59.

Để sao chép hoặc di chuyển các tập tin đến thẻ nhớ hoặc đến bộ nhớ điện thoại, chọn một tập tin và chọn **Options > Organise > Copy to memory card/ Move to memory card** hoặc **Copy to phone mem./ Move to phone mem..** Các tập tin lưu trữ trong thẻ nhớ được chỉ báo bằng .

Để tải các tập tin về **Gallery** trong một trong các thư mục chính bằng trình duyệt, chọn biểu tượng tải về, ví dụ như () để tải hình ảnh. Trình duyệt sẽ mở ra và bạn có thể chọn một chỉ mục của trang sẽ tải về.

Xem hình ảnh và các đoạn video clip

Hình chụp và video clip được quay bằng camera sẽ được lưu trong thư mục **Images&Video** trong **Gallery**. Chất lượng của đoạn video clip được chỉ báo bằng một trong các biểu tượng sau:  (High),  (Normal), và  (Sharing). Để biết thêm thông tin về chất lượng video, xem phần "[Cài đặt video](#)", ở trang 54. Bạn cũng có thể nhận được hình ảnh và video clip dưới dạng tin nhắn đa phương tiện, dạng đính kèm e-mail, hoặc qua cổng Bluetooth. Để có thể xem một hình hoặc video clip nhận được trong bộ

sưu tập hoặc trong media player, bạn phải lưu chúng vào bộ nhớ điện thoại hoặc thẻ nhớ.

Mở thư mục **Images&Video** trong **Gallery**. Hình ảnh và video clip sẽ ở trong một vòng tròn và được xếp theo ngày tháng. Sổ tập tin có thể được nhìn thấy trên màn hình. Để xem tập tin, di chuyển lên hoặc xuống. Bấm và giữ phím di chuyển lên hoặc xuống để xem các tập tin trong vòng liên tục. Để di chuyển nhiều tập tin cùng lúc, di chuyển sang trái hoặc phải.

 **Mẹo!** Để định vị trí và mở các tập tin trong chế độ Imaging, sử dụng nút điều khiển.

 Các tùy chọn trong giao diện **Images&Video** gồm **Open** (chỉ hình ảnh), **Play** (chỉ video), **Send**, **Go to Camera**, **Add to Album**, **Albums**, **Print** (chỉ hình ảnh), **Edit**, **Delete**, **Organise**, **Mark/Unmark**, và **Help**.

Để chỉnh sửa hình hoặc đoạn video clip, chọn **Options > Edit**. Chương trình chỉnh sửa hình ảnh hoặc video sẽ mở ra.

Để thêm một hình ảnh hoặc video clip vào album trong bộ sưu tập, chọn **Options > Add to Album**. Xem phần "[Album](#)", ở trang 60.

Để tạo các đoạn video clip tùy chỉnh, chọn một đoạn video clip hoặc một vài clip trong bộ sưu tập

và chọn **Options** > **Edit**. Xem phần "**Biên tập các đoạn video clip**", ở trang 55.

▶ Các tùy chọn khi xem hình gồm **Zoom in**, **Send**, **Add to album**, **Set as wallpaper**, **Add to contact**, **Print**, **Edit**, **Delete**, **Rename**, **View details**, **Add to 'Go to'**, **Help** và **Exit**.

Để in hình ảnh bằng máy in được nối với điện thoại, hoặc để lưu hình vào thẻ MMC để in sau bằng thiết bị tương thích, chọn **Options** > **Print**. Xem phần "**Image Print**", ở trang 61.

Để phóng ảnh, chọn **Options** > **Zoom in**. Tỷ lệ phóng to/thu nhỏ sẽ hiển thị ở phía trên màn hình. Tỷ lệ sẽ không được lưu cố định.

Để xóa hình hoặc đoạn video clip, bấm **C**.

Album

Với album, bạn có thể quản lý hình ảnh và video clip một cách thuận tiện. Để xem danh sách các album, trong thư mục **Images&Video**, chọn **Options** > **Albums**. Album sẽ được xếp theo thứ tự abc. Để xem nội dung của một album, bấm phím di chuyển.

Để tạo một album mới, chọn **Options** > **New album**. Đặt tên cho album và chọn **OK**.

Để thêm hình hoặc video clip vào một album trong bộ sưu tập, di chuyển đến một hình hoặc video clip và chọn **Options** > **Add to album**. Một danh sách các album sẽ mở ra. Chọn album mà bạn muốn thêm hình hoặc video clip vào và bấm phím di chuyển.

Để xóa một tập tin trong album, bấm **C**. Tập tin đó sẽ vẫn còn trong thư mục **Images&Video** trong **Gallery**.

Imaging

Image Print

Bạn có thể in hình ảnh bằng chức năng **Image print** bằng cách chọn tùy chọn in trong bộ sưu tập, camera, chương trình chỉnh sửa hình ảnh, ứng dụng xem hình, hoặc trong chế độ chờ.

Chọn **Image print** để in hình ảnh qua cáp dữ liệu, qua kết nối Bluetooth, hoặc qua thẻ nhớ.

Bạn chỉ có thể in hình ảnh ở dạng .jpg. Hình ảnh được chụp bằng camera sẽ được tự động lưu ở dạng .jpg.

 **Lưu ý:** Để in bằng máy in hỗ trợ PictBridge, chọn tùy chọn in trước khi bạn nối cáp USB.

Chọn hình bạn muốn in và chọn **Options > Print**.

Chọn máy in

Khi bạn sử dụng chức năng **Image print** lần đầu tiên, danh sách các máy in hiện có sẽ hiển thị sau khi bạn chọn hình ảnh. Chọn máy in bạn muốn sử dụng. Máy in sẽ được cài làm máy in mặc định.

Nếu bạn đã nối vào máy in hỗ trợ PictBridge qua cổng USB dùng cáp CA-53 bán kèm theo điện thoại, máy in này sẽ được tự động hiển thị.

Nếu máy in mặc định không có, danh sách các thiết bị in hiện có sẽ được hiển thị lại.

Để thay đổi máy in mặc định, chọn **Options > Print settings > Default printer**.

Xem trước bản in

Màn hình xem trước bản in chỉ mở khi bạn bắt đầu in một hình ảnh trong bộ sưu tập hoặc ở chế độ chờ.

Hình ảnh mà bạn đã chọn sẽ được hiển thị theo bố cục đã định trước. Để thay đổi bố cục này, di chuyển sang trái và phải để duyệt qua các bố cục có sẵn ứng với máy in đã chọn. Nếu hình ảnh không đủ để trình bày trên một trang đơn, di chuyển lên hoặc xuống để xem tiếp các trang khác.

 Các tùy chọn trong màn hình xem trước gồm **Print**, **Print settings**, **Help**, và **Exit**.

Cài đặt in ấn

Các tùy chọn cài đặt được hiển thị sẽ khác nhau tùy vào tính năng của thiết bị in mà bạn chọn.

Để cài máy in mặc định, chọn **Options > Default printer**.

Để chọn khổ giấy, chọn **Paper size**, chọn khổ giấy trong danh sách và bấm **OK**. Chọn **Cancel** để quay về màn hình trước đó.



Bấm , và chọn **RealPlayer**. Với trình **RealPlayer**, bạn có thể xem lại các đoạn video clip, nghe các tập tin âm thanh, danh sách nhạc hoặc thưởng thức các tập tin media trực tuyến. Bạn có thể kích hoạt một liên kết trực tuyến khi trình duyệt các trang Web, hoặc lưu vào bộ nhớ điện thoại hoặc thẻ nhớ. Bạn cũng có thể sử dụng RealPlayer trong chế độ Imaging với các chức năng phim được giới hạn. Xem phần "**Chụp hình trong chế độ Imaging**", ở trang 43.

RealPlayer hỗ trợ các dạng tập tin có phần mở rộng như .aac, .awb, .m4a, .mid, .mp3, và .wav. Tuy nhiên, **RealPlayer** không nhất thiết hỗ trợ tất cả các định dạng hay biến thể của các dạng tập tin này. Ví

dụ như **RealPlayer** có thể phát các tập tin .mp4, nhưng một số tập tin mp4 có thể chứa nội dung không tương thích với các chuẩn 3GPP và vì vậy sẽ không được điện thoại không hỗ trợ.

 **Mẹo!** Bạn có thể truyền tải các tập tin âm nhạc từ điện thoại vào thẻ nhớ bằng ứng dụng Nokia Audio Manager trong bộ phần mềm Nokia PC Suite. Xem trong đĩa CD được cung cấp cùng với điện thoại.

Phát video clip hoặc tập tin âm thanh

 **Cảnh báo:** Bạn nên nghe nhạc ở mức âm lượng vừa phải. Việc nghe liên tục ở mức âm lượng lớn có thể gây hại cho thính giác của bạn.

 Các tùy chọn trong **RealPlayer** khi bạn chọn một đoạn video clip là **Play/Continue**, **Play in full screen/Continue in full scr.**, **Stop**, **Mute/Unmute**, **Clip details**, **Send**, **Settings**, **Help** và **Exit**.

1 Để phát tập tin media được lưu trong bộ nhớ máy hoặc thẻ nhớ, chọn **Options > Open** và chọn:

Most recent clips — Để phát một trong sáu tập tin mới nhất được phát bằng **RealPlayer**.

Saved clip — Để phát lại tập tin được lưu trong **Gallery**. Xem phần "**Gallery**", ở trang 58.

Mem. card sound clips — Để tạo danh sách bài nhạc và phát một tập tin được lưu trong thẻ nhớ. Xem phần "[Tạo danh sách bài nhạc](#)", ở trang 63.

- Di chuyển đến một tập tin và bấm để phát tập tin đó.

Mẹo! Để xem video clip ở chế độ toàn màn hình, bấm **2**. Bấm một lần nữa để trở về chế độ màn hình bình thường.

Các biểu tượng trong **RealPlayer**: — Repeat; — Random; — Repeat and random; và — Loudspeaker muted.

Các phím tắt trong khi chạy chương trình:

- Để tiến nhanh về trước, bấm và giữ .
- Để trở về điểm đầu của tập tin media, bấm và giữ .
- Để tắt âm, bấm và giữ cho đến khi chỉ báo hiển thị. Để bật âm, bấm và giữ cho đến khi bạn nhìn thấy chỉ báo .

Tạo danh sách bài nhạc

Để tạo ra danh sách các bài nhạc trên bộ nhớ điện thoại, hoặc trên thẻ nhớ:

- Chọn **Options > New track list**.
- Chọn bộ nhớ mà bạn muốn chọn các bài nhạc.

- Đặt tên cho danh sách bài nhạc.

- Để chọn các bài nhạc bạn muốn thêm vào danh sách, chọn **Options > Mark/Unmark > Mark** hoặc **Mark all**.

- Chọn **Options > Select marked items**.

Mẹo! Để thoát khỏi một ứng dụng đang mở và máy nghe nhạc đang chạy ẩn, bấm hai lần để trở về chế độ chờ. Để trở về ứng dụng, bấm và chọn **RealPlayer**.

Xem nội dung trực tuyến

Nhiều nhà cung cấp dịch vụ yêu cầu bạn sử dụng điểm truy cập Internet (IAP) làm điểm truy cập mặc định. Các nhà cung cấp dịch vụ khác cho phép bạn sử dụng điểm truy cập WAP.

Bạn có thể cài đặt các điểm truy cập khi bạn khởi động điện thoại lần đầu tiên.

Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin.

Lưu ý: Trong ứng dụng **RealPlayer**, bạn chỉ có thể truy cập một địa chỉ URL rtsp://. Tuy nhiên, **RealPlayer** có khả năng nhận dạng liên kết http với tập tin .ram.

Để xem các nội dung trực tuyến, chọn một liên kết đến nội dung trực tuyến trong **Gallery**, trên trang Web, hoặc nhận liên kết trong tin nhắn văn bản hoặc tin nhắn đa phương tiện. Trước khi nội dung được phát trực tuyến, điện thoại của bạn sẽ kết nối với trang này và bắt đầu nạp nội dung. Nội dung sẽ không được lưu vào điện thoại.

Nhận các thông số cài đặt RealPlayer

Bạn có thể nhận các thông số cài đặt **RealPlayer** trong tin nhắn văn bản đặc biệt được gửi từ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Xem phần "**Dữ liệu và các thông số cài đặt**", ở trang 75. Để biết thêm thông tin, liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Thay đổi các cài đặt của RealPlayer

Chọn **Options > Settings** và chọn một trong các tùy chọn sau:

Video — Để **RealPlayer** tự động phát lặp lại các đoạn video clip đã phát xong.

Audio — Để chọn nếu bạn muốn phát lặp lại các danh mục bài hát và phát các tập tin âm thanh trong danh mục bài hát theo thứ tự ngẫu nhiên.

Connection — Để chọn sử dụng một máy chủ proxy, thay đổi điểm truy cập mặc định, và xác định và khoảng trị số cổng được dùng khi kết nối. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để nhận được các cài đặt phù hợp.

Proxy settings:

- **Use proxy** — Để sử dụng máy chủ proxy, chọn **Yes**.
- **Proxy serv. address** — Nhập địa chỉ IP của máy chủ proxy.
- **Proxy port number** — Nhập số cổng của máy chủ proxy.



Chú giải: Các máy chủ proxy là các máy chủ trung gian giữa các máy chủ cung cấp nội dung media và người sử dụng chúng. Một số nhà cung cấp dịch vụ sử dụng chúng để cung cấp các tính năng bảo mật bổ sung hoặc tăng tốc độ truy cập các trang web chứa các tập tin âm thanh hoặc đoạn video clip.

Network settings:

- **Default access point** — Di chuyển đến điểm truy cập bạn muốn dùng để kết nối vào Internet và bấm .

- **Online time** — Cài thời lượng để **RealPlayer** ngắt khỏi mạng khi bạn đã ngưng phát tập tin media qua liên kết mạng, chọn **User defined**, và bấm . Nhập khoảng thời gian, và chọn **OK**.
- **Lowest UDP port** — Nhập trị số cổng thấp nhất trong khoảng trị số các cổng của máy chủ. Giá trị mặc định là 6970.
- **Highest UDP port** — Nhập trị số cổng cao nhất trong khoảng trị số các cổng của máy chủ. Giá trị mặc định là 32000.

Chọn **Options > Advanced settings** để hiệu chỉnh các giá trị bằng thông cho các mạng khác nhau.



Movie Director

Để tạo muvee, bấm , và chọn **Imaging > Movie Director**. muvees là các đoạn video clip ngắn được biên tập có chứa video, nhạc và văn bản. **Quick muvee** đã được tự động tạo bằng **Movie director** sau khi bạn đã chọn kiểu muvee. **Movie director** sẽ chọn ngẫu nhiên các hình ảnh và sử dụng văn bản và âm nhạc mặc định kết hợp với kiểu đã chọn. Mỗi kiểu có đặc điểm riêng về phông chữ, màu sắc, nhạc và giai điệu. Trong **Custom muvee**, bạn có thể chọn các đoạn video clip và các đoạn nhạc riêng, hình ảnh và kiểu thể hiện, đồng thời thêm phần thông điệp mở đầu và kết thúc. Bạn có thể gửi muvees qua MMS.

Mở **Movie**, và bấm  hoặc  để chuyển qua lại giữa hai giao diện  và . Bạn cũng có thể trở về giao diện chính từ giao diện  bằng cách chọn **Done**.

Giao diện  có chứa một danh sách các đoạn video clip mà bạn có thể **Play**, **Send**, **Rename** và **Delete**.

Tạo quick muvee

- 1 Trong giao diện **Movie Director**, chọn **Quick muvee**.
 - 2 Chọn một kiểu muvee trong danh sách. muvee đã tạo sẽ được lưu trong danh sách **Movie director**. Mueve sẽ tự động phát sau khi lưu lại.
-  **Mẹo!** Để tải các kiểu mới về điện thoại, chọn **Download style ()** trong giao diện **Movie director**.

Tạo custom muvee

- 1 Trong giao diện **Movie Director**, chọn **Custom muvee**.
- 2 Chọn clip mà bạn muốn thêm vào muvee của bạn trong **Video**, **Image**, **Style**, hoặc **Music**. Sau khi bạn đã chọn các đoạn video clip và hình ảnh, để xác định thứ tự mà các tập tin sẽ được phát trong muvee, chọn **Options > Advance**.

Chọn tập tin bạn muốn chuyển bằng cách bấm phím di chuyển. Sau đó, di chuyển đến tập tin mà sau đó bạn muốn thay thế bằng tập tin được đánh dấu, và bấm phím di chuyển.

Để cắt đoạn video clip, chọn **Options > magicMoments**. Xem phần "**Chọn nội dung**", ở trang 66.

Trong **Message**, bạn có thể thêm đoạn văn bản mới đầu và kết thúc cho muvee.

- 3 Chọn **Create muvee** và chọn một trong các tùy chọn sau:

Multimedia message — để tối ưu độ dài của muvee khi gửi MMS.

Auto-select — để bao gồm tất cả các hình ảnh và video clip được chọn trong muvee.

Same as music — để cài thời lượng muvee giống như đoạn nhạc đã chọn.

User defined — để xác định độ dài đoạn muvee.

- 4 Chọn **Options > Save**.

Để xem trước các đoạn muvee tùy chỉnh trước khi gửi, trong giao diện **Preview muvee**, chọn **Options > Play**.

Để tạo một muvee tùy chỉnh mới bằng cách sử dụng cài đặt cùng loại, chọn **Options > Recreate**.

Chọn nội dung

Sau khi chọn hình ảnh và video clip cho muvee, bạn có thể chỉnh sửa các đoạn video clip được chọn.

Chọn **Options > Advance > Options > Select content**. Bạn có thể chọn những phần của đoạn video clip nào sẽ được thêm vào hoặc loại ra trong muvee. Một thanh trượt bên dưới màn hình video sẽ cho biết các phần được thêm vào, loại ra và những phần được trung lập bằng các màu: màu xanh lá cây là phần được thêm vào, màu đỏ là phần được loại ra và màu xám là các phần trung lập.

Để thêm một phần của đoạn video clip vào muvee, di chuyển đến phần đó và chọn **Options > Include**.

Để loại một phần ra khỏi đoạn video clip, di chuyển đến phần đó và chọn **Options > Exclude**.

Để ứng dụng **Movie director** thêm vào hoặc loại trừ ngẫu nhiên một phần của đoạn video clip, di chuyển đến phần đó và chọn **Options > Mark as neutral**.

Để loại trừ một cảnh trong đoạn video clip, chọn **Options > Exclude shot**.

Để ứng dụng **Movie director** thêm vào hoặc loại trừ ngẫu nhiên các phần của đoạn video clip, chọn **Options > Mark all as neutral**.

Cài đặt

Chọn **Settings** để chỉnh sửa các tùy chọn sau:

Memory in use — Chọn nơi lưu các muvee.

Resolution — Chọn độ phân giải cho các đoạn muvee.

Default muvee name — Đặt tên mặc định cho các muvee.



Messaging

Bấm , và chọn **Messaging**. Trong phần **Messaging** bạn có thể tạo, gửi, nhận, xem, soạn thảo, và sắp xếp các tin nhắn văn bản, các tin nhắn đa phương tiện, e-mail, và các tin nhắn văn bản đặc biệt chứa dữ liệu. Bạn cũng có thể nhận tin nhắn và dữ liệu qua kết nối Bluetooth, nhận tin nhắn dịch vụ Web, tin nhắn quảng bá và gửi các lệnh dịch vụ.



•**Lưu ý:** Chỉ những thiết bị có các tính năng tương thích mới có thể nhận và hiển thị tin nhắn đa phương tiện. Hình thức của tin nhắn có thể thay đổi tùy thuộc vào điện thoại nhận tin nhắn.

Khi bạn mở **Messaging**, bạn có thể nhìn thấy chức năng **New message** và một danh sách các thư mục:



Inbox — Chứa các tin nhắn đã nhận ngoại trừ e-mail và các tin nhắn quảng bá. Các tin e-mail được lưu trong **Mailbox**.



My folders — Để sắp xếp các tin nhắn của bạn vào trong các thư mục.



Mailbox — Trong **Mailbox**, bạn có thể kết nối vào hộp thư từ xa của bạn để tải về các tin e-mail mới hoặc xem các tin nhắn e-mail đã được tải về

trước trong chế độ offline. Xem phần **"E-mail"**, ở trang 82.



Drafts — Lưu các tin nhắn chưa được gửi đi.



Sent — Lưu 20 tin nhắn được gửi gần đây nhất, ngoại trừ những tin nhắn gửi đi qua kết nối Bluetooth. Để thay đổi số tin nhắn sẽ được lưu, xem phần **"Các cài đặt khác"**, ở trang 84.



Outbox — Là nơi lưu tạm thời các tin nhắn đang chờ gửi.



Reports () — Bạn có thể yêu cầu mạng gửi báo cáo về những tin nhắn văn bản và tin nhắn đa phương tiện mà bạn đã gửi. Bạn sẽ không thể nhận được báo cáo đã gửi tin nhắn đa phương tiện đến một địa chỉ e-mail.



Mẹo! Khi bạn đã mở bất kỳ thư mục mặc định nào, bạn có thể chuyển đổi giữa các thư mục bằng cách bấm  hoặc .

Để nhập và gửi các yêu cầu dịch vụ (còn gọi là các lệnh USSD) đến nhà cung cấp dịch vụ, ví dụ như những lệnh kích hoạt các dịch vụ mạng, chọn **Options > Service command** trong màn hình chính của phần **Messaging**.

Cell broadcast  cho phép bạn nhận tin nhắn theo các chủ đề khác nhau, ví dụ như dự báo thời tiết hoặc điều kiện giao thông từ nhà cung cấp dịch vụ. Để biết về các chủ đề có sẵn và các chủ đề thích hợp, liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ. Trong cửa sổ chính của **Messaging**, chọn **Options** > **Cell broadcast**. Trong giao diện chính, bạn có thể thấy thông tin trạng thái của chủ đề, số hiệu của chủ đề, tên chủ đề và chủ đề có được đánh dấu (▶) cho biết có nhận những tin nhắn tiếp theo hay không.

 Các tùy chọn trong **Cell broadcast** là **Open**, **Subscribe/Unsubscribe**, **Hotmark/Remove hotmark**, **Topic**, **Settings**, **Help**, và **Exit**.

Bạn không thể nhận các tin nhắn quảng bá qua mạng UMTS. Kết nối dữ liệu gói có thể ngăn không cho nhận tin nhắn quảng bá.

Viết văn bản

Kiểu nhập văn bản truyền thống

ABC và **abc** cho biết các kiểu nhập bạn đã chọn. **Abc** nghĩa là ký tự đầu tiên của từ được viết hoa, tất cả các ký tự khác đều được tự động chuyển sang dạng chữ thường. **123** chỉ thị kiểu số.

Chỉ báo  sẽ hiển thị ở phía trên bên phải màn hình khi bạn đang viết văn bản sử dụng kiểu nhập văn bản truyền thống.

- Bấm một phím số (**1 — 9**) nhiều lần cho đến khi ký tự bạn cần dùng xuất hiện. Điện thoại sẽ cung cấp nhiều ký tự ứng với một phím số hơn số ký tự được in trên mặt của phím số đó.
- Để thêm số, bấm và giữ phím số.
- Để chuyển giữa chế độ chữ và số, bấm và giữ #.
- Nếu chữ kế tiếp nằm cùng phím với chữ hiện tại, hãy đợi đến khi con trỏ hiển thị (hoặc bấm  để kết thúc khoảng thời gian nghỉ rồi nhập chữ đó vào).
- Để xóa một ký tự, bấm . Bấm và giữ  để xóa nhiều ký tự.
- Các dấu chấm câu phổ biến nhất hiện đang có trong **1**. Bấm **1** nhiều lần cho đến khi tìm đúng dấu chấm câu bạn cần.
Bấm * để mở danh sách các ký tự đặc biệt. Sử dụng  để xem qua danh sách và bấm **Select** để chọn một ký tự.
- Để thêm khoảng trắng, bấm **0**. Để di chuyển con trỏ đến dòng kế tiếp, bấm **0** ba lần.
- Để chuyển giữa các kiểu chữ khác nhau, bấm #.

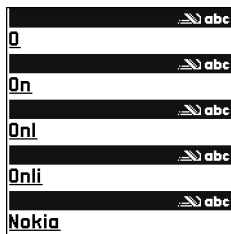
Kiểu nhập văn bản tiên đoán—Từ điển

Bạn có thể nhập ký tự bất kỳ chỉ với một lần bấm phím. Kiểu nhập tiên đoán dựa trên một từ điển cài sẵn trong điện thoại mà bạn có thể thêm vào từ mới. Khi từ điển đầy, từ được thêm vào mới nhất sẽ thay thế từ cũ nhất.

- Để kích hoạt kiểu nhập văn bản tiên đoán, bấm , và chọn

Dictionary on. Điều này sẽ kích hoạt việc nhập văn bản theo kiểu nhập tiên đoán cho tất cả các trình soạn thảo trên điện thoại.  sẽ được hiển thị ở phía trên cùng bên phải màn hình khi bạn đang soạn văn bản bằng kiểu nhập tiên đoán.

- Để viết từ bạn muốn, bấm các phím **2 — 9**. Chỉ bấm mỗi phím một lần để nhập một chữ cái. Ví dụ như để viết từ 'Nokia' bằng từ điển tiếng Anh đã chọn, bấm **6** để nhập N, **6** để nhập o, **5** để nhập k, **4** để nhập i, và **2** để nhập a. Từ đề nghị sẽ thay đổi sau mỗi lần bấm phím.



- Khi bạn viết đúng một từ, để xác nhận lại, bấm , hoặc bấm **0** để thêm khoảng trắng. Nếu viết từ sai, bấm ***** nhiều lần để tìm lần lượt các từ phù hợp có thể có trong từ điển, hoặc bấm , và chọn **Dictionary > Matches**.

Nếu dấu **?** hiển thị sau từ đó, từ bạn định viết không có trong từ điển. Để thêm từ vào từ điển, chọn **Spell**, nhập từ mới vào bằng kiểu nhập văn bản truyền thống, và chọn **OK**. Từ này sẽ được thêm vào từ điển. Khi từ điển đầy, một từ mới sẽ thay cho từ được thêm vào cũ nhất.

- Bắt đầu viết từ kế tiếp.

 **Mẹo!** Để bật hoặc tắt kiểu nhập văn bản tiên đoán, bấm nhanh **#** hai lần.

Mẹo khi sử dụng kiểu nhập tiên đoán

Để xóa một ký tự, bấm . Bấm và giữ  để xóa nhiều ký tự.

Để chuyển giữa các kiểu chữ khác nhau, bấm **#**. Nếu bạn bấm nhanh **#** hai lần, máy sẽ tắt kiểu nhập văn bản tiên đoán.

 **Mẹo!** Kiểu nhập văn bản tiên đoán sẽ cố gắng đoán dấu chấm câu thông dụng nào (.,?!") cần dùng. Thử tự và tính khả dụng của các dấu câu tùy thuộc vào ngôn ngữ trong từ điển.

Để chèn số khi ở chế độ nhập kiểu chữ, bấm và giữ phím số bạn cần.

Để chuyển giữa chế độ chữ và số, bấm và giữ #.

Các dấu chấm câu phổ biến nhất hiện đang có trong **1**. Bấm **1** rồi bấm * liên tục để tìm dấu chấm câu bạn cần.

Bấm và giữ * để mở danh sách các ký tự đặc biệt.

Bấm * liên tục để xem các từ thích hợp mà từ điển đã tìm thấy.

Bấm , chọn **Dictionary**, và bấm  để chọn một trong các tùy chọn sau:

Matches — Để xem một danh sách các từ tương ứng với phím mà bạn bấm.

Insert word — Để thêm một từ vào từ điển bằng cách sử dụng kiểu nhập văn bản truyền thống. Khi từ điển đầy, một từ mới sẽ thay cho từ được thêm vào cũ nhất.

Edit word — Để sửa chữa từ bằng cách sử dụng kiểu nhập văn bản truyền thống. Tính năng này chỉ có hiệu lực đối với từ đang được dùng (được gạch dưới).



Mẹo! Khi bạn bấm , các tùy chọn sau sẽ xuất hiện (tùy thuộc vào chế độ chỉnh sửa): **Dictionary** (kiểu nhập văn bản tiên đoán), **Alpha mode** (kiểu nhập văn bản truyền thống), **Number mode**, **Cut** (nếu văn bản đã được chọn), **Copy** (nếu văn bản đã được chọn), **Paste** (nếu trước đó văn bản đã được cắt hoặc copy), **Insert number**, **Insert symbol**, và **Writing language**: (thay đổi ngôn ngữ nhập văn bản đối với tất cả các trình soạn thảo trong điện thoại).

Viết từ ghép

Soạn phần đầu của từ ghép, bấm  để xác nhận phần này. Soạn phần sau của từ ghép. Để hoàn tất việc soạn từ ghép, bấm  để thêm khoảng trắng.

Tắt kiểu nhập văn bản tiên đoán

Bấm , và chọn **Dictionary** > **Off** để tắt kiểu nhập văn bản tiên đoán dùng cho tất cả các trình soạn thảo trong điện thoại.

Sao chép văn bản

- 1 Để chọn các chữ và từ, bấm và giữ . Cùng một lúc, bấm  hoặc . Khi vùng chọn di chuyển, văn bản sẽ được tô sáng.
- 2 Để copy văn bản, trong khi đang giữ , chọn **Copy**.
- 3 Để chèn văn bản vào một tài liệu, bấm và giữ , và chọn **Paste**, hoặc bấm  một lần, và chọn **Paste**. Để chọn các dòng chữ, bấm và giữ . Cùng một lúc, bấm  hoặc . Để xóa đoạn văn bản được chọn trong tài liệu, bấm .

Soạn và gửi tin nhắn

Hình thức của tin nhắn đa phương tiện có thể thay đổi tùy thuộc vào điện thoại nhận tin nhắn.

Việc bảo vệ bản quyền có thể sẽ không cho phép sao chép, chỉnh sửa hay chuyển tiếp một số hình ảnh, nhạc (bao gồm kiểu chuông) hay nội dung khác.

-  **Mẹo!** Bạn có thể soạn một tin nhắn từ bất kỳ ứng dụng nào có tùy chọn **Send**. Chọn một tập tin (hình ảnh hoặc văn bản) sẽ thêm vào tin nhắn, và chọn **Options > Send**.

Trước khi bạn có thể tạo một tin nhắn đa phương tiện hoặc soạn e-mail, bạn phải có thông số cài đặt kết nối đúng trong điện thoại. Xem phần "**Nhận các thông số cài đặt MMS và e-mail**", ở trang 74 và phần "**E-mail**", ở trang 82.

Mạng vô tuyến có thể giới hạn kích thước của tin nhắn MMS. Nếu hình được chèn vào vượt quá giới hạn này, điện thoại có thể giảm hình này xuống nhỏ hơn để có thể gửi qua tin nhắn MMS.

- 1 Chọn **New message**. Danh sách các tùy chọn tin nhắn sẽ mở ra.
Text message — để gửi tin nhắn văn bản.
Multimedia message — để gửi tin nhắn đa phương tiện (MMS).
E-mail — để gửi một e-mail. Nếu bạn chưa thiết lập tài khoản e-mail, bạn sẽ được yêu cầu thực hiện điều này.
- 2 Bấm  để chọn người hoặc nhóm người nhận trong danh bạ, hoặc nhập số điện thoại hoặc địa chỉ e-mail của người nhận vào. Bấm * để thêm dấu chấm phẩy (;) phân cách những người nhận. Bạn cũng có thể sao chép và dán số điện thoại hoặc địa chỉ.
 **Mẹo!** Di chuyển đến một số liên lạc và bấm  để chọn số liên lạc đó. Bạn có thể đánh dấu chọn nhiều người nhận cùng lúc.

- 3 Bấm  để di chuyển đến trường người nhận.
- 4 Viết tin nhắn.
- 5 Để thêm một đối tượng media vào tin nhắn đa phương tiện, chọn **Options > Insert object > Image, Sound clip, hoặc Video clip**. Khi âm thanh được thêm vào, biểu tượng  sẽ hiển thị trên thanh di chuyển.

Bạn không thể gửi các đoạn video clip được lưu ở dạng .mp4 trong tin nhắn đa phương tiện. Để thay đổi định dạng của các đoạn video đã lưu, xem phần "[Cài đặt video](#)", ở trang 54.

6. Để chụp một hình hoặc ghi một đoạn âm thanh hoặc video mới cho một tin nhắn đa phương tiện, chọn **Insert new > Image, Sound clip, hoặc Video clip**. Để chèn một trang mới vào tin nhắn, chọn **Slide**.

Chọn **Options > Preview** để xem qua trước các tin đa phương tiện.

- 7 Để chèn tập tin đính kèm vào e-mail, chọn **Options > Insert > Image, Sound clip, Video clip hoặc Note**. Các tập tin đính kèm theo e-mail sẽ được chỉ báo bằng  trên thanh di chuyển.



 **Mẹo!** Để gửi kèm các tập tin không phải là âm thanh hoặc ghi chú, mở ứng dụng tương ứng nếu có, và chọn **Send > Via e-mail**.

- 8 Để gửi tin nhắn, chọn **Options > Send**, hoặc bấm .

Điện thoại hỗ trợ việc gửi tin nhắn văn bản không quá giới hạn ký tự của một tin nhắn đơn. Các tin nhắn dài hơn sẽ được gửi dưới dạng một chuỗi hai hoặc nhiều tin nhắn. Nhà cung cấp dịch vụ có thể tính phí. Các ký tự sử dụng dấu trọng âm hoặc các ký hiệu khác và các ký tự trong một số tùy chọn ngôn ngữ như Tiếng Hoa, sẽ vượt quá số ký tự tối đa có thể được gửi trong một tin nhắn đơn. Trên thanh di chuyển, bạn có thể nhìn thấy chỉ báo độ dài tin nhắn đếm lùi. Ví dụ, 10(2) nghĩa là bạn vẫn có thể thêm 10 ký tự cho văn bản để gửi đi thành hai tin nhắn.

 **Lưu ý:** Các tin nhắn e-mail sẽ được tự động lưu tạm trong thư mục **Outbox** trước khi gửi. Nếu không gửi được tin e-mail, tin này sẽ được giữ lại trong thư mục **Outbox** với trạng thái **Failed**.

 **Mẹo!** Trong phần **Messaging** bạn cũng có thể tạo các tập tin trình chiếu và gửi chúng dưới dạng tin nhắn đa phương tiện. Trong màn hình trình biên tập tin nhắn đa phương tiện, chọn **Options > Create presentation** (chỉ hiển thị trong trường hợp **MMS creation mode** được cài ở trạng thái **Guided** hoặc **Free**). Xem phần "**Tin nhắn đa phương tiện**", ở trang 81.

 **Mẹo!** Khi bạn gửi một tin nhắn đa phương tiện đến một địa chỉ e-mail hoặc một thiết bị có khả năng thu nhận những hình ảnh kích thước lớn, hãy chọn ảnh có kích thước lớn để gửi đi. Nếu bạn không chắc chắn rằng thiết bị nhận, hoặc mạng có hỗ trợ gửi các tập tin kích thước lớn hay không, bạn nên sử dụng hình ảnh có kích thước nhỏ hơn hoặc đoạn ghi âm có độ dài không quá 15 giây. Để thay đổi thông số cài đặt, chọn **Options > Settings > Multimedia message > Image size** trong cửa sổ chính của phần **Messaging**.

Nhận các thông số cài đặt MMS và e-mail

Bạn có thể nhận thông số cài đặt dưới dạng tin nhắn văn bản từ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp

dịch vụ. Xem phần "**Dữ liệu và các thông số cài đặt**", ở trang 75.

Để biết tính khả dụng và thuê bao dịch vụ dữ liệu, xin liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Thực hiện theo các hướng dẫn được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp.

Nhập các thông số cài đặt MMS bằng tay:

- 1 Chọn **Tools > Settings > Connection > Access points**, và xác định các thông số cài đặt dùng cho điểm truy cập tin nhắn đa phương tiện. Xem phần "**Connection-Cài đặt kết nối**", ở trang 116.
- 2 Chọn **Messaging > Options > Settings > Multimedia message > Access point in use** và điểm truy cập bạn tạo sẽ được dùng làm kết nối ưu tiên. Xem thêm phần "**Tin nhắn đa phương tiện**", ở trang 81.

Để có thể gửi, nhận, tải về, hồi âm, và gửi chuyển tiếp e-mail, bạn cần phải thực hiện các thao tác sau:

- Cấu hình đúng Điểm Truy cập Internet (IAP). Xem phần "**Connection-Cài đặt kết nối**", ở trang 116.
- Xác định đúng thông số cài đặt e-mail. Xem phần "**E-mail**", ở trang 82. Bạn cần phải có tài khoản e-mail riêng. Thực hiện theo các hướng dẫn nhận được từ hộp thư từ xa và nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP).



Inbox-nhận tin nhắn

Các biểu tượng trong **Inbox**: * — tin nhắn chưa đọc trong **Inbox**; — tin nhắn văn bản chưa đọc; — tin nhắn đa phương tiện chưa đọc; — dữ liệu nhận được qua kết nối Bluetooth.

Khi bạn nhận một tin nhắn, và thông báo **1 new message** sẽ được hiển thị khi ở chế độ chờ. Chọn **Show** để mở tin nhắn. Để mở tin nhắn trong **Inbox**, di chuyển đến tin nhắn này, và bấm .

Tin nhắn đa phương tiện



•**Chú ý:** Thận trọng khi mở các tin nhắn. Các chủ đề tin nhắn đa phương tiện có thể chứa phần mềm có hại hoặc các yếu tố khác gây hại cho điện thoại hoặc máy PC.

Bạn có thể nhận được thông báo bạn có tin nhắn đa phương tiện mới được lưu trên trung tâm tin nhắn đa phương tiện. Để kết nối dữ liệu gói để tải tin nhắn về điện thoại, chọn **Options > Retrieve**.

Khi mở một tin nhắn đa phương tiện (), bạn có thể thấy một hình ảnh và một thông báo, đồng thời nghe một âm hiệu phát qua loa (sẽ hiển thị trong trường hợp có kèm âm thanh). Nhấp vào mũi tên trên biểu tượng để nghe âm thanh đó.

Để biết tin nhắn đa phương tiện có kèm theo những loại đối tượng media nào, mở tin nhắn, và chọn **Options > Objects**. Bạn có thể chọn lưu một tập tin chứa đối tượng đa phương tiện vào điện thoại của bạn hoặc gửi tập tin này đi, ví dụ như qua kết nối Bluetooth đến một thiết bị tương thích khác.

Để xem các trình chiếu đa phương tiện nhận được, chọn **Options > Play presentation**.

Việc bảo vệ bản quyền có thể sẽ không cho phép sao chép, chỉnh sửa hay chuyển tiếp một số hình ảnh, nhạc (bao gồm kiểu chuông) hay nội dung khác.

Dữ liệu và các thông số cài đặt

Điện thoại của bạn có thể nhận nhiều loại tin nhắn văn bản có chứa dữ liệu (), còn được gọi là tin nhắn qua mạng vô tuyến (OTA):

Configuration message — Bạn có thể nhận tin nhắn văn bản chứa các thông tin cấu hình như số dịch vụ, số hộp thư thoại, thông số cài đặt điểm truy cập Internet, cài đặt mã script đăng nhập điểm truy cập hoặc cài đặt e-mail do nhà điều hành mạng, nhà cung cấp dịch vụ, hoặc bộ phận quản lý thông tin của công ty của bạn gửi đến dưới dạng một tin nhắn cấu hình. Để lưu các thông số cài đặt này, chọn **Options > Save all**.

Business card — Để lưu các thông tin này vào **Contacts**, chọn **Options > Save business card**. Các chứng chỉ hoặc tập tin âm thanh được đính kèm với danh thiếp sẽ không được lưu.

Ringtone — Để lưu kiểu chuông, chọn **Options > Save**.

Operator logo — Để hiển thị logo mạng ở chế độ chờ thay cho tên nhận dạng nhà điều hành, chọn **Options > Save**.

Calendar entry — Để lưu lời mời, chọn **Options > Save to Calendar**.

Web message — Để chỉ mục vào danh sách chỉ mục trong trang Web, chọn **Options > Add to bookmarks**. Nếu tin nhắn có chứa cả thông số cài đặt điểm truy cập lẫn các chỉ mục, để lưu lại các dữ liệu này, chọn **Options > Save all**.

E-mail notification — Thông báo cho bạn biết có bao nhiêu e-mail mới trong hộp thư từ xa của bạn. Phần thông báo mở rộng có thể liệt kê nhiều thông tin chi tiết hơn.

 **Mẹo!** Nếu bạn nhận một tập tin vCard có kèm theo ảnh, ảnh đó sẽ được lưu vào danh bạ.

Tin nhắn dịch vụ Web

Những tin nhắn dịch vụ Web (🌐) là những thông báo vắn tắt (ví dụ như tiêu đề tin tức) và có thể chứa tin nhắn văn bản hoặc liên kết. Để biết tính khả dụng và thuê bao, xin liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ.



My folder-Thư mục riêng

Trong **My folders**, bạn có thể sắp xếp tin nhắn của bạn trong các thư mục, tạo thư mục mới, đổi tên và xóa thư mục.



Mẹo! Bạn có thể sử dụng các đoạn văn trong thư mục mẫu để tránh phải viết lại những tin nhắn bạn thường gửi.



Mailbox-Hộp thư

Nếu bạn chọn **Mailbox** và chưa cài đặt tài khoản e-mail, điện thoại sẽ nhắc bạn thực hiện điều đó. Xem phần **"E-mail"**, ở trang 82. Khi bạn tạo một hộp thư mới, tên bạn đặt cho hộp thư sẽ thay thế cho tên **Mailbox** trong cửa sổ chính của phần **Messaging**. Bạn có thể tạo đến tối đa sáu hộp thư.

Mở hộp thư

Khi bạn mở hộp thư, bạn có thể chọn xem các e-mail đã tải về trước đây và tiêu đề e-mail offline hoặc kết nối với server e-mail.

Khi bạn di chuyển đến hộp thư và bấm , máy sẽ hỏi bạn có muốn **Connect to mailbox?**.

Chọn **Yes** để kết nối với hộp thư và tải tin nhắn hoặc tiêu đề e-mail về điện thoại. Khi bạn xem tin nhắn trực tuyến, bạn phải kết nối thường trực tới một hộp thư từ xa bằng cách sử dụng một kết nối truyền dữ liệu gói. Xem thêm phần "**Connection-Cài đặt kết nối**", ở trang 116.

Chọn **No** để xem các tin nhắn e-mail đã tải về trước đó ở trạng thái offline. Khi bạn xem tin nhắn e-mail ở trạng thái offline, điện thoại của bạn sẽ không kết nối với hộp thư từ xa.

Tải tin nhắn e-mail

Nếu bạn đang ở trạng thái offline, chọn **Options > Connect** để bắt đầu kết nối với hộp thư từ xa.

 **Chú ý:** Thận trọng khi mở các tin nhắn. Các tin nhắn e-mail có thể chứa phần mềm có hại hoặc các yếu tố khác gây hại cho điện thoại hoặc máy PC của bạn.

- 1 Khi bạn đang kết nối vào hộp thư từ xa, chọn **Options > Retrieve e-mail**.
New — để tải tất cả các e-mail mới về điện thoại của bạn.
Selected — để chỉ tải về những e-mail được đánh dấu.
All — để tải về tất cả các tin nhắn từ hộp thư.
 Để ngừng việc tải tin nhắn về, chọn **Cancel**.
- 2 Sau khi bạn đã tải về các tin e-mail, bạn có thể vẫn xem chúng trực tuyến, hoặc chọn **Options > Disconnect** để ngắt kết nối và xem các tin e-mail ở trạng thái off.
 Biểu tượng tình trạng e-mail:
 E-mail mới (ở chế độ không trực tuyến hoặc trực tuyến): phần nội dung chưa được tải về điện thoại của bạn.
 E-mail mới: phần nội dung đã được tải về điện thoại của bạn.
 Tin nhắn e-mail đã đọc.
 E-mail có tiêu đề đã đọc và nội dung tin nhắn đã bị xóa khỏi điện thoại.
- 3 Để mở một tin nhắn e-mail, bấm . Nếu tin nhắn e-mail chưa được tải về (mũi tên trên biểu tượng sẽ hướng ra phía ngoài) và bạn chưa kết nối vào mạng, bạn sẽ được hỏi xem bạn có muốn tải tin nhắn này về từ hộp thư không.

Để xem những tập tin đính kèm e-mail, mở tin nhắn được đánh dấu có phần đính kèm , và chọn **Options > Attachments**. Nếu biểu tượng đính kèm bị mờ, điều này có nghĩa là nội dung đó chưa được tải về điện thoại của bạn; chọn **Options > Retrieve**. Trong **Attachments**, bạn có thể tải về, mở, lưu hoặc xóa tập tin đính kèm. Bạn cũng có thể gửi các tập tin đính kèm bằng cách sử dụng kết nối Bluetooth.

 **Mẹo!** Nếu hộp thư của bạn sử dụng giao thức IMAP4, bạn có thể quy định bao nhiêu e-mail sẽ được tải về, và có tải về các tập tin đính kèm hay không. Với giao thức POP3, các tùy chọn sẽ gồm **Headers only**, **Partially (kB)**, hoặc **Msgs. & attaches..**

Tự động tải tin nhắn e-mail

Để máy tự động tải tin nhắn về, chọn **Options > E-mail settings > Automatic retrieval > Header retrieval**. Chọn **Always on** hoặc **Only in home net**. và xác định thời điểm và chu kỳ tự động tải tin nhắn về hộp thư. Việc tự động tải tin nhắn e-mail về có thể làm tăng cước phí do việc truyền nhận dữ liệu.

Xóa các tin nhắn e-mail

Để xóa nội dung của tin nhắn e-mail khỏi điện thoại nhưng vẫn còn giữ lại nội dung đó trên hộp thư từ xa, chọn **Options > Delete**. Trong **Delete msg. from:**, chọn **Phone only**.

Điện thoại sẽ sao lại tiêu đề e-mail trong hộp thư từ xa. Mặc dù bạn đã xóa nội dung tin nhắn, tiêu đề e-mail vẫn còn lưu trong điện thoại. Nếu bạn muốn xóa cả tiêu đề, bạn phải xóa tin nhắn e-mail từ hộp thư từ xa, sau đó kết nối điện thoại với hộp thư từ xa lại để cập nhật tình trạng.

 **Mẹo!** Để sao chép một e-mail từ hộp thư từ xa vào một thư mục trong **My folders**, chọn **Options > Copy to folder**, một thư mục trong danh sách và **OK**.

Để xóa e-mail trên điện thoại lẫn trên hộp thư từ xa, chọn **Options > Delete**. Trong **Delete msg. from:**, chọn **Phone and server**.

Nếu bạn chưa kết nối vào mạng, e-mail trong điện thoại sẽ bị xóa trước. Trong lần kết nối kế tiếp vào hộp thư từ xa, e-mail sẽ được xóa tự động khỏi hộp thư từ xa. Nếu bạn đang sử dụng giao thức POP3, tin nhắn được đánh dấu xóa sẽ bị xóa chỉ sau khi bạn đã ngắt kết nối với hộp thư từ xa.

Để hủy thao tác xóa e-mail khỏi điện thoại lần trên server, di chuyển đến e-mail đã bị đánh dấu xóa khi đang ở phiên kết nối kế tiếp (☎), và chọn **Options > Undelete**.

Ngắt kết nối khỏi hộp thư

Khi bạn đang ở trạng thái trực tuyến, chọn **Options > Disconnect** để ngắt kết nối dữ liệu gói với hộp thư từ xa.

💡 **Mẹo!** Bạn có thể vẫn duy trì kết nối với hộp thư và những e-mail mới đến (**Headers only** dưới dạng mặc định) sẽ được tải tự động từ hộp thư từ xa về điện thoại (chỉ trong trường hợp máy chủ hỗ trợ chức năng IMAP IDLE). Để duy trì ứng dụng nhắn tin chạy ẩn, bấm  hai lần. Việc duy trì kết nối có thể làm tăng cước phí cuộc gọi do việc truyền nhận dữ liệu vẫn được tiếp tục.

Xem tin nhắn e-mail khi đang offline

Khi bạn mở **Mailbox** trong lần kế tiếp và bạn muốn xem và đọc tin nhắn e-mail ở trạng thái offline, bạn trả lời **No** cho câu hỏi **Connect to mailbox?** Bạn có thể đọc các phần tiêu đề e-mail, nội dung của những tin nhắn e-mail đã tải về trước đó hoặc cả hai. Bạn cũng có thể soạn e-mail mới, trả lời hoặc chuyển tiếp e-mail sẽ được gửi đi trong lần kết nối hộp thư kế tiếp.



Outbox—các tin nhắn chờ gửi đi

Outbox là vùng lưu trữ tạm thời dành cho các tin nhắn chờ được gửi đi.

Trạng thái các tin nhắn trong **Outbox** gồm:

Sending — Đang kết nối và đang gửi tin nhắn đi.

Waiting/Queued — Tin nhắn sẽ được gửi khi các tin nhắn trước có cùng kiểu đã được gửi.

Resend at (giờ) — Điện thoại sẽ gửi lại tin nhắn sau thời gian nghỉ. Chọn **Send** để bắt đầu gửi lại tin nhắn ngay lập tức.

Deferred — Bạn có thể cài tài liệu sang trạng thái chờ khi chúng đang được lưu trong **Outbox**. Di chuyển đến tin nhắn đang được gửi đi và chọn **Options > Defer sending**.

Failed — Đã đạt số lần tối đa được phép gửi đi. Tin nhắn không gửi được. Nếu bạn đang cố gắng gửi một tin nhắn văn bản, mở tin nhắn này và kiểm tra xem các tùy chọn gửi tin có đúng hay không.

💡 **Ví dụ:** Các tin nhắn sẽ được lưu trong hộp thư đi, ví dụ như trong trường hợp điện thoại bạn đang ở ngoài vùng phủ sóng. Bạn cũng có thể chỉ định thời điểm tin nhắn e-mail sẽ được gửi đi trong lần kết nối kế tiếp với hộp thư từ xa.

Xem tin nhắn trên thẻ SIM

Trước khi bạn có thể xem các tin nhắn trong thẻ SIM, bạn cần phải copy các tin nhắn này vào một thư mục trong điện thoại.

- 1 Trong cửa sổ chính của phần **Messaging**, chọn **Options > SIM messages**.
- 2 Chọn **Options > Mark/Unmark > Mark** hoặc **Mark all** để đánh dấu tin nhắn.
- 3 Chọn **Options > Copy**. Một danh sách các thư mục sẽ được mở ra.
- 4 Chọn một thư mục và chọn **OK** để bắt đầu sao chép. Mở thư mục để xem các tin nhắn.

Message setting-Cài đặt tin nhắn

Tin nhắn văn bản

Chọn **Messaging > Options > Settings > Text message**.

Message centres — Liệt kê tất cả các trung tâm dịch vụ nhắn tin văn bản mà bạn xác định.

Msg. centre in use — Chọn trung tâm nhắn tin nào sẽ được sử dụng để gửi tin nhắn văn bản.

Receive report () — Để yêu cầu mạng gửi báo cáo cho tin nhắn của bạn. Khi cài sang **No**, chỉ tình trạng **Sent** sẽ được hiển thị trong nhật ký. Xem phần "**Log-Nhật ký điện thoại**", ở trang 36.

Message validity — Nếu không kết nối đến được người nhận tin nhắn trong một khoảng thời gian nhất định, tin nhắn sẽ bị xóa khỏi trung tâm nhắn tin. Mạng phải hỗ trợ tính năng này. **Maximum time** là thời gian tối đa mạng cho phép.

Message sent as — Chỉ nên thay đổi tùy chọn này trong trường hợp bạn chắc chắn rằng trung tâm nhắn tin của bạn có thể chuyển đổi tin nhắn văn bản sang các dạng tin khác. Liên hệ với nhà điều hành mạng.

Preferred connection — Bạn có thể gửi các tin nhắn văn bản qua mạng GSM thông thường hoặc dưới dạng dữ liệu gói, nếu mạng hỗ trợ. Xem phần "**Connection-Cài đặt kết nối**", ở trang 116.

Reply via same ctr. () — Chọn **Yes** nếu bạn muốn trả lời tin nhắn sử dụng cùng số trung tâm nhắn tin văn bản.

Thêm trung tâm nhắn tin văn bản mới

- 1 Chọn **Message centres > Options > New msg. centre.**
- 2 Bấm , nhập tên cho trung tâm nhắn tin, và chọn **OK.**
- 3 Bấm  và , và nhập số trung tâm nhắn tin. Nhà cung cấp dịch vụ sẽ cấp cho bạn số này.
- 4 Chọn **OK.**
- 5 Để sử dụng các cài đặt mới, trở về màn hình cài đặt. Di chuyển đến **Msg. centre in use**, và chọn trung tâm nhắn tin mới.

Tin nhắn đa phương tiện

Chọn **Messaging > Options > Settings > Multimedia message.**

Image size — Xác định kích thước hình ảnh trong tin nhắn đa phương tiện. Các tùy chọn gồm **Original** (chỉ hiển thị khi **MMS creation mode** được cài ở trạng thái **Guided** hoặc **Free**), **Small**, và **Large**. Chọn **Original** để làm tăng kích thước của tin nhắn đa phương tiện.

MMS creation mode — Nếu bạn chọn **Guided**, điện thoại sẽ nhắc bạn nếu có tin nhắn được gửi đi nhưng có thể không được thiết bị nhận hỗ trợ. Nếu bạn

chọn **Restricted**, điện thoại sẽ ngăn bạn gửi đi các tin nhắn không được hỗ trợ.

Access point in use (Phải được xác định) — Chọn điểm truy cập nào sẽ được sử dụng làm kết nối ưu tiên cho trung tâm nhắn tin đa phương tiện.

Multimedia retrieval — Chọn cách bạn muốn nhận tin nhắn đa phương tiện. Để tự động nhận tin nhắn đa phương tiện về mạng chủ, chọn **Aut. in home network**. Khi ở bên ngoài mạng chủ, bạn sẽ nhận được thông báo bạn có tin nhắn đa phương tiện mới được lưu trên trung tâm tin nhắn đa phương tiện. Bạn có thể chọn nếu bạn muốn tải tin nhắn về điện thoại.

Khi bạn đang ở ngoài mạng chủ, chi phí cho việc gửi và nhận các tin nhắn đa phương tiện có thể cao hơn.

Nếu bạn chọn **Multimedia retrieval > Always automatic**, điện thoại sẽ tự động tạo kết nối dữ liệu gói để tải tin nhắn về cả khi ở trong và ngoài mạng chủ.

Allow anon. messages — Chọn **No** nếu bạn không muốn nhận các tin nhắn nặc danh.

Receive adverts — Xác định việc bạn muốn nhận hoặc không nhận các tin nhắn quảng cáo đa phương tiện.

Receive report (📧) — Chọn **Yes** nếu bạn muốn hiển thị tình trạng các tin đã gửi trong nhật ký. Bạn sẽ không thể nhận được báo cáo đã gửi tin nhắn đa phương tiện đến một địa chỉ e-mail.

Deny report sending — Chọn **Yes** nếu bạn không muốn điện thoại của bạn gửi báo cáo của các tin nhắn đa phương tiện đã nhận.

Message validity — Nếu không kết nối được với người nhận tin nhắn trong một khoảng thời gian nhất định, tin nhắn sẽ bị xóa khỏi trung tâm nhắn tin đa phương tiện. Mạng phải hỗ trợ tính năng này.

Maximum time là thời gian tối đa mạng cho phép.

💡 **Mẹo!** Bạn cũng có thể nhận các thông số cài đặt đa phương tiện và e-mail từ nhà cung cấp dịch vụ của bạn qua tin nhắn cấu hình. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin. Xem phần "[Dữ liệu và các thông số cài đặt](#)", ở trang 75.

E-mail

Chọn **Messaging > Options > Settings > E-mail**, hoặc trong cửa sổ hộp thư, chọn **Options > E-mail settings**, và chọn các tùy chọn sau:

Mailbox in use — Chọn hộp thư bạn muốn sử dụng để gửi e-mail.

Mailboxes — Sẽ mở danh sách các hộp thư đã được xác nhận. Nếu không có hộp thư nào được xác nhận, bạn sẽ được yêu cầu thực hiện điều này. Chọn một hộp thư để thay đổi các thông số cài đặt sau:

Mailbox settings, **User settings**, và **Automatic retrieval**.

Mailbox settings:

Mailbox name — Đặt tên cho hộp thư.

Access point in use (Phải được xác định) — Chọn điểm truy cập Internet (IAP) cho hộp thư. Xem phần "[Connection-Cài đặt kết nối](#)", ở trang 116.

My e-mail address (Phải được xác định) — Nhập địa chỉ e-mail mà nhà cung cấp dịch vụ cấp cho bạn. Tin trả lời sẽ được gửi đến địa chỉ này.

Outgoing mail server (Phải được xác định) — Nhập địa chỉ IP hoặc tên máy chủ của server gửi e-mail. Bạn có thể chỉ có thể sử dụng server gửi thư của nhà điều hành mạng của bạn. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin.

User name — Nhập tên thuê bao của bạn do nhà cung cấp dịch vụ của bạn cấp.

Password: — Nhập mật khẩu của bạn. Nếu bạn để trường này trống, bạn sẽ được nhắc nhập mật mã khi bạn cố kết nối với hộp thư từ xa.

Incoming mail server (Phải được xác định) — Nhập địa chỉ IP hoặc tên server nhận e-mail của bạn.

Mailbox type: — Xác định giao thức e-mail mà nhà cung cấp dịch vụ hộp thư từ xa khuyến nghị bạn sử dụng. Các tùy chọn là **POP3** và **IMAP4**. Cài đặt này chỉ có thể được chọn một lần và không thể thay đổi nếu bạn đã lưu hoặc đã thoát khỏi cài đặt hộp thư. Nếu bạn sử dụng giao thức POP3, tin nhắn e-mail sẽ không được cập nhật tự động khi điện thoại đang ở chế độ trực tuyến. Để xem các tin nhắn e-mail mới nhất, bạn phải ngắt kết nối và kết nối lại vào hộp thư của bạn.

Security (ports) — Được sử dụng với các giao thức POP3, IMAP4 và SMTP để bảo mật cho kết nối với hộp thư từ xa.

APOP secure login (không hiển thị nếu IMAP4 đã chọn làm **Mailbox type**) — Được sử dụng với giao thức POP3 để mã hóa việc gửi mật mã đến server e-mail từ xa trong khi kết nối vào hộp thư.

User settings:

Send message — Xác định cách gửi e-mail từ điện thoại. Chọn **Immediately** để máy kết nối vào hộp thư khi bạn chọn **Send message**. Nếu bạn chọn **When conn. avail.**, e-mail sẽ được gửi khi đang kết nối với hộp thư từ xa.

E-mails to retrieve (sẽ không hiển thị nếu giao thức e-mail được cài sang POP3) — Xác định số e-mail mới sẽ được tải về hộp thư.

Retrieve (sẽ không hiển thị nếu giao thức e-mail được cài sang IMAP4) — Xác định xem những phần e-mail nào sẽ được tải về: **Headers only**, **Partially (kB)**, hoặc **Msgs. & attaches**.

Retrieve attachments (sẽ không hiển thị nếu giao thức e-mail được cài sang POP3) — Xác định việc tải e-mail có hoặc không có các tập tin đính kèm.

Subscribed folders (sẽ không hiển thị nếu giao thức e-mail được cài sang POP3) — Bạn có thể thuê bao các thư mục khác trong hộp thư từ xa và tải nội dung về từ các thư mục đó.

Send copy to self — Chọn **Yes** để lưu bản sao e-mail vào hộp thư từ xa của bạn và vào địa chỉ được xác định trong phần **My e-mail address**.

Include signature — Chọn **Yes** nếu bạn muốn đính kèm chữ ký vào tin nhắn e-mail của bạn.

My name — Nhập tên của bạn vào đây. Tên của bạn sẽ được hiển thị trên điện thoại của người nhận thay thế cho địa chỉ e-mail của bạn trong trường hợp điện thoại người nhận hỗ trợ chức năng này.

Automatic retrieval:

Header retrieval — Khi chức năng này được kích hoạt, điện thoại sẽ tự động tải tin nhắn về. Bạn có thể xác định thời điểm và chu kỳ tự động tải tin nhắn về từ hộp thư.

Việc kích hoạt **Header retrieval** có thể làm tăng cước phí của bạn do dung lượng dữ liệu sẽ lớn hơn.

Tin nhắn dịch vụ Web

Chọn **Messaging > Options > Settings > Service message**. Cho phép bạn chọn nhận hoặc không nhận tin nhắn dịch vụ. Nếu bạn muốn điện thoại tự động kích hoạt trình duyệt và bắt đầu kết nối mạng để tải nội dung khi điện thoại nhận tin nhắn dịch vụ, chọn **Download messages > Automatically**.

Tin nhắn quảng bá

Kiểm tra lại với nhà cung cấp dịch vụ của bạn về các chủ đề hiện có và mã số chủ đề liên quan, và chọn **Messaging > Options > Settings > Cell broadcast** để thay các thông số cài đặt.

Reception — Chọn nhận hoặc không nhận tin nhắn quảng bá.

Language — **All** cho phép bạn nhận tin nhắn quảng bá dưới dạng tất cả các ngôn ngữ mà điện thoại hỗ trợ. **Selected** cho phép bạn chọn ngôn ngữ thể hiện trong tin nhắn quảng bá mà bạn sẽ nhận. Nếu bạn không thể tìm thấy ngôn ngữ mình cần, chọn **Other**.

Topic detection — Nếu bạn cài **Topic detection > On**, điện thoại sẽ tự động tìm kiếm các mã số chủ đề mới, và lưu các mã số mới không có tên vào danh sách chủ đề. Chọn **Off** nếu bạn không muốn máy tự động lưu các mã số chủ đề mới.

Các cài đặt khác

Chọn **Messaging > Options > Settings > Other**.

Save sent messages — Chọn lưu hoặc không lưu bản sao của từng tin nhắn văn bản, tin nhắn đa phương tiện, hoặc e-mail mà bạn đã gửi vào thư mục **Sent**.

No. of saved msgs. — Xác định số lượng tin nhắn đã gửi sẽ được lưu vào thư mục **Sent** tại từng thời điểm. Giới hạn mặc định là 20 tin nhắn. Khi đã đạt giới hạn đó, tin nhắn cũ nhất sẽ bị xóa.

Memory in use — Chọn loại bộ nhớ để lưu các tin nhắn của bạn: **Phone memory** hoặc **Memory card**.



Mẹo! Nếu **Memory card** được chọn, hãy kích hoạt cấu hình offline trước khi mở nắp khe chứa thẻ nhớ hoặc trước khi tháo thẻ nhớ. Nếu bạn không dùng thẻ nhớ, các tin nhắn sẽ được lưu trong bộ nhớ điện thoại.

New e-mail alerts — Chọn nhận hoặc không nhận các chỉ báo e-mail, như nhạc chuông hoặc chú thích, khi tải e-mail mới về từ hộp thư.

Calendar-Lịch

Phím tắt: Bấm phím bất kỳ (**1 – 0**) trong bất kỳ giao diện lịch nào. Mục Cuộc họp sẽ được mở và các ký tự mà bạn đã nhập vào sẽ thêm vào trường **Subject**.

Mẹo! Hãy lưu dự phòng thông tin điện thoại thường xuyên vào thẻ nhớ. Bạn có thể khôi phục lại thông tin cho điện thoại sau này, chẳng hạn như các mục nhập lịch. Xem phần "**Công cụ thẻ nhớ**", ở trang 19.

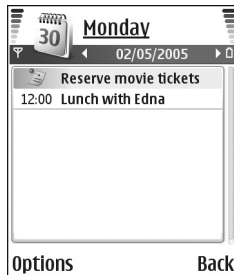


Tạo các mục nhập lịch

1 Bấm **30**, và chọn **Calendar > Options > New entry** và các tùy chọn sau:

Meeting — Để nhắc bạn ngày và giờ cụ thể của cuộc hẹn.

Memo — Để viết một mục chung trong ngày.



Anniversary — Để nhắc bạn các ngày sinh nhật hoặc các ngày đặc biệt. Các mục ngày kỷ niệm sẽ được lặp lại hàng năm.

2 Điền thông tin vào các trường cho sẵn. Sử dụng **30** để di chuyển giữa các trường.

Alarm (dành cho hội họp và ngày kỷ niệm) — Chọn **On**, và bấm **30** để điền vào các trường **Alarm time** và **Alarm date**. **30** trong giao diện ngày có cài báo thức.

Repeat — Bấm **30** để thay đổi ghi chú lịch sẽ được lặp lại (**30** sẽ hiển thị trong giao diện Ngày).

Repeat until — Bạn có thể cài ngày kết thúc cho ghi chú lặp lại.

Synchronisation:

Private — sau khi đồng bộ, chỉ có bạn là người có thể nhìn thấy mục lịch và người khác sẽ không nhìn thấy mục này cho dù họ đang truy cập trực tuyến để xem lịch.

Public — Mục lịch này sẽ hiển thị cho những người đang truy cập trực tuyến vào lịch.

None — Mục lịch sẽ không được copy vào máy PC khi bạn đồng bộ.

3 Để lưu các mục lịch, chọn **Done**.

Để ngừng âm báo lịch, chọn **Silence** để tắt âm báo lịch. Văn bản nhắc nhở vẫn còn ở trên màn hình. Chọn **Stop** để ngừng âm báo. Chọn **Snooze** để cài phát lại âm báo.

 **Mẹo!** Để gửi một ghi chú lịch đến một máy tương thích, chọn **Options** > **Send** > **Via text message**, **Via multimedia**, hoặc **Via Bluetooth**.

 **Mẹo!** Bạn có thể chuyển dữ liệu lịch và công việc từ nhiều điện thoại Nokia khác nhau vào điện thoại của bạn hoặc đồng bộ hóa lịch và ghi chú việc với máy PC bằng Nokia PC Suite. Xem trong đĩa CD - được cung cấp cùng với điện thoại.

Cài đặt âm báo lịch

Bạn có thể cài một âm báo nhắc nhở bạn về cuộc họp và ngày kỷ niệm.

1 Mở một mục mà bạn muốn cài âm báo và chọn **Alarm** > **On**.

2 Cài **Alarm time** và **Alarm date**.

3 Di chuyển đến chức năng **Repeat**, và bấm  để chọn chu kỳ lặp lại âm báo.

4 Chọn **Done**.

Để xóa một âm báo lịch, mở mục bạn muốn xóa âm báo và chọn **Alarm** > **Off**.

Xem lịch

 **Mẹo!** Chọn **Options** > **Settings** để thay đổi ngày đầu tuần để hiển thị nó khi bạn mở lịch.

Trong giao diện tháng, những ngày có ghi chú lịch sẽ được đánh dấu bằng một hình tam giác nhỏ ở góc phải bên dưới. Trong giao diện tuần, các memo và ngày kỷ niệm được đặt trước 8 giờ. Nhấn * để chuyển xem giữa tháng, tuần, và ngày.

Các biểu tượng trong giao diện ngày và tuần:

 **Memo**

 **Anniversary**

Sẽ không có biểu tượng nào dành cho mức **Meeting**.

Để vào một ngày cụ thể, chọn **Options** > **Go to date**, nhập ngày đó vào và chọn **OK**.

Bấm # để vào trực tiếp ngày đó.

Xóa các mục lịch

Việc xóa các mục cũ trong **Calendar** sẽ tiết kiệm dung lượng bộ nhớ của điện thoại.

Để xóa nhiều sự kiện cùng lúc, vào giao diện tháng và chọn **Options > Delete entry** và một trong các tùy chọn sau:

Before date — Để xóa tất cả các ghi chú lịch được đặt trước ngày cụ thể.

All entries — Để xóa tất cả các ghi chú lịch.

Cài đặt lịch

Để chỉnh sửa **Calendar alarm tone**, **Default view**, **Week starts on**, và **Week view title**, chọn **Options > Settings**.



Web

Nhiều nhà cung cấp dịch vụ thường có các trang web được đặc biệt thiết kế để dùng trên các thiết bị di động. Để truy cập những trang web này, bấm  và chọn **Web**. Những trang Web này sử dụng ngôn ngữ đánh dấu không dây (WML), ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản mở rộng (XHTML), hoặc ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản (HTML).

Kiểm tra tính khả dụng, giá cả và thuế của các dịch vụ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Nhà cung cấp dịch vụ cũng sẽ hướng dẫn bạn cách sử dụng các dịch vụ này.

 **Phím tắt:** Để bắt đầu kết nối, bấm và giữ **0** khi ở chế độ chờ.

Truy cập Web

- Lưu các cài đặt cần thiết để truy cập trang Web bạn muốn sử dụng. Xem phần "[Nhận các thông số cài đặt trình duyệt](#)", ở trang 89 hoặc "[Nhập cài đặt theo cách thủ công](#)", ở trang 89.
- Kết nối vào trang Web. Xem phần "[Tạo kết nối](#)", ở trang 91.
- Bắt đầu duyệt trang web. Xem phần "[Trình duyệt](#)", ở trang 91.

- Kết thúc một kết nối Web. Xem phần "[Ngưng kết nối](#)", ở trang 93.

Nhận các thông số cài đặt trình duyệt

 **Mẹo!** Các cài đặt có thể được đăng tải sẵn trên trang Web của nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Bạn có thể nhận các thông số về dịch vụ Web dưới dạng một tin nhắn dạng văn bản đặc biệt từ nhà điều hành mạng hoặc từ nhà cung cấp dịch vụ cung cấp trang Web. Xem phần "[Dữ liệu và các thông số cài đặt](#)", ở trang 75. Để biết thêm thông tin, liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Nhập cài đặt theo cách thủ công

Thực hiện theo các hướng dẫn được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp.

- 1 Chọn **Tools** > **Settings** > **Connection** > **Access points**, và xác định cài đặt cho điểm truy cập. Xem phần "[Connection-Cài đặt kết nối](#)", ở trang 116.

- 2 Chọn **Web > Options > Bookmark manager > Add bookmark**. Đặt một tên cho chỉ mục và địa chỉ của trang trình duyệt xác định điểm truy cập hiện tại.
- 3 Để cài điểm truy cập đã tạo làm điểm truy cập mặc định trong **Web**, chọn **Web > Options > Settings > Default access point**.

Giao diện chỉ mục

 **Chú giải:** Một chỉ mục bao gồm một địa chỉ Internet (bắt buộc), tiêu đề của chỉ mục, điểm truy cập và tên người dùng kèm mật khẩu, nếu trang Web yêu cầu.

 Các tùy chọn trong giao diện chỉ mục là **Open/Download, Bookmark manager, Mark/Unmark, Navigation options, Tools, Advanced options, Send, Find bookmark, Details, Settings, Help**, và **Exit**.

Điện thoại của bạn có một số chỉ mục dẫn đến một số trang không liên kết với Nokia. Nokia sẽ không chứng nhận hoặc chấp thuận các trang này. Nếu muốn truy cập các trang này, bạn nên đề phòng về sự an toàn hoặc nội dung của chúng như ở bất kỳ trang Internet nào.

Các biểu tượng trong giao diện chỉ mục:

 Trang bắt đầu được xác định cho điểm truy cập mặc định. Nếu bạn sử dụng điểm truy cập mặc định khác để trình duyệt, trang bắt đầu sẽ thay đổi tương ứng.

 Thư mục chỉ mục tự động chứa các chỉ mục (📧) được thu thập tự động khi bạn trình duyệt các trang. Các chỉ mục trong thư mục này được sắp xếp theo tên miền.

 Bất kỳ chỉ mục nào cũng hiển thị tiêu đề hoặc địa chỉ Internet của chỉ mục đó.

Thêm chỉ mục theo cách thủ công

- 1 Trong giao diện chỉ mục, chọn **Options > Bookmark manager > Add bookmark**.
- 2 Điền thông tin vào các trường dữ liệu. Chỉ địa chỉ URL được xác nhận. Điểm truy cập mặc định sẽ được gán cho chỉ mục nếu không có giá trị nào khác được chọn. Bấm * để nhập các giá trị đặc biệt như /, ., :, và @. Bấm  để xóa các ký tự.
- 3 Chọn **Options > Save** để lưu chỉ mục.

Gửi chỉ mục

Di chuyển đến một chỉ mục và chọn **Options > Send > Via text message**. Bấm  để gửi. Bạn có thể gửi nhiều chỉ mục cùng lúc.

Tạo kết nối

Khi bạn đã lưu tất cả các cài đặt kết nối cần thiết, bạn có thể truy cập các trang trình duyệt.

- 1 Chọn một chỉ mục hoặc địa chỉ vào trường (🌐). Khi bạn nhập địa chỉ, chỉ mục khớp với địa chỉ này sẽ hiển thị phía trên trường. Bấm  để chọn một chỉ mục tương ứng.
- 2 Bấm  để bắt đầu tải trang web về.

Kết nối an toàn

Nếu chỉ báo bảo vệ  hiển thị trong quá trình kết nối, việc truyền dữ liệu giữa thiết bị và cổng Internet hoặc máy chủ được mã hóa.

Biểu tượng an toàn không chỉ báo việc truyền dữ liệu giữa cổng và server nguồn (hoặc nơi lưu nội dung nguồn yêu cầu) được bảo vệ. Nhà cung cấp dịch vụ bảo vệ việc truyền dữ liệu giữa cổng và server nguồn.

Chọn **Options > Details > Security** để xem các thông tin chi tiết về tình trạng kết nối, trạng thái mã hóa, thông tin về máy chủ và việc xác nhận dành cho người sử dụng.

Những tính năng bảo vệ có thể được yêu cầu cho một số dịch vụ, ví dụ như các dịch vụ ngân hàng. Đối với những kết nối như vậy, bạn sẽ cần đến các

chứng chỉ bảo vệ. Để biết thêm thông tin, xin liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của bạn. Xem thêm phần "**Quản lý chứng chỉ**", ở trang 121.

Trình duyệt

 **Chú ý:** Chỉ nên sử dụng các dịch vụ mà bạn tin cậy và cung cấp các tính năng an toàn và bảo mật đủ để ngăn chặn các phần mềm có hại.

 Các tùy chọn khi trình duyệt (tùy thuộc vào trang mà bạn đang xem) là **Open, Accept, Remove file, Open in viewer, Service options, Bookmarks, Save as bookmark, Navigation options, Tools, Advanced options, Show images, Send bookmark, Find, Details, Settings, Help**, và **Exit**.

Tên một trang trình duyệt, các liên kết mới sẽ xuất hiện với đường gạch dưới màu xanh và các trang đã liên kết có màu tím. Những hình chứa trang liên kết có đường viền màu xanh xung quanh.

Để vào một liên kết, đánh dấu ô lựa chọn, và để lựa chọn, bấm .

 **Phím tắt:** Sử dụng **#** để chuyển nhanh xuống cuối trang và ***** để chuyển nhanh về đầu trang.

Để trở về trang trước trong khi trình duyệt, chọn **Back**. Nếu tùy chọn **Back** không có, chọn **Options** > **Navigation options** > **History** để xem danh sách các trang mà bạn đã vào trong phiên trình duyệt theo thứ tự thời gian. Danh sách các trang đã xem sẽ bị xóa sau mỗi lần kết thúc phiên trình duyệt.

Để tải về nội dung mới nhất từ server, chọn **Options** > **Navigation options** > **Reload**.

Để lưu một chỉ mục, chọn **Options** > **Save as bookmark**.

 **Mẹo!** Để truy cập vào giao diện chỉ mục trong khi đang trình duyệt, bấm và giữ . Để trở về cửa sổ trình duyệt lần nữa, chọn **Options** > **Back to page**.

Để lưu lại một trang trong khi trình duyệt, chọn **Options** > **Advanced options** > **Save page**. Bạn có thể lưu các trang vào bộ nhớ của máy hoặc vào thẻ nhớ, và duyệt lại chúng khi không kết nối mạng. Để truy cập các trang này sau, bấm  trong giao diện chỉ mục để mở giao diện **Saved pages**.

Để nhập vào một địa chỉ URL mới, chọn **Options** > **Navigation options** > **Go to web address**.

Để mở danh sách phụ chứa các lệnh hoặc tác vụ trên trang trình duyệt đang mở, chọn **Options** > **Service options**.

Bạn có thể tải về các tập tin không được hiển thị trên trang trình duyệt, ví dụ như kiểu chuông, hình ảnh, logo mạng, chủ đề và video clip. Các mục tải về sẽ được xử lý bởi các ứng dụng tương ứng trong điện thoại của bạn, ví dụ hình ảnh tải về sẽ được lưu vào **Gallery**.

Các mục tải về sẽ được xử lý bởi các ứng dụng tương ứng trong điện thoại của bạn, ví dụ hình ảnh tải về sẽ được lưu vào **Gallery**.

Việc bảo vệ bản quyền có thể sẽ không cho phép sao chép, chỉnh sửa hay chuyển tiếp một số hình ảnh, nhạc (bao gồm kiểu chuông) hay nội dung khác.

 **Chú ý:** Chỉ cài đặt và sử dụng các ứng dụng và phần mềm khác từ các nguồn đảm bảo tính bảo mật và bảo vệ chống lại phần mềm có hại.

 **Mẹo!** Trình duyệt của bạn sẽ tự động thu thập các chỉ mục trong khi bạn đang duyệt các trang Web. Các chỉ mục sẽ được lưu vào trong thư mục chỉ mục tự động () và được tự động sắp xếp theo tên miền. Xem thêm phần "**Cài đặt web**", ở trang 94.

Xem các trang đã lưu

Nếu bạn thường trình duyệt các trang có chứa thông tin không thay đổi, bạn có thể lưu lại để xem không cần kết nối. Trong giao diện các trang đã lưu, bạn cũng có thể tạo các thư mục để lưu lại các trang mà bạn đã trình duyệt.

 Các tùy chọn trong cửa sổ các trang đã lưu là **Open**, **Back to page**, **Reload**, **Saved pages**, **Mark/Unmark**, **Navigation options**, **Advanced options**, **Details**, **Settings**, **Help**, và **Exit**.

Để mở giao diện các trang đã lưu, bấm  trong giao diện chỉ mục. Trong giao diện Các trang đã lưu, bấm  để mở một trang đã lưu ().

Để lưu lại một trang trong khi trình duyệt, chọn **Options** > **Advanced options** > **Save page**.

Để khởi động kết nối với dịch vụ trình duyệt và để tải về phiên bản mới nhất của trang, chọn **Options** > **Reload**. Điện thoại sẽ ở trạng thái trực tuyến sau khi bạn tải lại trang đó.

Tải xuống và mua các mục

Bạn có thể tải xuống các mục như nhạc chuông, hình ảnh, logo mạng, chủ đề, và các đoạn video clip. Các mục này có thể được cung cấp miễn phí hoặc

bạn có thể mua chúng. Các mục tải về sẽ được xử lý bởi các ứng dụng tương ứng trong điện thoại của bạn, ví dụ hình ảnh tải về sẽ được lưu vào **Gallery**.



Chú ý: Chỉ cài đặt và sử dụng các ứng dụng và phần mềm khác từ các nguồn đảm bảo tính bảo mật và bảo vệ chống lại phần mềm có hại.

- 1 Để tải xuống, di chuyển đến liên kết tương ứng và bấm .
- 2 Chọn tùy chọn thích hợp để mua mục đó, ví dụ "Mua".
- 3 Đọc cẩn thận tất cả thông tin được cung cấp. Để tiếp tục việc tải xuống, chọn **Accept**. Để hủy việc tải xuống, chọn **Cancel**.

Việc bảo vệ bản quyền có thể sẽ không cho phép sao chép, chỉnh sửa hay chuyển tiếp một số hình ảnh, nhạc (bao gồm kiểu chuông) hay nội dung khác.

Ngưng kết nối

Chọn **Options** > **Advanced options** > **Disconnect** để ngưng kết nối và xem trang trình duyệt offline, hoặc **Options** > **Exit** để ngưng kết nối và đóng trình duyệt.

Dọn cache

Thông tin hoặc dịch vụ bạn vừa truy cập được lưu trong bộ nhớ cache của điện thoại.

Cache là một vị trí bộ nhớ được dùng để lưu dữ liệu tạm thời. Nếu bạn thủ truy cập hoặc đã truy cập các thông tin bảo mật cần đến mật mã, làm trống bộ nhớ cache sau mỗi lần sử dụng. Thông tin hoặc dịch vụ mà bạn đã truy cập sẽ được lưu trong bộ nhớ cache. Để xóa bộ nhớ cache, chọn **Options** > **Advanced options** > **Clear cache**.

Cài đặt web

Chọn **Options** > **Settings** và chọn một trong các tùy chọn sau:

Default access point — Để thay đổi điểm truy cập mặc định, bấm  để mở danh sách các điểm truy cập hiện có. Xem phần "[Connection-Cài đặt kết nối](#)", ở trang 116.

Show images — Để chọn xem bạn có muốn tải hoặc không tải hình ảnh về trong khi đang duyệt. Nếu bạn chọn **No**, để truy nhập vào các hình ảnh đó sau, chọn **Options** > **Show images**.

Font size — Để chọn kích cỡ chữ.

Default encoding — Nếu các ký tự văn bản không hiển thị đúng, bạn có thể chọn cách mã hóa khác tùy theo ngôn ngữ.

Automatic bookmarks — Để tắt chức năng thu thập chỉ mục tự động, chọn **Off**. Nếu bạn muốn tiếp tục thu thập các chỉ mục tự động nhưng ẩn giấu thư mục khỏi giao diện chỉ mục, chọn **Hide folder**.

Screen size — Để chọn nội dung hiển thị khi bạn đang trình duyệt. Chọn **Select. keys only**, hoặc **Full screen**.

Homepage — Để xác định trang chủ.

Search page — Để xác nhận một trang Web sẽ được tải về khi bạn chọn **Navigation options** > **Open search page** trong giao diện chỉ mục hoặc khi đang trình duyệt.

Volume — Nếu bạn muốn trình duyệt để phát các âm thanh được nhúng trong các trang web, hãy chọn một mức âm lượng.

Rendering — Nếu bạn muốn hiển thị trang thật chính xác khi ở chế độ **Small screen**, chọn **By quality**. Nếu bạn không muốn tải về các bảng chứa thuộc tính trình bày xếp tầng mở rộng, chọn **By speed**.

Cookies — Để cho phép hoặc không cho phép nhận và gửi các cookie.

 **Chú giải:** Cookies là một phương tiện của các nhà cung cấp nội dung để nhận diện người dùng và những sở thích của họ đối với những nội dung thường dùng.

Java/ECMA script — Cho phép hoặc không cho phép sử dụng các đoạn mã script.

Security warnings — Để ẩn hoặc hiện các chỉ báo bảo mật.

Serial no. sending — Để bật hoặc tắt chế độ gửi số sê-ri. Một số nhà cung cấp dịch vụ có thể yêu cầu bạn bật chức năng này trước khi trình duyệt Web.

Conf. DTMF sending — Chọn xem bạn có muốn xác nhận trước khi điện thoại gửi âm DTMF trong khi cuộc gọi thoại đang diễn ra hay không. Xem thêm phần "[Các tùy chọn trong khi gọi](#)", ở trang 35.

Office



Caculator-Máy tính

Để cộng, trừ, nhân, chia, tính căn bậc hai và tỷ lệ phần trăm, bấm và chọn **Office > Calculator**.



Lưu ý: Máy tính có độ chính xác giới hạn và được thiết kế để thực hiện các phép tính đơn giản.

Để lưu số điện thoại vào trong bộ nhớ (được chỉ báo bằng ký tự **M**), chọn **Options > Memory > Save**. Để truy cập một số điện thoại trong bộ nhớ, chọn **Options > Memory > Recall**. Để xóa một số điện thoại trong bộ nhớ, chọn **Options > Memory > Clear**.

Tính phần trăm

- 1 Nhập vào một con số cần tính phần trăm.
- 2 Chọn , , , hoặc .
- 3 Nhập phần trăm.
- 4 Chọn .



Converter-Bộ chuyển đổi

Để chuyển đổi các số đo, ví dụ như **Length** từ đơn vị này (**Yards**) sang đơn vị khác (**Metres**), bấm và chọn **Office > Converter**.



Các tùy chọn trong phần **Converter** là **Select unit/Change currency**, **Conversion type**, **Currency rates**, **Help**, và **Exit**.

Lưu ý rằng **Converter** có độ chính xác giới hạn và các lỗi làm tròn có thể xảy ra.

- 1 Di chuyển đến trường **Type** và bấm để mở danh sách các số đo. Di chuyển đến số đo bạn muốn sử dụng và chọn **OK**.
- 2 Di chuyển đến trường **Unit** đầu tiên và bấm . Chọn đơn vị cần chuyển đổi và chọn **OK**. Di chuyển đến trường **Unit** kế tiếp, và chọn đơn vị bạn muốn đổi ra.
- 3 Di chuyển đến trường **Amount** đầu tiên và nhập giá trị bạn muốn chuyển đổi. Các trường **Amount** khác sẽ tự động thay đổi để hiển thị giá trị chuyển đổi.

Bấm **#** để thêm dấu thập phân và bấm ***** cho các biểu tượng **+**, **-** (dành cho nhiệt độ), và **E** (số mũ).

 **Mẹo!** Để thay đổi thứ tự chuyển đổi, nhập giá trị vào trường **Amount** thứ hai. Kết quả sẽ được hiển thị trong trường **Amount** thứ nhất.

Xác định loại tiền tệ gốc và tỉ giá chuyển đổi

Trước khi thực hiện chuyển đổi tiền tệ, bạn cần chọn một loại tiền tệ cơ sở và thêm các tỉ giá chuyển đổi. Tỉ giá tiền tệ luôn là 1. Đồng tiền gốc xác định tỉ giá chuyển đổi của đồng tiền khác.

- 1 Chọn **Converter** > **Options** > **Currency rates**.
Danh sách các loại tiền tệ sẽ mở ra và bạn có thể thấy loại tiền tệ gốc hiện thời ở đầu danh sách.
 **Mẹo!** Để đổi tên một loại tiền tệ, vào giao diện tỉ giá chuyển đổi, di chuyển đến loại tiền tệ và chọn **Options** > **Rename currency**.
- 2 Để thay đổi đồng tiền gốc, di chuyển đến loại tiền tệ và chọn **Options** > **Set as base curr..**
- 3 Nhập tỉ giá chuyển đổi. Di chuyển đến tiền tệ và nhập tỉ giá mới vào, điều đó có nghĩa là có bao nhiêu đơn vị tiền tệ sẽ bằng một đơn vị của đồng tiền gốc mà bạn đã chọn.

Sau khi bạn đã nhập tất cả các tỉ giá cần thiết, bạn có thể thực hiện việc chuyển đổi.



Lưu ý: Khi bạn thay đổi tiền tệ, bạn phải nhập tỉ giá mới vào vì tất cả các tỉ giá trước đó đã được chuyển về 0.



To-do

Lập danh sách công việc

Bấm  và chọn **Office** > **To-do** để soạn ghi chú và lưu danh sách công việc.

Để thêm một ghi chú, bấm phím bất kỳ để nhập công việc vào trường **Subject**.

Để cài ngày sẽ làm việc đó, di chuyển đến trường **Due date** và nhập một ngày vào.

Để cài mức độ ưu tiên cho ghi chú **To-do**, di chuyển đến trường **Priority**, và bấm  để chọn mức độ ưu tiên. Các biểu tượng ưu tiên là  (**High**) và  (**Low**). Sẽ không có biểu tượng nào dành cho mức **Normal**.

Để đánh dấu một công việc đã hoàn tất, di chuyển đến công việc đó trong danh sách **To-do** và chọn **Options** > **Mark as done**.

Để khôi phục lại một công việc, di chuyển đến công việc đó trong danh sách **To-do** và chọn **Options > Mark as not done**.



Notes-Ghi chú

Bấm  và chọn **Office > Notes** để soạn ghi chú. Bạn có thể gửi nội dung ghi chú đến các thiết bị tương thích khác và lưu các tập văn bản đơn giản (dạng .txt) mà bạn nhận được vào **Notes**.



Recorder-Máy ghi âm

Bấm  và chọn **Office > Recorder** để ghi âm lại các cuộc điện đàm và memo thoại. Nếu bạn đang ghi âm lại cuộc trò chuyện, người đối thoại sẽ nghe một tiếng bíp mỗi 5 giây trong quá trình ghi âm.

My own



Go to—thêm phím tắt

Phím tắt mặc định:



Mở **Calendar**



Mở **Inbox**



Mở **Notes**

Để lưu các phím tắt (các liên kết đến hình ảnh, ghi chú, chỉ mục, v.v... mà bạn ưa thích), bấm , và chọn **My own > Go to**. Các phím tắt chỉ được gán cho các ứng dụng riêng lẻ, ví dụ như **Gallery**. Không phải tất cả các ứng dụng đều có chức năng này.

- 1 Chọn một mục trong ứng dụng mà bạn muốn tạo phím tắt.
- 2 Chọn **Add to 'Go to'**. Phím tắt trong **Go to** sẽ được tự động cập nhật nếu bạn di chuyển ứng dụng đang gán phím (ví dụ như từ thư mục này sang thư mục khác). Để thay đổi tên nhận dạng nằm ở góc trái bên dưới của biểu tượng phím tắt, chọn **Options > Shortcut icon**.

Xóa phím tắt

Chọn phím tắt và bấm . Bạn không thể xóa các phím tắt mặc định **Notes**, **Calendar**, và **Inbox**.

Khi bạn xóa ứng dụng hoặc tài liệu có sử dụng phím tắt trong **Go to**, biểu tượng phím tắt của mục bị xóa đó sẽ mờ đi trong màn hình **Go to**. Phím tắt sẽ bị xóa trong lần truy cập kế tiếp bạn vào **Go to**.



IM—Tin nhắn trò chuyện (trò chuyện)

Bấm  và chọn **My own > IM**.

Chức năng Tin nhắn trò chuyện cho phép bạn trò chuyện với người sử dụng tin nhắn trò chuyện và tham gia vào diễn đàn (các nhóm IM) với các chủ đề khác nhau. Các nhà cung cấp dịch vụ khác nhau vận hành các máy chủ IM mà bạn có thể đăng nhập vào khi đã đăng ký dịch vụ IM.



Các tùy chọn trong giao diện **IM** là **Open**, **Login/ Logout**, **Settings**, **Help**, và **Exit**.

Chọn **Conversations** để khởi động hoặc tiếp tục cuộc trò chuyện với người sử dụng IM; **IM contacts** để tạo, chỉnh sửa hoặc xem trạng thái trực tuyến của các số liên lạc IM; **IM groups** để khởi động hoặc tiếp tục cuộc trò chuyện nhóm với những người sử dụng IM **Recorded chats** để xem phiên trò chuyện trước đó mà bạn đã lưu lại.



Lưu ý: Kiểm tra tính khả dụng, giá cả và thuế của các dịch vụ trò chuyện với nhà điều hành mạng và/hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Nhà cung cấp dịch vụ cũng sẽ hướng dẫn bạn cách sử dụng các dịch vụ này.

Nhận thông số cài đặt IM

Bạn phải lưu các thông số cài đặt để truy cập dịch vụ mà bạn muốn sử dụng. Bạn có thể nhận các thông số về dịch vụ Web dưới dạng một tin nhắn dạng văn bản đặc biệt từ nhà điều hành mạng hoặc từ nhà cung cấp dịch vụ cung cấp dịch vụ IM. Xem phần **"Dữ liệu và các thông số cài đặt"**, ở trang 75. Bạn cũng có thể nhập các thông số cài đặt theo cách thủ công. Xem phần **"Cài đặt server trò chuyện"**, ở trang 105.

Kết nối với server IM

 **Mẹo:** Để tự động đăng nhập khi bạn kích hoạt IM, chọn **Options > Settings > Server settings > IM login type > On app. start-up**.

- 1 Mở **IM** để điện thoại của bạn kết nối với máy chủ IM hiện đang sử dụng. Để thay đổi server IM đang sử dụng và lưu server IM mới, xem phần **"Cài đặt server trò chuyện"**, ở trang 105.
- 2 Nhập tên thuê bao và mật mã của bạn vào và bấm  để đăng nhập vào. Tên thuê bao và mật khẩu truy cập máy chủ IM của bạn do nhà cung cấp dịch vụ cấp.
Bạn có thể chọn **Cancel** để chuyển sang trạng thái offline; để đăng nhập vào server IM sau, chọn **Options > Login**. Bạn không thể gửi hoặc nhận tin nhắn khi đang offline.
- 3 Để thoát ra, chọn **Options > Logout**.

Chỉnh sửa cài đặt IM

Chọn **Options > Settings > IM Settings**.

Use screen name (chỉ hiển thị nếu server hỗ trợ các nhóm IM) — Để nhập một bí danh, chọn **Yes**.

IM presence — Cho phép những người khác biết bạn có trực tuyến hay không, chọn **Active for all**.

Allow messages from — Để cho phép các tin nhắn từ tất cả, chọn **All**.

Allow invitations from — Để chỉ cho phép nhận các lời mời từ các số liên lạc trong danh bạ IM, chọn **IM contacts only**. Các lời mời IM sẽ được gửi bởi các số liên lạc IM, những người muốn bạn tham gia vào các nhóm của họ, đến bạn.

Msg. scrolling speed — Để chọn tốc độ hiển thị các tin nhắn mới.

Sort IM contacts — Để phân loại các số liên lạc IM theo **Alphabetically** hoặc **By online status**.

Availability reloading — Để chọn cách cập nhật thông tin về các số liên lạc IM của bạn khi trực tuyến hoặc không trực tuyến, chọn **Automatic** hoặc **Manual**.

Tìm kiếm nhóm và người dùng IM

Để tìm các nhóm, trong giao diện **IM groups**, chọn **Options > Search**. Bạn có thể tìm theo **Group name**, **Topic**, và **Members** (tên thuê bao).

Để tìm người sử dụng, trong giao diện **IM contacts**, chọn **Options > New IM contact > Search from server**. Bạn có thể tìm theo **User's name**, **User ID**, **Phone number**, và **E-mail address**.

Tham gia và rời khỏi một nhóm IM

Để tham gia một nhóm IM mà bạn đã lưu, di chuyển đến nhóm đó và bấm .

Để tham gia vào nhóm IM không có trong danh sách nhưng bạn biết mã ID của nhóm này, chọn **Options > Join new group**. Nhập mã ID của nhóm vào và bấm .

Để rời khỏi nhóm IM, chọn **Options > Leave IM group**.

Trò chuyện

Khi bạn đã tham gia một nhóm IM, bạn có thể xem các tin nhắn được trao đổi trong nhóm và gửi các tin nhắn của riêng bạn.

 Các tùy chọn trong khi trò chuyện gồm **Send**, **Send private msg.**, **Reply**, **Forward**, **Insert smiley**, **Send invitation**, **Leave IM group**, **Group**, **Record convers./Stop recording**, **Help**, và **Exit**.

Để gửi một tin nhắn, soạn tin nhắn đó trong trường soạn thảo tin nhắn và bấm .

Để gửi tin nhắn riêng đến một thành viên nhóm, chọn **Options > Send private msg.**, chọn người nhận, soạn tin nhắn và bấm .

Để trả lời tin nhắn riêng được gửi đến cho bạn, chọn tin nhắn và chọn **Options > Reply**.

Để mời các số liên lạc IM trực tuyến cùng tham gia vào nhóm IM, chọn **Options > Send invitation**, chọn các số liên lạc bạn muốn mời, soạn lời mời và bấm .

Để ngăn không nhận các tin nhắn từ một số thành viên nào đó, chọn **Options > Blocking options** và chọn một theo các bước sau:

Add to blocked list — Để khóa tin nhắn từ thành viên được chọn hiện tại.

Add ID to list manually — Để nhập Số thuê bao của người tham gia. Nhập ID vào và bấm .

View blocked list — Để xem những người tham gia hiện có tin nhắn đang bị chặn.

Unblock — Để chọn người dùng bạn muốn xóa khỏi danh sách bị chặn. Bấm .

Ghi âm cuộc trò chuyện

 Các tùy chọn trong giao diện các cuộc trò chuyện được ghi âm là **Open, Delete, Send, Mark/Unmark, Login/Logout, Settings, Help**, và **Exit**.

Để ghi âm thành một tập tin các tin nhắn được trao đổi trong cuộc trò chuyện hoặc trong khi bạn tham gia một nhóm IM, chọn **Options > Record convers.,**

nhập tên cho tập tin trò chuyện và bấm . Để ngừng ghi âm, chọn **Options > Stop recording**.

Các tập tin trò chuyện đã ghi âm sẽ được tự động lưu vào **Recorded chats**.

Để xem các cuộc trò chuyện được ghi âm, trong giao diện chính, chọn **Recorded chats**, chọn cuộc trò chuyện và bấm .

Xem và bắt đầu cuộc trò chuyện

Vào giao diện **Conversations** để thấy một danh sách những người tham gia mà bạn đang trò chuyện với họ.

Để bắt đầu cuộc trò chuyện, di chuyển đến một nhóm, và bấm .

 Các tùy chọn trong khi xem một cuộc trò chuyện là **Send, Add to IM contacts, Insert smiley, Forward, Record convers./Stop recording, Blocking options, End conversation, Help**, và **Exit**.

Để tiếp tục cuộc trò chuyện, viết tin nhắn của bạn và bấm .

Để trở về danh sách cuộc trò chuyện mà không đóng cuộc trò chuyện hiện tại, chọn **Back**.

Để đóng cuộc trò chuyện, chọn **Options > End conversation**. Cuộc trò chuyện hiện thời sẽ tự đóng lại khi bạn thoát khỏi **IM**.

Để bắt đầu một cuộc trò chuyện mới, chọn **Options > New conversation**:

Select recipient — Để xem danh sách các số liên lạc trò chuyện đã lưu hiện đang trực tuyến. Di chuyển đến số liên lạc bạn muốn trò chuyện và bấm .

 **Chú giải:** Mã thuê bao được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp cho những người đăng ký dịch vụ này.

Enter user ID — Để nhập tên thuê bao của người bạn muốn trò chuyện và bấm .

Để lưu một thành viên chuyện trò vào danh bạ IM, di chuyển đến thành viên đó và chọn **Options > Add to IM contacts**.

Để tự gửi tin trả lời cho tin nhắn gửi đến, chọn **Options > Set auto reply on**. Nhập văn bản vào, và chọn **Done**. Bạn vẫn có thể nhận các tin nhắn.

Số liên lạc IM

Vào **IM contacts** để lấy lại các số liên lạc trò chuyện từ server hoặc để thêm một số liên lạc trò chuyện mới vào danh sách liên lạc. Khi bạn đăng nhập vào

máy chủ, danh sách trò chuyện đã sử dụng trước đó đã được tự động lấy lại từ máy chủ.

 Các tùy chọn trong giao diện **IM contacts** gồm **Open conversation**, **Contact details**, **Change contact list**, **Reload user availab.**, **Belongs to groups**, **New IM contact**, **Move to other list**, **Edit**, **Delete**, **Switch tracking on**, **Blocking options**, **Login/Logout**, **Settings**, **Help**, và **Exit**.

Để tạo một số liên lạc mới, chọn **Options > New IM contact > Enter manually**. Điền vào các trường **Nickname** và **User ID** và chọn **Done**.

Để chuyển một số liên lạc từ một danh sách trên server đến danh sách đã nhận, chọn **Options > New IM contact > Move from other list**.

Để thay đổi danh sách số liên lạc trò chuyện, chọn **Options > Change contact list**.

Chọn một trong số các tùy chọn sau:

Open conversation — Để bắt đầu một cuộc trò chuyện mới hoặc tiếp tục cuộc trò chuyện hiện tại với số liên lạc này.

Switch tracking on — Để điện thoại thông báo mỗi khi số liên lạc trò chuyện trực tuyến hoặc không trực tuyến.

Belongs to groups — Để xem số liên lạc trò chuyện tham gia vào nhóm nào.

Reload user availability — Để cập nhật thông tin về các số liên lạc nào hiện đang trực tuyến hoặc không trực tuyến. Tình trạng trực tuyến được hiển thị bằng một chỉ báo kế bên tên liên lạc. Tùy chọn này chỉ có khi bạn đã cài **Availability reloading** sang **Automatic** trong **IM settings**.

Quản lý các nhóm IM

► Các tùy chọn trong giao diện **IM groups** là **Open**, **Join new group**, **Create new group**, **Leave IM group**, **Group**, **Search**, **Login/Logout**, **Settings**, **Help**, và **Exit**.

Vào giao diện **IM groups** để xem danh sách các nhóm IM mà bạn đã lưu hay đang tham gia vào.

Di chuyển đến một nhóm, chọn **Options** > **Group** và một trong các tùy chọn sau:

Save — Để lưu một nhóm chưa lưu mà bạn đang tham gia vào.

Delete — Để xóa nhóm đã lưu hoặc nhóm đã tạo mà hiện bạn không tham gia vào.

View participants — Để xem thành viên nào hiện đang tham gia vào nhóm.

Details — Để xem mã ID nhóm, chủ đề, thành viên tham gia, người quản lý nhóm (chỉ hiển thị nếu bạn có quyền chỉnh sửa), danh sách các thành viên bị

khóa (chỉ hiển thị nếu bạn có quyền chỉnh sửa) và các cuộc trò chuyện riêng có được phép trong nhóm không.

Settings — Để xem và chỉnh sửa cài đặt nhóm trò chuyện. Xem phần "**Tạo nhóm trò chuyện mới**", ở trang 104.

Quản lý một nhóm IM

Tạo nhóm trò chuyện mới

Chọn **IM groups** > **Options** > **Create new group**. Nhập cài đặt cho nhóm.

Bạn có thể chỉnh sửa cài đặt nhóm IM nếu bạn có quyền quản trị của nhóm đó. Người tạo nhóm sẽ tự động được gán quyền quản trị.

Group name, **Group topic** và **Welcome note** — Để thêm chi tiết mà các thành viên sẽ nhìn thấy khi tham gia vào nhóm.

Group size — Để xác định số thành viên tối đa được phép tham gia vào nhóm.

Allow search — Để xác nhận nếu người khác có thể dò tìm nhóm trò chuyện bằng chức năng tìm kiếm.

Editing rights — Để xác định các thành viên nhóm trò chuyện mà bạn muốn trao quyền để mời các số

liên lạc tham gia vào nhóm IM và chỉnh sửa cài đặt nhóm.

Group members — Xem phần "**Thêm và xóa các thành viên nhóm**", ở trang 105.

Banned list — Nhập các thành viên không được phép tham gia vào nhóm IM.

Allow private msgs. — Để chỉ cho phép nhắn tin giữa các thành viên được chọn.

Group ID — Sẽ được tạo tự động và không thể thay đổi.

Thêm và xóa các thành viên nhóm

Để thêm các thành viên vào nhóm, chọn **IM groups**, di chuyển đến một nhóm IM và chọn **Options > Group > Settings > Group members > Selected only** hoặc **All**.

Để xóa một thành viên khỏi nhóm IM, di chuyển đến thành viên đó và chọn **Options > Remove**. Để xóa tất cả thành viên, chọn **Options > Remove all**.

Cài đặt server trò chuyện

Chọn **Options > Settings > Server settings**. Bạn có thể nhận các thông số về dịch vụ Web dưới dạng một tin nhắn dạng văn bản đặc biệt từ nhà điều hành mạng hoặc từ nhà cung cấp dịch vụ cung cấp dịch

vụ trò chuyện. Bạn sẽ nhận Mã thuê bao và mật mã từ nhà cung cấp dịch vụ khi bạn đăng ký dịch vụ này. Nếu bạn không biết Mã thuê hoặc mật mã, liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ.

Để thay đổi server IM mà bạn muốn kết nối đến, chọn **Default server**.

Để thêm một server mới vào danh sách server IM, chọn **Servers > Options > New server**. Nhập vào các cài đặt sau:

Server name — Nhập tên cho server trò chuyện.

Access point in use — Chọn điểm truy cập bạn muốn sử dụng cho server.

Web address — Nhập địa chỉ URL của server IM.

User ID — Nhập mã ID của bạn vào.

Password — Nhập mật mã đăng nhập của bạn.

Connect-Kết nối

Kết nối Bluetooth

Bạn có thể kết nối vô tuyến đến các thiết bị tương thích khác qua công nghệ Bluetooth. Các thiết bị tương thích có thể là điện thoại di động, máy vi tính và phụ kiện nâng cấp như tai nghe và bộ phụ kiện trên xe. Bạn có thể sử dụng công nghệ Bluetooth để gửi hình ảnh, video clip, nhạc và file âm thanh, và ghi chú; để kết nối không dây đến máy PC tương thích, ví dụ để truyền dữ liệu; hoặc để kết nối với một máy in tương thích để in hình ảnh bằng chức năng **Image print**. Xem phần "**Image Print**", ở trang 61.

Vì các thiết bị sử dụng công nghệ Bluetooth liên lạc qua sóng radio, điện thoại và các thiết bị khác không cần phải đặt cùng phương. Hai thiết bị chỉ cần cách nhau 10 mét, mặc dù kết nối này có thể bị nhiễu sóng do các vật cản như tường hoặc các thiết bị điện tử khác.

Thiết bị này tuân theo Thông số Bluetooth 1.2 hỗ trợ các cấu hình sau: Basic Printing Profile, Generic Access Profile, Serial Port Profile, Dial-up Networking Profile, Headset Profile, Handsfree Profile, Generic Object Exchange Profile, Object

Push Profile, File Transfer Profile, Basic Imaging Profile, and Human Interface Device Profile. Để đảm bảo khả năng tương tác giữa các thiết bị khác nhau hỗ trợ công nghệ Bluetooth, hãy sử dụng các phụ kiện được Nokia phê chuẩn cho kiểu điện thoại này. Hãy kiểm tra với các nhà sản xuất của các thiết bị khác để xác định khả năng tương thích với thiết bị này.



Chú giải: Một cấu hình sẽ tương ứng với một dịch vụ hoặc một chức năng, và xác định cách thức các thiết bị khác có thể kết nối. Ví dụ, Cấu hình Handsfree được sử dụng để kết nối thiết bị handsfree và điện thoại. Để các thiết bị tương thích với nhau, chúng phải hỗ trợ cấu hình giống nhau.

Có thể có các hạn chế khi sử dụng công nghệ Bluetooth ở một số nơi. Hãy kiểm tra với nhà chức trách địa phương hay nhà cung cấp dịch vụ của bạn.

Các tính năng sử dụng công nghệ Bluetooth hoặc cho phép các tính năng như vậy hoạt động ẩn trong khi đang sử dụng các tính năng khác sẽ làm hao pin và giảm thời gian hoạt động của pin.

Khi thiết bị được khóa, bạn không thể sử dụng kết nối Bluetooth. Xem phần "[Security-Bảo mật](#)", ở trang [119](#) để biết thêm thông tin về cách khóa thiết bị.

Cài đặt kết nối Bluetooth

Bấm  và chọn **Connect**. > **Bluetooth**. Khi bạn mở ứng dụng lần đầu tiên, bạn sẽ được yêu cầu xác định tên thiết bị.

Chọn một trong số các tùy chọn sau:

Bluetooth — Cài sang **On** hoặc **Off**. Để kết nối không dây đến thiết bị tương thích khác, trước tiên cài Bluetooth **On**, sau đó thiết lập kết nối.

My phone's visibility — Để cho phép các thiết bị khác nhận thấy điện thoại qua công nghệ Bluetooth, chọn **Shown to all**. Để giấu không cho các thiết bị khác nhìn thấy, chọn **Hidden**.

My phone's name — Chỉnh sửa tên thiết bị. Sau khi bạn đã kết nối Bluetooth như kích hoạt và đã thay đổi **My phone's visibility** thành **Shown to all**, những người sử dụng thiết bị Bluetooth khác có thể nhìn thấy điện thoại của bạn và tên này.

Các mẹo bảo mật

Khi bạn không sử dụng Bluetooth, cài Bluetooth **Off**, hoặc chọn **My phone's visibility** > **Hidden**.

Không ghép nối với thiết bị lạ.

Gửi dữ liệu qua kết nối Bluetooth

Bạn có thể kích hoạt nhiều kết nối Bluetooth cùng một thời điểm. Ví dụ, nếu bạn kết nối với tai nghe, bạn cũng có thể truyền dữ liệu đến thiết bị tương thích khác cùng lúc.

Chỉ báo kết nối Bluetooth

- Khi  hiển thị ở chế độ chờ, kết nối Bluetooth sẽ được kích hoạt.
- Khi  nhấp nháy, điện thoại của bạn đang có kết nối với thiết bị khác.
- Khi  hiển thị liên tục, kết nối Bluetooth sẽ được kích hoạt.

 **Mẹo!** Để gửi văn bản qua kết nối Bluetooth (thay vì dùng tin nhắn văn bản), mở **Notes**, viết văn bản và chọn **Options** > **Send** > **Via Bluetooth**.

- 1 Mở một ứng dụng có lưu mục mà bạn muốn gửi. Ví dụ, để gửi một hình ảnh đến một thiết bị tương thích khác, mở **Gallery**.
- 2 Chọn mục, ví dụ như hình ảnh và chọn **Options** > **Send** > **Via Bluetooth**. Các thiết bị sử dụng công nghệ Bluetooth trong phạm vi kết nối lần lượt xuất hiện trên màn hình điện thoại. Bạn có thể thấy một ký hiệu thiết bị, tên thiết bị, kiểu thiết bị hoặc một tên tắt.

 **Mẹo!** Nếu bạn đã dò thấy những thiết bị trước đây, một danh sách thiết bị đã tìm thấy trước đó được hiển thị trước. Để bắt đầu cuộc dò tìm mới, chọn **More devices**. Nếu bạn tắt điện thoại, danh sách sẽ bị xóa.

Các biểu tượng thiết bị:

 — Máy vi tính;  — Điện thoại;  — Audio hoặc video;  — Tai nghe;  — Thiết bị khác.

Để hủy bỏ việc dò tìm, bấm **Stop**. Danh sách thiết bị sẽ ngưng.

- 3 Chọn thiết bị mà bạn muốn kết nối đến.
- 4 Nếu thiết bị khác yêu cầu ghép nối trước khi dữ liệu có thể truyền, một âm báo sẽ phát ra và bạn được yêu cầu nhập mã khóa. Xem phần "**Ghép nối thiết bị**", ở trang 108.
- 5 Khi kết nối đã được thiết lập, thông báo **Sending data** sẽ hiển thị.

Thư mục **Sent** trong **Messaging** sẽ không lưu các tin nhắn được gửi qua kết nối Bluetooth.

 **Mẹo!** Khi đang dò tìm thiết bị, một vài thiết bị chỉ có thể hiển thị địa chỉ duy nhất (địa chỉ thiết bị). Để tìm địa chỉ duy nhất của điện thoại, nhập mã ***#2820#** vào khi ở chế độ chờ.

Ghép nối thiết bị

 **Chú giải:** Ghép nối có nghĩa là xác nhận. Những người dùng hai thiết bị qua công nghệ Bluetooth nên thỏa thuận mã khóa chung và sử dụng cùng mã khóa cho cả hai thiết bị để ghép nối chúng. Những thiết bị không có giao diện người dùng có một mã khóa được cài trước.

Trong giao diện **Bluetooth** chính, bấm  để mở giao diện các thiết bị ghép nối ().

Trước khi ghép nối, tạo mã khóa cho riêng bạn (1-16 số) và thỏa thuận với người dùng thiết bị khác để sử dụng cùng mã khóa. Mật mã chỉ có thể sử dụng một lần.

Để ghép nối với một thiết bị, chọn **Options > New paired device**. Các thiết bị sử dụng công nghệ Bluetooth trong phạm vi kết nối lần lượt xuất hiện trên màn hình điện thoại. Chọn thiết bị và nhập mã khóa vào. Bạn cũng cần nhập mã khóa này vào thiết bị kia. Sau khi ghép nối, thiết bị sẽ được lưu vào giao diện các thiết bị ghép nối.

Các thiết bị đã ghép được hiển thị bởi  trong mục tìm kiếm thiết bị.

 **Mẹo!** Để định nghĩa một tên tắt (biệt hiệu hoặc bí danh) cho một thiết bị ghép nối, di chuyển đến thiết bị, và chọn **Option > Assign short name** trong giao diện Thiết bị ghép nối. Tên này sẽ giúp bạn nhận ra một thiết bị nào đó trong lúc tìm kiếm thiết bị hay khi một thiết bị gửi yêu cầu kết nối.

Để gán hoặc không gán quyền cho thiết bị, di chuyển đến một thiết bị và chọn các tùy chọn sau:

Set as authorised — Các kết nối giữa điện thoại và thiết bị này có thể được thực hiện mà bạn không biết. Bạn không cần chấp nhận hoặc gán quyền. Sử dụng trạng thái này cho các thiết bị của bạn, ví dụ như tai nghe hoặc máy PC tương thích, hoặc các thiết bị của người mà bạn tin cậy.  cho biết các thiết bị được gán quyền trong giao diện thiết bị ghép nối.

Set as unauthorised — Yêu cầu kết nối từ thiết bị này phải được chấp nhận tuần tự.

Để hủy một ghép nối, di chuyển đến thiết bị và chọn **Options > Delete**. Nếu bạn muốn hủy tất cả các ghép nối, chọn **Options > Delete all**.

 **Mẹo!** Nếu bạn đang kết nối với một thiết bị và xóa ghép nối với thiết bị đó, ghép nối sẽ bị xóa ngay và kết nối sẽ bị ngưng.

Nhận dữ liệu qua kết nối Bluetooth

Khi bạn nhận dữ liệu qua kết nối Bluetooth, một âm báo sẽ phát ra và máy sẽ hỏi bạn có muốn nhận tin nhắn không. Nếu bạn chấp nhận,  sẽ hiển thị và mục này sẽ được đặt vào thư mục **Inbox** trong **Messaging**. Tin nhắn nhận được qua kết nối Bluetooth được chỉ báo bằng . Xem phần **"Inbox-nhận tin nhắn"**, ở trang 75.

Tắt kết nối Bluetooth

Để tắt kết nối Bluetooth, chọn **Bluetooth > Off**.

Kết nối PC

Bạn có thể sử dụng điện thoại với các chương trình ứng dụng đa dạng của các truyền thông dữ liệu và kết nối với máy PC. Với Nokia PC suite, bạn có thể đồng bộ số liên lạc, lịch, ghi chú công việc, và truyền hình ảnh giữa điện thoại và máy PC tương thích.

Luôn tạo kết nối từ máy PC để đồng bộ hóa dữ liệu với điện thoại của bạn.

Để biết thêm thông tin về cách cài đặt phần mềm Nokia PC Suite (tương thích với Windows 2000 và Windows XP), xem Tài liệu Hướng dẫn Sử dụng dành cho Nokia PC Suite và mục trợ giúp Nokia PC Suite trong phần "Cài đặt" trên đĩa CD.

CD-ROM

Đĩa CD sẽ khởi động sau khi bạn đưa đĩa vào ổ đĩa CD của một máy PC tương thích. Nếu không, bạn thực hiện các bước sau: Mở Windows Explorer, nhấp phím phải chuột vào ổ đĩa CD mà bạn đã gắn đĩa CD và chọn Autoplay (Chạy Tự động).

Điện thoại của bạn cũng là một modem

Bạn có thể sử dụng điện thoại như một modem để gửi và nhận e-mail, hay để kết nối Internet qua một máy PC tương thích bằng cách sử dụng một kết nối Bluetooth hay cáp dữ liệu. Bạn có thể tìm thấy các hướng dẫn cài đặt chi tiết trong Tài liệu Hướng dẫn sử dụng dành cho Nokia PC Suite trong Tủ chọn modem trên đĩa CD.



Mẹo! Để kết nối máy điện thoại và máy PC tương thích và để sử dụng Nokia PC Suite trong lần kết nối đầu tiên, hãy sử dụng chức năng Nokia PC Suite wizard hiện có trong Nokia PC Suite. Xem trong đĩa CD được cung cấp kèm theo bộ sản phẩm.



Connect Manager

Bạn có thể có nhiều kết nối dữ liệu hoạt động cùng lúc khi bạn sử dụng điện thoại trong các mạng GSM và UMTS. Bấm  và chọn **Connect.** > **Conn. mgr.** để xem trạng thái của nhiều kết nối dữ liệu, xem chi tiết lượng dữ liệu đã gửi và nhận, và kết thúc các kết nối. Khi bạn mở **Conn. mgr.**, bạn sẽ thấy các tùy chọn sau:

- Mở các kết nối dữ liệu: cuộc gọi dữ liệu (**D**) và kết nối dữ liệu gói () hoặc ()
- Trạng thái của từng kết nối
- Lượng dữ liệu được tải lên và tải về cho từng kết nối (chỉ hiển thị cho các kết nối dữ liệu gói)
- Thời lượng kết nối (chỉ hiển thị cho cuộc gọi dữ liệu).



Lưu ý: Thời gian thực sự mà nhà cung cấp dịch vụ tính cước cho các cuộc gọi có thể khác nhau, tùy thuộc các tính năng mạng, hoàn tất việc thanh toán, v.v...

Để kết thúc kết nối, di chuyển đến một kết nối và chọn **Options** > **Disconnect**.

Để đóng tất cả các kết nối đang mở, chọn **Options** > **Disconnect all**.

Chi tiết kết nối dữ liệu

Các tùy chọn trong giao diện **Conn. mgr.** khi có một hoặc nhiều kết nối là **Details**, **Disconnect**, **Disconnect all**, **Help**, và **Exit**.

Để xem chi tiết của một kết nối, di chuyển đến kết nối đó và chọn **Options > Details**.

Name — Tên của Điểm truy cập Internet (IAP) hoặc tên kết nối modem đang dùng, nếu là kết nối dial-up.

Bearer — Loại kết nối dữ liệu: **Data call**, **High sp. GSM**, hoặc **Packet data**.

Status — Tình trạng hiện thời của kết nối: **Connecting**, **Conn.(inact.)**, **Conn.(active)**, **On hold**, **Disconnectng.**, hoặc **Disconnected**.

Received — Lượng dữ liệu, tính theo byte, mà điện thoại đã nhận.

Sent — Lượng dữ liệu, tính theo byte, mà điện thoại đã gửi.

Duration — Khoảng thời gian kết nối được thiết lập.

Speed — Tốc độ nhận và gửi dữ liệu hiện tại theo KB/giây.

Dial-up — Số liên lạc được sử dụng.

Name — Tên điểm truy cập được sử dụng.

Shared (sẽ không hiển thị nếu kết nối không được dùng chung) — Số ứng dụng sử dụng cùng kết nối.



Đồng bộ từ xa

Bấm  và chọn **Connect. > Sync**. Ứng dụng **Sync** cho phép bạn đồng bộ ghi chú, lịch và danh bạ với các ứng dụng Sổ địa chỉ và Lịch khác nhau trên máy tính tương thích hoặc trên Internet.

Ứng dụng đồng bộ sử dụng công nghệ SyncML để đồng bộ. Để có thêm thông tin về tính tương thích SyncML, xin liên hệ với nhà cung cấp ứng dụng Lịch và Sổ địa chỉ mà bạn muốn đồng bộ dữ liệu với điện thoại.

Bạn có thể nhận các thông số cài đặt đồng bộ dưới dạng một tin nhắn văn bản đặc biệt. Xem phần "**Dữ liệu và các thông số cài đặt**", ở trang 75.

Tạo một cấu hình đồng bộ mới

Các tùy chọn trong giao diện **Sync** chính là **Synchronise**, **New sync profile**, **Edit sync profile**, **Delete**, **View log**, **Set as default**, **Help**, và **Exit**.

1 Nếu không có cấu hình nào được quy định, điện thoại sẽ hỏi xem bạn có muốn tạo một cấu hình mới không. Chọn **Yes**.

Để tạo thêm một cấu hình mới bổ sung, chọn **Options > New sync profile**. Chọn hoặc dùng giá

trị mặc định hoặc sao chép giá trị của cấu hình đã có và sử dụng như một cấu hình mới.

2 Xác định:

Sync profile name — Đặt tên cho cấu hình.

Data bearer — Chọn kiểu kết nối: **Web**, hoặc **Bluetooth**.

Access point (chỉ hiển thị nếu **Data bearer** được cài chức năng **Web**) — Chọn một điểm truy cập để sử dụng cho việc kết nối dữ liệu.

Host address — Nhập địa chỉ IP của server. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hoặc người quản trị hệ thống để có mật mã đúng.

Port (chỉ hiển thị nếu **Data bearer** được cài chức năng **Web**) — Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hoặc người quản trị hệ thống để có mật mã đúng.

User name — Mã thuê bao của bạn cho server đồng bộ. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hoặc người quản trị hệ thống để có mã số đúng.

Password — Nhập mật mã của bạn vào. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hoặc người quản trị hệ thống để có mật mã đúng.

Allow sync requests — Chọn **Yes** nếu bạn muốn cho phép server khởi động đồng bộ.

Accept all sync reqs. — Chọn **No** nếu bạn muốn điện thoại hỏi bạn trước khi server khởi động quá trình đồng bộ.

Network authentic. (chỉ hiển thị nếu **Data bearer** được cài sang **Web**) — Chọn **Yes** để nhập tên thuê bao và mật mã vào. Bấm  để xem các trường tên thuê bao và mật mã.

Nhấn  để chọn **Contacts**, **Calendar**, hoặc **Notes**.

- Chọn **Yes** nếu bạn muốn đồng bộ cơ sở dữ liệu được chọn.
- Trong **Remote database**, nhập đường dẫn chính xác để truy cập lịch, số địa chỉ hoặc dữ liệu ghi chú từ xa qua server.
- Chọn **Synchronisation type: Normal** (đồng bộ hai chiều), **To server only** hoặc **To phone only**.

3 Chọn **Back** để lưu cài đặt và trở về giao diện chính.

Đồng bộ dữ liệu

Trong giao diện **Sync** chính, bạn có thể nhìn thấy các cấu hình đồng bộ khác nhau và dữ liệu nào sẽ được đồng bộ:

- 1 Chọn một cấu hình đồng bộ và **Options** > **Synchronise**. Tình trạng đồng bộ sẽ được hiển thị ở phía dưới màn hình.
Để hủy quá trình đồng bộ trước khi kết thúc, chọn **Cancel**.
- 2 Bạn sẽ được thông báo khi quá trình đồng bộ hoàn tất. Sau khi đồng bộ xong, chọn **Options** >

View log để mở một tập tin báo cáo cho thấy trạng thái đồng bộ (**Complete** hoặc **Incomplete**) và bao nhiêu mục lịch hay số liên lạc được bổ sung, cập nhật, xóa hay bỏ qua (không đồng bộ) trong điện thoại hay trên máy chủ.



Device Manager - Quản lý thiết bị

Bấm  và chọn **Connect.** > **Dev. mgr.**. Bạn có thể nhận các cấu hình server và các thông số cài đặt cấu hình khác nhau từ nhà điều hành mạng, nhà cung cấp dịch vụ hoặc bộ phận quản lý thông tin của công ty. Các thông số cài đặt cấu hình này có thể bao gồm các cài đặt điểm truy cập để kết nối dữ liệu và các cài đặt khác được sử dụng bởi các ứng dụng khác trong điện thoại.

Để kết nối với server và nhận các thông số cài đặt cấu hình về điện thoại, di chuyển đến một cấu hình và chọn **Options** > **Start configuration**.

Để cho phép hoặc từ chối nhận các thông số cài đặt cấu hình từ nhà cung cấp dịch vụ, chọn **Options** > **Enable config.** hoặc **Disable config.**

Cài đặt cấu hình server

Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để nhận được các cài đặt phù hợp.

Server name — Nhập tên server cấu hình.

Server ID — Nhập mã ID để xác nhận server cấu hình.

Server password — Nhập mật mã để nhận dạng điện thoại với server.

Access point — Chọn một điểm truy cập sẽ được sử dụng khi kết nối với server.

Host address — Nhập địa chỉ URL của server.

Port — Nhập số cổng của server.

User name và **Password** — Nhập mật mã và tên thuê bao của bạn vào.

Allow configuration — Để nhận cài đặt cấu hình từ server, chọn **Yes**.

Auto-accept all reqs. — Nếu bạn muốn điện thoại yêu cầu xác nhận trước khi nhận một cấu hình từ server, chọn **No**.

Tools



Setting-Cài đặt

Để thay đổi cài đặt, bấm  và chọn **Tools** > **Settings**. Di chuyển đến nhóm cài đặt và bấm  để mở ra. Di chuyển đến một cài đặt bạn muốn thay đổi và bấm .



Phone-Cài đặt cho máy

Bình thường

Phone language — Việc thay đổi ngôn ngữ của văn bản hiển thị trên điện thoại cũng sẽ ảnh hưởng đến các dạng hiển thị ngày giờ và các dấu phân cách được sử dụng, ví dụ như trong các phép tính.

Automatic chọn ngôn ngữ theo thông tin trên thẻ SIM. Sau khi thay đổi ngôn ngữ hiển thị, bạn cần khởi động lại điện thoại.

Việc thay đổi các cài đặt của **Phone language** hoặc **Writing language** sẽ ảnh hưởng lên mọi ứng dụng trong điện thoại và những thay đổi vẫn có hiệu lực cho đến khi bạn lại thay đổi các cài đặt này lần nữa.

Writing language — Việc thay đổi ngôn ngữ cũng tác động đến các ký tự và ký tự đặc biệt được sử dụng khi soạn thảo văn bản cũng như khi sử dụng từ điển hỗ trợ kiểu nhập văn bản tiên đoán.

Dictionary — Bạn cũng có thể cài kiểu nhập văn bản tiên đoán sang **On** hoặc **Off** cho tất cả các chương trình chỉnh sửa trên điện thoại. Từ điển hỗ trợ kiểu nhập văn bản tiên đoán sẽ không có sẵn cho tất cả ngôn ngữ.

Welcome note or logo — Biểu tượng chào hoặc lời chào sẽ được hiển thị nhanh mỗi khi bạn bật điện thoại. Chọn **Default** để sử dụng hình ảnh mặc định, **Text** để nhập lời chào (tối đa 50 ký tự) hoặc **Image** để chọn một hình chụp hoặc hình ảnh trong **Gallery**.

Orig. phone settings — Bạn có thể cài lại một số cài đặt trở về giá trị ban đầu. Để thực hiện, bạn cần phải có mã khóa. Xem phần "**Security-Bảo mật**", "**Điện thoại và SIM**", ở trang 120. Sau khi cài đặt lại, điện thoại có thể cần nhiều thời gian hơn khi khởi động. Các tài liệu và tập tin sẽ không bị ảnh hưởng.

Chế độ chờ

Active standby — Sử dụng phím tắt trên màn hình chính vào các ứng dụng khi ở chế độ chờ. Xem phần "**Khởi động chế độ chờ**", ở trang 26.

Left selection key — Để gán một phím tắt cho phím chọn trái (⏮) khi ở chế độ chờ, chọn một ứng dụng trong danh sách.

Right selection key — Để gán một phím tắt cho phím chọn phải (⏭) khi ở chế độ chờ, chọn một ứng dụng trong danh sách.

Active standby apps. — Để chọn các phím tắt ứng dụng bạn muốn hiển thị ở chế độ chờ. Cài đặt này chỉ có khi chế độ **Active standby** được bật.

Bạn cũng có thể gán phím tắt trên bàn phím cho những thao tác khác nhau trên phím di chuyển, bằng cách chọn một ứng dụng trong danh sách Phím tắt trên phím di chuyển sẽ không có hiệu lực khi điện thoại bật chế độ chờ.

Operator logo — Cài đặt này chỉ được hiển thị khi bạn đã nhận và lưu lại logo mạng. Bạn có thể chọn hiển thị hoặc không hiển thị logo mạng.

Hiển thị

Brightness — Bạn có thể điều chỉnh độ sáng của màn hình chính sang mức sáng hơn hoặc tối hơn. Độ sáng màn hình sẽ được tự động điều chỉnh.

Power saver time-out — Chế độ tiết kiệm điện Màn hình rỗng trên màn hình chính sẽ được kích hoạt khi hết thời hạn này.

Light time-out — Chọn thời gian mà sau đó đèn nền trên màn hình chính sẽ tắt.



Call-Cài đặt cuộc gọi

Send my caller ID (☎) — Bạn có thể cài số điện thoại hiển thị (**Yes**) hoặc ẩn (**No**) trên máy của người mà bạn đang gọi hoặc giá trị này có thể được nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ cài đặt trước khi bạn đăng ký thuê bao (**Set by network**).

Call waiting (☎) — Nếu bạn đã kích hoạt chức năng cuộc gọi chờ, mạng sẽ thông báo cho bạn biết có cuộc gọi mới đến trong khi bạn đang có cuộc gọi. Chọn **Activate** để yêu cầu mạng kích hoạt cuộc gọi đang chờ, **Cancel** để yêu cầu mạng tắt cuộc gọi đang chờ, hoặc **Check status** để kiểm tra xem chức năng này đã được kích hoạt hay chưa.

Reject call with SMS — Chọn **Yes** để gửi tin nhắn văn bản đến người gọi nhằm thông báo lý do bạn không thể trả lời cuộc gọi. Xem phần "**Trả lời hoặc từ chối cuộc gọi**", ở trang 34.

Message text — Viết đoạn văn bản sẽ được gửi dưới dạng tin nhắn văn bản khi bạn từ chối một cuộc gọi.

Image in video call — Bạn có thể từ chối gửi hình ảnh động khi nhận một cuộc gọi video. Chọn hình tĩnh sẽ được hiển thị thay cho video.

Automatic redial — Chọn **On**, điện thoại sẽ cố gọi lại tối đa mười lần sau lần gọi không thành công. Để ngừng chức năng gọi lại tự động, bấm **↵**.

Summary after call — Kích hoạt cài đặt này để điện thoại hiển thị văn tắt thời lượng xấp xỉ của cuộc gọi sau cùng.

Speed dialling — Chọn **On**, bấm và giữ phím này để quay các số điện thoại đã được gán cho các phím quay nhanh (**2 – 9**). Xem thêm phần "**Quay nhanh một số điện thoại**", ở trang 28.

Anykey answer — Chọn **On**, và bạn có thể trả lời cuộc gọi đến bằng cách bấm nhanh phím bất kỳ, ngoại trừ phím **↵**, **↶**, **Ⓢ** và **↵**.

Line in use (**Ⓢ**) — Cài đặt này chỉ được hiển thị khi thẻ SIM hỗ trợ hai số thuê bao, nghĩa là có hai số điện thoại thuê bao. Chọn số điện thoại bạn muốn sử dụng để thực hiện cuộc gọi và gửi tin nhắn văn bản. Bạn có thể trả lời cuộc gọi trên cả hai số máy bất kể đã chọn số máy nào. Nếu bạn chọn **Line 2** nhưng chưa thuê bao dịch vụ mạng này, bạn sẽ

không thực hiện được cuộc gọi. Khi số máy 2 được chọn, **2** sẽ hiển thị khi ở chế độ chờ.

 **Mẹo!** Để chuyển đổi giữa các số điện thoại, bấm và giữ **#** khi ở chế độ chờ.

Line change (**Ⓢ**) — Để ngăn việc chọn số thuê bao, chọn **Line change** > **Disable** nếu được thẻ SIM hỗ trợ. Để thay đổi cài đặt này, bạn cần phải có mã PIN2.



Connection-Cài đặt kết nối

Kết nối dữ liệu và điểm truy cập

Điện thoại của bạn hỗ trợ các kết nối truyền dữ liệu gói (**Ⓢ**), ví dụ như GPRS trong mạng GSM.

 **Chú giải:** Dịch vụ Vô tuyến Trộn gói (GPRS) sử dụng công nghệ dữ liệu gói, trong đó thông tin được gửi đi dưới dạng các gói dữ liệu nhỏ qua mạng di động.

Để thiết lập một kết nối dữ liệu, bạn cần phải có một điểm truy cập. Bạn có thể xác định nhiều điểm truy cập khác nhau, ví dụ như:

- Điểm truy cập MMS dùng để gửi và nhận tin nhắn đa phương tiện
- Điểm truy cập dành cho ứng dụng Web để xem các trang WML hoặc XHTML

- Điểm truy cập Internet (IAP) dùng để gửi và nhận e-mail.

Đối với các dịch vụ bạn muốn truy cập, bạn cần phải tham khảo ý kiến nhà cung cấp dịch vụ về loại điểm truy cập. Để biết tính khả dụng và thuê bao dịch vụ kết nối dữ liệu gói, liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Kết nối dữ liệu gói trong mạng GSM và UMTS

Khi bạn sử dụng điện thoại trong các mạng GSM và UMTS, các kết nối đa dữ liệu có thể được kích hoạt cùng lúc và các điểm truy cập có thể dùng chung một kết nối dữ liệu. Trong mạng UMTS, kết nối dữ liệu vẫn được duy trì trong khi diễn ra các cuộc gọi thoại. Để kiểm tra các kết nối dữ liệu đang hoạt động, xem phần "[Connect Manager](#)", ở trang 110.

Các chỉ báo sau đây có thể hiển thị bên dưới chỉ báo cường độ tín hiệu, tùy thuộc vào loại mạng bạn đang sử dụng:

-  Mạng GSM, mạng hỗ trợ dữ liệu gói.
-  Mạng GSM, kết nối dữ liệu gói đang hoạt động, dữ liệu đang được truyền đi.
-  Mạng GSM, nhiều kết nối dữ liệu gói đang hoạt động.

 Mạng GSM, kết nối dữ liệu gói đang được giữ. (Điều này có thể xảy ra khi đang có cuộc gọi thoại.)

 Mạng UMTS, mạng hỗ trợ dữ liệu gói.

 Mạng UMTS, kết nối dữ liệu gói đang hoạt động, dữ liệu đang được truyền đi.

 Mạng UMTS, nhiều kết nối dữ liệu gói đang hoạt động.

 Mạng UMTS, kết nối dữ liệu gói đang được giữ.

Nhận thông số cài đặt điểm truy cập

Bạn có thể nhận thông số cài đặt điểm truy cập dưới dạng tin nhắn văn bản từ nhà cung cấp dịch vụ, hoặc các thông số được cài đặt sẵn trong điện thoại. Xem phần "[Dữ liệu và các thông số cài đặt](#)", ở trang 75.

Để tạo một điểm truy cập mới, bấm , và chọn **Tools > Settings > Connection > Access points**.

Bạn có thể cài một điểm truy cập sang chế độ được nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ bảo vệ (). Bạn không thể chỉnh sửa hoặc xóa các điểm truy cập được bảo vệ.

Điểm truy cập

 **Mẹo!** Xem thêm phần "[Nhận các thông số cài đặt MMS và e-mail](#)", ở trang 74, "[E-mail](#)", ở trang 82, và phần "[Truy cập Web](#)", ở trang 89.

Thực hiện theo các hướng dẫn được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp.

Connection name — Đặt tên mô tả cho kết nối.

Data bearer — Tùy thuộc vào kiểu kết nối dữ liệu bạn chọn, chỉ có một số trường cài đặt có thể sử dụng. Điền tất cả các trường được đánh dấu bằng đoạn **Must be defined**, hoặc có dấu hoa thị màu đỏ. Các trường khác có thể để trống, trừ phi bạn được nhà cung cấp dịch vụ hướng dẫn làm cách khác.

Để có thể sử dụng kết nối dữ liệu, nhà cung cấp dịch vụ mạng phải hỗ trợ chức năng này, và nếu cần, kích hoạt chức năng này bằng thẻ SIM của bạn.

Access point name (chỉ dành cho dữ liệu gói) — Điện thoại sẽ yêu cầu tên điểm truy cập để thiết lập kết nối với mạng dữ liệu gói và UMTS. Bạn có thể nhận tên điểm truy cập từ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

User name — Máy sẽ yêu cầu tên thuê bao để thiết lập kết nối dữ liệu, và tên thuê bao này thường được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp. Tên thuê bao được phân biệt chữ hoa và chữ thường.

Prompt password — Nếu bạn phải nhập mật mã mới mỗi khi đăng nhập vào máy chủ, hoặc nếu bạn muốn lưu mật mã vào máy, chọn **Yes**.

Password — Máy sẽ yêu cầu mật mã để thiết lập kết nối dữ liệu, và mật mã này thường được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp. Mật khẩu thường được phân biệt chữ hoa và chữ thường.

Authentication — Chọn **Normal** hoặc **Secure**.

Homepage — Tùy thuộc vào cấu hình bạn đang thiết lập, nhập địa chỉ trang Web hoặc địa chỉ của trung tâm nhắn tin đa phương tiện.

Chọn **Options > Advanced settings** để thay đổi các thông số cài đặt cấu hình sau:

Network type — Chọn loại giao thức Internet để sử dụng: **IPv4 settings** hoặc **IPv6 settings**. Các thông số cài đặt khác tùy thuộc vào loại mạng được chọn.

Phone IP address (dành cho IPv4) — Nhập địa chỉ IP của điện thoại của bạn.

Name servers — Trong **Primary name server**:, nhập địa chỉ IP của server DNS chính. Trong **Second name server**:, nhập địa chỉ IP của server DNS thứ hai. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ Internet để nhận các địa chỉ này.



Chú giải: Dịch vụ tên miền (DNS) là một dịch vụ Internet có chức năng phiên dịch các tên miền như www.nokia-asia.com sang các địa chỉ IP như 192.100.124.195.

Proxy serv. address — Xác định địa chỉ của máy chủ proxy.

Proxy port number — Nhập số cổng proxy.

Dữ liệu gói

Các cài đặt dữ liệu gói ảnh hưởng đến tất cả các điểm truy cập dùng kết nối truyền dữ liệu.

Packet data conn. — Nếu bạn chọn **When available** và bạn đang ở trong mạng có hỗ trợ dữ liệu gói, điện thoại sẽ đăng ký vào mạng truyền dữ liệu. Tương tự, việc bắt đầu một phiên truyền dữ liệu hiện hành (ví dụ để gửi và nhận e-mail) sẽ được thực hiện nhanh hơn. Nếu bạn chọn **When needed**, điện thoại sẽ chỉ sử dụng kết nối truyền dữ liệu khi nào bạn kích hoạt một ứng dụng hay thao tác cần đến kết nối này. Nếu không nằm trong vùng phủ sóng của dịch vụ dữ liệu gói và bạn chọn **When available**, điện thoại sẽ cố gắng khởi tạo một kết nối dữ liệu gói theo định kỳ.

Access point — Bạn sẽ cần đến tên điểm truy cập để sử dụng điện thoại như một modem truyền dữ liệu cho máy tính.

Các cấu hình

Bạn có thể nhận các thông số cài đặt server tin cậy từ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ qua tin nhắn cấu hình, hoặc các thông số này có thể đã được lưu trong thẻ SIM hoặc thẻ USIM của bạn.

Bạn có thể lưu các thông số cài đặt này vào điện thoại, xem hoặc xóa chúng trong **Configurations**.



Date and Time-Thời gian

Xem phần "**Cài đặt đồng hồ**", ở trang 16.

Xem thêm phần cài đặt ngôn ngữ trong phần "**Bình thường**", ở trang 114.



Security-Bảo mật

Điện thoại và SIM

PIN code request — Khi kích hoạt tính năng này, bạn sẽ phải nhập mã PIN mỗi lần bật điện thoại. Một số thẻ SIM có thể không cho phép bạn tắt tính năng yêu cầu mã số nhận dạng cá nhân (PIN). Xem phần "**Thuật ngữ mã PIN và mã khóa**", ở trang 120.

PIN code, **PIN2 code**, và **Lock code** — Bạn có thể thay đổi mã khóa, mã PIN và mã PIN2. Các mã này có thể chỉ gồm các số từ 0 đến 9. Xem phần "**Thuật ngữ mã PIN và mã khóa**", ở trang 120.

Tránh sử dụng mã truy cập tương tự với các số khẩn cấp để tránh việc tình cờ quay số khẩn cấp.

Nếu bạn quên bất kỳ mã nào trong các mã này, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của bạn.

Autolock period — Bạn có thể cài đặt thời hạn cho chức năng tự khóa, đây là khoảng thời gian nghỉ của điện thoại mà sau đó máy sẽ tự khóa lại, và để sử dụng máy lại bạn cần nhập đúng mã khóa. Nhập vào thời gian nghỉ theo phút hoặc chọn **None** để tắt chức năng tự động khóa này.

Để mở khóa điện thoại, nhập mã khóa vào.

Khi điện thoại bị khóa, bạn chỉ có thể gọi đến các số điện thoại khẩn cấp được lập trình trong điện thoại.

 **Mẹo!** Để khóa điện thoại theo cách thủ công, bấm . Danh sách các lệnh sẽ mở ra. Chọn **Lock phone**.

Lock if SIM changed — Bạn có thể cài điện thoại yêu cầu nhập mã khóa khi có thẻ SIM không rõ nguồn gốc được gắn vào điện thoại. Điện thoại quản lý một danh sách các thẻ SIM được xem là thẻ của chủ điện thoại.

Closed user group () — Bạn có thể xác định nhóm người mà bạn có thể gọi điện cho họ hay họ có thể gọi điện cho bạn.

Mặc dù các cuộc gọi bị giới hạn trong các nhóm gọi nội bộ, bạn vẫn có thể thực hiện các cuộc gọi đến các số khẩn cấp được lập trình trong máy.

Confirm SIM services () — Bạn có thể cài điện thoại hiển thị các thông báo xác nhận khi bạn đang sử dụng dịch vụ trên thẻ SIM.

Thuật ngữ mã PIN và mã khóa

Nếu bạn quên bất kỳ mã nào trong các mã này, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của bạn.

Mã số nhận diện cá nhân (PIN) — Mã này dùng để bảo vệ thẻ SIM không bị sử dụng trái phép. Mã PIN (4 đến 8 số) thường được cung cấp cùng với thẻ SIM. Sau ba lần nhập sai, mã PIN sẽ bị khóa và bạn cần phải giải mã khóa trước khi có thể sử dụng lại thẻ SIM. Xem thêm thông tin về mã PUK trong phần này.

Mã UPIN — Mã này có thể được cung cấp cùng với thẻ USIM. Thẻ USIM là phiên bản nâng cao của thẻ SIM và được cung cấp cùng với điện thoại di động UMTS. Mã UPIN bảo vệ thẻ USIM không bị sử dụng trái phép.

Mã PIN2 — Mã này (4 đến 8 chữ số) được cung cấp cùng với thẻ SIM, và sẽ được yêu cầu để truy cập một số chức năng trong điện thoại.

Mã khóa (còn được gọi là mã bảo vệ) — Mã này (5 chữ số) có thể được sử dụng để khóa điện thoại không bị sử dụng trái phép. Giá trị cài đặt gốc của mã khóa là **12345**. Để tránh việc điện thoại của bạn bị sử dụng trái phép, hãy thay đổi mã khóa này. Giữ kỹ mã mới ở nơi an toàn tách biệt với điện thoại.

Mã số Mở khóa Cá nhân (PUK) và mã PUK2 — Các mã này (8 chữ số) sẽ được yêu cầu để thay đổi mã PIN hoặc mã PIN2 bị khóa tương ứng. Nếu các mã này không được cấp cùng với thẻ SIM, liên hệ với nhà điều hành mạng của thẻ SIM bạn đang dùng.

Mã UPUK — Mã này (8 số) được yêu cầu để thay đổi mã UPIN bị khóa. Nếu mã này không được cấp cùng với thẻ USIM, liên hệ với nhà điều hành mạng của thẻ USIM bạn đang dùng.

Quản lý chứng chỉ

Các chứng chỉ kỹ thuật số không phải là sự bảo đảm an toàn, chúng được sử dụng để xác nhận nguồn gốc của phần mềm.



Chú giải: Các chứng chỉ kỹ thuật số được sử dụng để xác nhận nguồn gốc của các trang XHTML hoặc WML và để cài đặt các phần mềm. Tuy nhiên, chứng chỉ đáng tin cậy nếu các chứng chỉ này có nguồn gốc xác thực.

Trong giao diện quản lý chứng chỉ, bạn sẽ thấy một danh sách các chứng chỉ hợp lệ được lưu trong điện thoại của bạn. Bấm  để xem danh sách các chứng chỉ cá nhân nếu có.

 Các tùy chọn trong giao diện quản lý chứng chỉ là **Certificate details**, **Delete**, **Trust settings**, **Mark/Unmark**, **Help**, và **Exit**.

Bạn nên sử dụng các chứng chỉ kỹ thuật số nếu bạn muốn kết nối với một ngân hàng trực tuyến hoặc địa chỉ trang web khác hoặc server từ xa khác để thực hiện các giao dịch liên quan đến việc chuyển giao các thông tin mật. Bạn nên sử dụng các chứng chỉ này nếu bạn muốn giảm bớt rủi ro do virus hoặc phần mềm phá hoại khác, đồng thời để chắc chắn về tính xác thực của phần mềm khi cần tải về và khi cài đặt phần mềm.



Chú ý: Ngay cả khi việc sử dụng các chứng chỉ này không an toàn khi kết nối từ xa và việc cài đặt phần mềm tương đối nhỏ, chúng vẫn phải được dùng đúng cách để có thể tận dụng lợi ích có được từ các tính năng an toàn nâng cao. Các chứng chỉ này tự bản thân chúng không cung cấp các tính năng bảo mật; mục quản lý chứng chỉ phải chứa các chứng chỉ chính xác, xác thực hoặc đáng tin cậy để đảm bảo cái thiện tính an toàn khả dụng. Các chứng chỉ đều có thời hạn sử dụng. Nếu thông báo **Expired certificate** hoặc **Certificate not valid yet** hiển thị, ngay cả khi chứng nhận của bạn vẫn còn hợp lệ, bạn cần kiểm tra lại xem ngày giờ trên máy bạn có được cài đúng không.

Xem chi tiết chứng chỉ — kiểm tra tính xác thực

Bạn chỉ có thể chắc chắn về danh tính hợp lệ của server khi chữ ký và thời hạn hiệu lực chứng chỉ của máy chủ được kiểm tra.

Bạn sẽ được thông báo trên màn hình điện thoại nếu nhận diện server không được xác thực hoặc nếu bạn không có chứng chỉ bảo vệ đúng trong điện thoại.

Để kiểm tra chi tiết chứng chỉ, di chuyển đến một chứng chỉ và chọn **Options > Certificate details**. Khi bạn mở xem chi tiết của chứng nhận, tính hợp lệ của Chứng nhận sẽ được kiểm tra, và một trong số các thông báo sau đây có thể xuất hiện:

- **Certificate not trusted** — Bạn không cài đặt bất kỳ ứng dụng nào để sử dụng chứng chỉ. Xem phần "**Thay đổi cài đặt về độ tin cậy**", ở trang 122.
- **Expired certificate** — Thời hạn hiệu lực của chứng chỉ được chọn đã kết thúc.
- **Certificate not valid yet** — Thời hạn hiệu lực của chứng chỉ được chọn chưa được bắt đầu.
- **Certificate corrupted** — Không thể sử dụng chứng chỉ. Liên hệ với nơi phát hành chứng chỉ.

Thay đổi cài đặt về độ tin cậy

Trước khi thay đổi bất kỳ cài đặt chứng chỉ nào, bạn cần đảm bảo rằng bạn thật tin người sở hữu chứng chỉ và chứng chỉ này thật sự thuộc sở hữu của người được liệt kê trong danh sách.

Di chuyển đến một chứng chỉ hợp lệ và chọn **Options > Trust settings**. Tùy theo loại chứng chỉ được chọn, một danh sách các ứng dụng có thể dùng đến chứng chỉ này sẽ được hiển thị. Ví dụ:

- **Symbian installation: Yes** — Chứng chỉ có thể xác nhận nguồn gốc của hệ điều hành Symbian mới.
- **Internet: Yes** — Chứng chỉ có thể chứng nhận các máy chủ.
- **App. installation: Yes** — Chứng chỉ có thể chứng nhận nguồn gốc của ứng dụng Java mới.

Chọn **Options > Edit trust setting** để thay đổi giá trị.



Call divert-Chuyển hướng cuộc gọi

Call divert cho phép bạn chuyển hướng các cuộc gọi đến hộp thư thoại hoặc một số điện thoại khác. Để biết thêm chi tiết, xin liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ.

- 1 Bấm , và chọn **Tools > Settings > Call divert.**
- 2 Chọn cuộc gọi bạn muốn chuyển hướng: **Voice calls**, **Data and video calls**, hoặc **Fax calls**.
- 3 Chọn tùy chọn chuyển hướng theo ý muốn. Để chuyển hướng các cuộc gọi thoại khi máy bận hoặc khi bạn từ chối cuộc gọi đến, chọn **If busy**.
- 4 Bật (**Activate**) hoặc tắt (**Cancel**) tùy chọn chuyển hướng hoặc kiểm tra xem tùy chọn nào đang được kích hoạt (**Check status**). Bạn có thể khởi động nhiều tùy chọn chuyển hướng cùng một lúc.

Khi tất cả cuộc gọi được chuyển hướng,  sẽ hiển thị ở chế độ chờ.

Bạn không thể sử dụng tính năng chặn cuộc gọi và chuyển hướng cuộc gọi cùng lúc.



Call barring - Chặn cuộc gọi

Chức năng **Call barring** cho phép bạn hạn chế cuộc gọi đi hoặc nhận cuộc gọi đến điện thoại của bạn. Để thay đổi các cài đặt này, bạn cần mật mã chặn cuộc gọi do nhà cung cấp dịch vụ cung cấp. Chọn tùy chọn chặn cuộc gọi bạn muốn và bật (**Activate**) hoặc tắt (**Cancel**) chức năng này hoặc kiểm tra xem chức năng này đã được kích hoạt chưa (**Check**

status). **Call barring** sẽ ảnh hưởng đến tất cả các cuộc gọi, bao gồm các cuộc gọi dữ liệu.

Bạn không thể sử dụng tính năng chặn cuộc gọi và chuyển hướng cuộc gọi cùng lúc.

Khi đã chặn các cuộc gọi, bạn vẫn có thể dùng điện thoại để gọi các số điện thoại khẩn cấp.



Network-Mạng

Điện thoại của bạn có thể tự động chuyển đổi giữa các mạng GSM và UMTS. Mạng GSM được chỉ báo bằng  khi ở chế độ chờ. Mạng UMTS được chỉ báo bằng **3G**.

Network mode (chỉ hiển thị khi được nhà điều hành mạng hỗ trợ) — Chọn mạng để sử dụng. Nếu bạn chọn **Dual mode**, điện thoại sẽ tự động chọn mạng GSM hoặc UMTS tùy thuộc vào các thông số mạng và thỏa thuận hòa mạng giữa các nhà điều hành mạng. Liên hệ với nhà điều hành mạng để biết thêm chi tiết.

Operator selection — Chọn **Automatic** để cài điện thoại tìm và chọn một trong các mạng hiện có hoặc **Manual** để chọn mạng trong danh sách mạng theo cách thủ công. Nếu việc kết nối vào mạng bạn tự chọn không thành công, điện thoại sẽ báo lỗi và yêu cầu bạn chọn lại mạng. Mạng được chọn để kết nối

phải được thỏa thuận chuyển vùng với mạng bạn đăng ký, nghĩa là, nhà điều hành mạng dùng cho thẻ SIM của bạn.



Chú giải: Thỏa thuận hòa mạng là một thỏa thuận giữa hai hoặc nhiều nhà cung cấp dịch vụ mạng cho phép người sử dụng dịch vụ của một nhà cung cấp dịch vụ sử dụng dịch vụ của những nhà cung cấp dịch vụ khác.

Cell info display — Chọn **On** để cài điện thoại chỉ báo khi điện thoại được sử dụng trong mạng di động dựa trên công nghệ mạng MCN và để nhận thông tin về mạng này.



Enhancement-Cài đặt phụ kiện

Các chỉ báo hiển thị khi ở chế độ chờ:

- Tai nghe được kết nối.
- Bộ trợ thính được kết nối.
- Không có tai nghe hoặc kết nối Bluetooth với tai nghe bị mất.

Chọn **Headset**, **Loopset**, hoặc **Bluetooth handsfree** và chọn các tùy chọn sau:

Default profile — Để chọn cấu hình bạn muốn kích hoạt mỗi khi kết nối một phụ kiện nào đó với điện thoại. Xem phần "**Profiles—Cài âm báo**", ở trang 23.

Trả lời tự động — Để cài điện thoại tự động trả lời cuộc gọi đến sau 5 giây. Nếu kiểu chuông báo được cài sang **Beep once** hoặc **Silent** sẽ tắt chức năng trả lời tự động.



Cài đặt màn hình phụ

Brightness — Để thay đổi độ sáng của màn hình phụ, đóng nắp lại và điều chỉnh độ sáng trên màn hình phụ bằng nút điều khiển.

Wallpaper — Chọn hình nền và cách hiển thị thời gian trên màn hình phụ khi ở chế độ chờ.

Power saver — Chọn chế độ tiết kiệm nguồn và thời gian kích hoạt màn hình phụ, và chọn hiển thị màn hình riêng ở dạng hình tĩnh hoặc hình động sau khoảng thời gian và trước khi chế độ tiết kiệm pin được kích hoạt.



Lệnh thoại

Bạn có thể sử dụng các lệnh thoại để điều khiển điện thoại của bạn. Để biết thêm thông tin về các lệnh thoại được điện thoại hỗ trợ, xem phần "[Quay số bằng khẩu lệnh](#)", ở trang 28.

Để kích hoạt lệnh thoại khởi động ứng dụng hoặc cấu hình, bạn phải mở ứng dụng **Voice com.** và thư mục **Profiles** của ứng dụng này. Bấm , và chọn **Tools > Voice com. > Profiles**; điện thoại sẽ tạo khẩu lệnh cho ứng dụng và cấu hình. Ngay bây giờ, bạn có thể sử dụng chức năng lệnh thoại bằng cách bấm và giữ phím chụp ảnh và đọc lệnh thoại. Lệnh thoại là tên của ứng dụng hoặc cấu hình được hiển thị trong danh sách.

Để thêm ứng dụng vào danh sách, chọn **Options > New application**. Để thêm lệnh thoại thứ hai được sử dụng để khởi động ứng dụng, di chuyển đến lệnh thoại đó, chọn **Options > Change command**, và nhập lệnh thoại vào dưới dạng văn bản. Tránh sử dụng các tên quá ngắn, từ rút ngắn và từ viết tắt.

Để thay đổi cài đặt lệnh thoại, chọn **Options > Settings**. Để tắt bộ tổng hợp phát lại các khẩu lệnh và lệnh thoại bằng ngôn ngữ được chọn trên điện thoại, chọn **Synthesiser > Off**. Để cài lại chức năng học nhận biết giọng nói, ví dụ như khi người sử dụng

chính của điện thoại đã thay đổi, chọn **Remove my adapts..**



Chương trình quản lý ứng dụng

Bấm , và chọn **Tools > Manager**. Bạn có thể cài đặt hai loại ứng dụng và phần mềm vào điện thoại:

- Ứng dụng J2ME™ dựa trên công nghệ Java™ có phần mở rộng là .jad hoặc .jar ().
- Các ứng dụng và phần mềm khác tương thích với hệ điều hành Symbian (). Các tập tin cài đặt có phần mở rộng .sis. Chỉ cài đặt phần mềm được thiết kế dành riêng cho điện thoại Nokia N90. Nhà cung cấp phần mềm sẽ thường đề cập đến số hiệu chính thức của sản phẩm này: Nokia N90-1.

Bạn có thể nhận các tập tin cài đặt từ máy tính tương thích về điện thoại, tải về trong khi trình duyệt hoặc nhận dưới dạng tin nhắn đa phương tiện, dưới dạng tập tin đính kèm e-mail hoặc sử dụng qua Bluetooth. Bạn có thể sử dụng Nokia Application Installer trong Nokia PC Suite để cài đặt ứng dụng vào điện thoại hoặc thẻ nhớ. Nếu bạn sử dụng Microsoft Windows Explorer để truyền tập tin, lưu tập tin vào thẻ nhớ (đĩa cục bộ trong điện thoại).



Ví dụ: Nếu bạn đã nhận tập tin cài đặt dưới dạng tập tin đính kèm e-mail, hãy vào hộp thư của bạn, mở e-mail, mở tập tin đính kèm, di chuyển đến tập tin cài đặt và bấm  để bắt đầu cài đặt.

Cài đặt phần mềm và ứng dụng



Mẹo! Bạn cũng có thể sử dụng Nokia Application Installer hiện có trong Nokia PC Suite để cài đặt các ứng dụng. Xem trong đĩa CD được cung cấp kèm theo điện thoại.

Các biểu tượng của ứng dụng gồm:  ứng dụng .sis;  ứng dụng Java;  ứng dụng chưa được cài đặt hoàn chỉnh;  ứng dụng đã được cài vào thẻ nhớ.



Chú ý: Chỉ cài đặt và sử dụng các ứng dụng và phần mềm khác từ các nguồn đảm bảo tính bảo mật và bảo vệ chống lại phần mềm có hại.

Trước khi cài đặt, lưu ý các điểm sau:

- Để xem loại ứng dụng, số phiên bản, và nhà cung cấp hoặc nhà sản xuất ứng dụng, chọn **Options > View details**.
- Để hiển thị chi tiết chứng chỉ bảo mật của ứng dụng, chọn **Options > View certificate**. Xem phần "**Quản lý chứng chỉ**", ở trang 121.

- Nếu bạn cài đặt tập tin có chứa phiên bản cập nhật hoặc bản sửa lỗi cho ứng dụng hiện tại, bạn chỉ có thể khôi phục lại ứng dụng gốc nếu bạn có tập tin cài đặt gốc hoặc bản dự phòng đầy đủ của bộ phần mềm ứng dụng đã gỡ bỏ. Để khôi phục ứng dụng gốc, gỡ bỏ ứng dụng và cài đặt lại ứng dụng từ tập tin cài đặt gốc hoặc bản dự phòng.
 - Bạn sẽ được yêu cầu tập tin .jar để cài đặt ứng dụng Java. Nếu không có, điện thoại sẽ yêu cầu bạn tải tập tin này về. Nếu không có điểm truy cập nào được xác nhận cho ứng dụng, bạn sẽ được yêu cầu chọn một điểm truy cập. Trong quá trình tải tập tin .jar về, bạn cần phải nhập tên thuê bao và mật mã để truy cập vào server. Nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp ứng dụng sẽ cung cấp cho bạn tên thuê bao và mật mã.
- 1 Mở **Manager** và di chuyển đến tập tin cài đặt. Cách khác, tìm trong bộ nhớ điện thoại hoặc thẻ nhớ trong **File mgr.**, hoặc mở tin nhắn trong **Messaging > Inbox** có chứa tập tin cài đặt. Chọn ứng dụng và bấm  để khởi động quá trình cài đặt.
-  **Mẹo!** Trong khi trình duyệt, bạn có thể tải tập tin cài đặt về và cài đặt mà không cần ngắt kết nối.

2 Chọn **Options** > **Install**.

Trong khi cài đặt, điện thoại sẽ hiển thị thông tin liên quan đến tiến trình cài đặt. Nếu bạn cài đặt ứng dụng không có chữ ký kỹ thuật số hoặc chứng chỉ, điện thoại sẽ hiển thị một cảnh báo. Bạn chỉ tiếp tục cài đặt nếu bạn đã chắc chắn nguồn gốc và nội dung ứng dụng.

Để khởi động một ứng dụng đã cài đặt, định vị ứng dụng này trong menu và bấm .

Để kết nối mạng và xem thông tin bổ sung về ứng dụng, di chuyển đến ứng dụng đó và chọn **Options** > **Go to web address**, nếu có.

Để xem gói phần mềm ứng dụng nào đã được cài đặt hoặc gỡ bỏ và được thực hiện vào lúc nào, chọn **Options** > **View log**.

Để gửi nhật ký cài đặt của bạn đến trung tâm trợ giúp để thông báo ứng dụng nào đã được cài đặt hoặc gỡ bỏ, chọn **Options** > **Send log** > **Via text message** hoặc **Via e-mail** (chỉ có nếu địa chỉ e-mail được cài đặt đúng).

Gỡ bỏ ứng dụng và phần mềm

Di chuyển đến một phần mềm và chọn **Options** > **Remove**. Chọn **Yes** để xác nhận.

Nếu bạn gỡ bỏ phần mềm, bạn chỉ có thể cài đặt lại phần mềm này nếu bạn có bộ phần mềm gốc hoặc một bản dự phòng đầy đủ của bộ phần mềm bị gỡ bỏ. Nếu bạn gỡ bỏ bộ phần mềm, bạn sẽ không mở được các tài liệu được tạo bằng phần mềm đó nữa.



Lưu ý: Nếu có bộ phần mềm khác phụ thuộc vào phần mềm bị gỡ bỏ, bộ phần mềm đó có thể không hoạt động được nữa. Tham khảo tài liệu về bộ phần mềm để biết chi tiết.

Cài đặt ứng dụng

Chọn **Options** > **Settings** và chọn một trong các tùy chọn sau:

Software installation — Chọn nếu có thể cài đặt phần mềm Symbian: **On**, **Signed only**, hoặc **Off**.

Online certif. check — Chọn để kiểm tra các chứng chỉ trực tuyến trước khi cài đặt ứng dụng.

Default web address — Cài đặt địa chỉ mặc định khi kiểm tra các chứng chỉ trực tuyến.

Một số ứng dụng Java có thể yêu cầu thực hiện cuộc gọi, gửi tin nhắn, hoặc kết nối mạng đến điểm truy cập được chỉ định để tải về các dữ liệu hoặc thành phần bổ sung. Trong cửa sổ **Manager** chính, di chuyển đến một ứng dụng và chọn **Options > Suite settings** để thay đổi các cài đặt liên quan đến ứng dụng riêng biệt đó.



Activation keys—xử lý các tập tin được bảo vệ bản quyền

Việc bảo vệ bản quyền có thể sẽ không cho phép sao chép, chỉnh sửa hay chuyển tiếp một số hình ảnh, nhạc (bao gồm kiểu chuông) hay nội dung khác.

Bấm **⚙**, và chọn **Tools > Activ. keys** để xem các phím khởi động bản quyền kỹ thuật số được lưu trong điện thoại của bạn:

- Các phím hợp lệ (**✓**) được kết nối với một hoặc nhiều tập tin media.
- Với các phím đã hết hạn (**✗**), bạn không có thời gian để sử dụng tập tin media hoặc thời hạn sử dụng tập tin đã hết. Để xem các phím khởi động **Expired**, bấm **⌚**.

Để mua thêm thời gian sử dụng hoặc gia hạn thời gian sử dụng tập tin media, chọn một phím khởi động và **Options > Activate content**. Các phím khởi động không thể cập nhật được nếu chức năng nhận tin nhắn dịch vụ Web bị tắt. Xem phần **"Tin nhắn dịch vụ Web"**, ở trang 84.

Để xem các phím nào hiện không được sử dụng (**Not used**), bấm **⌚** hai lần. Các phím khởi động không sử dụng sẽ không được kết nối với tập tin media nào được lưu trong điện thoại.

Để xem các thông tin chi tiết như tình trạng hợp lệ và khả năng gửi tập tin, chọn một phím khởi động và bấm **⌚**.

Giải quyết sự cố

Hỏi&Đáp

Khả năng kết nối Bluetooth

Hỏi: Tại sao tôi không tìm thấy máy của bạn tôi?

Đáp: Kiểm tra xem cả hai thiết bị đã kích hoạt kết nối Bluetooth chưa.

Hãy kiểm tra xem khoảng cách giữa hai thiết bị có vượt quá 10 mét và giữa chúng có các bức tường chắn hoặc chướng ngại vật nào không.

Kiểm tra xem thiết bị cần kết nối có ở chế độ ẩn hay không.

Kiểm tra xem cả hai thiết bị có tương thích không.

Hỏi: Vì sao tôi không thể ngắt kết nối Bluetooth?

Đáp: Nếu có một thiết bị khác kết nối với điện thoại, bạn có thể ngắt kết nối từ thiết bị đó hoặc ngưng kích hoạt kết nối Bluetooth. Bấm  và chọn **Connect.** > **Bluetooth** > **Off.**

Nhắn tin đa phương tiện

Hỏi: Tôi nên làm gì nếu điện thoại không thể nhận tin nhắn đa phương tiện vì bộ nhớ đã đầy?

Đáp: Dung lượng bộ nhớ cần thiết sẽ được chỉ báo trong thông báo lỗi: **Not enough memory to retrieve message. Delete some data first.** Để xem

loại dữ liệu bạn đang có và dung lượng bộ nhớ đã dùng cho từng nhóm dữ liệu, bấm  và chọn **Tools** > **File manager** > **Options** > **Memory details.**

Hỏi: Ghi chú **Retrieving message** sẽ được hiển thị nhanh trên màn hình. Chuyện gì đang xảy ra?

Đáp: Điện thoại đang cố nhận tin nhắn đa phương tiện về từ trung tâm nhắn tin đa phương tiện.

Kiểm tra xem cài đặt tin nhắn đa phương tiện được xác nhận đúng chưa và không có lỗi nào trong phần nhập số điện thoại và địa chỉ. Bấm , và chọn **Messaging** > **Options** > **Settings** > **Multimedia message.**

Hỏi: Làm thế nào để ngắt kết nối dữ liệu khi điện thoại cứ lặp đi lặp lại phiên kết nối?

Đáp: **Messaging** > **Options** > **Settings** > **Multimedia message** > **Multimedia retrieval** — Để kiểm soát việc tải về các tin nhắn đa phương tiện về theo cách thủ công, chọn **Manual**. Khi bạn nhận được tin nhắn đa phương tiện, điện thoại sẽ hỏi xem bạn có muốn tải tin nhắn này về hay không. Để từ chối nhận tin nhắn đa phương tiện, chọn **Off**.

Messaging > Options > Settings > E-mail settings > Mailboxes > Automatic retrieval > Header retrieval > Off — Để tắt chức năng tự động tải tiêu đề. Bạn vẫn có thể tải tiêu đề về điện thoại theo cách thủ công.

Nhắn tin

Hỏi: Vì sao tôi không thể chọn số liên lạc?

Đáp: Thẻ liên lạc có thể không có số điện thoại hay địa chỉ email. Hãy thêm các thông tin còn thiếu này vào thẻ liên lạc trong **Contacts**. Các mục chỉ được lưu trên thẻ SIM sẽ không hiển thị trong danh mục liên lạc. Để copy các số liên lạc từ thẻ SIM sang **Contacts**, xem phần "**Copy số liên lạc**", ở trang 40.

Camera

Hỏi: Vì sao hình ảnh có vẻ lem nhem?

Đáp: Kiểm tra xem cửa sổ bảo vệ ống kính camera có sạch không.

Hỏi: Tại sao ứng dụng camera không có trong menu chính?

Đáp: Trong chế độ chờ, ứng dụng camera sẽ được khởi động khi bạn kích hoạt chế độ Imaging hoặc chế độ Camera. Xem phần "**Các chế độ**", ở trang 11.

Lịch

Hỏi: Tạo sao các số trong tuần bị thiếu?

Đáp: Nếu bạn đã thay đổi cài đặt lịch, ngày đầu tuần không phải là Thứ Hai, số tuần sẽ không hiển thị.

Các dịch vụ trình duyệt

Hỏi: Tôi phải làm sao nếu gặp thông báo sau: **No valid access point defined. Define one in Web settings.**?

Đáp: Hãy thêm các thông số cài đặt trình duyệt phù hợp. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để được hướng dẫn thêm.

Nhật ký

Hỏi: Vì sao trong nhật ký trống?

Đáp: Có thể bạn đã dùng chức năng lọc, và không có sự kiện liên lạc nào gửi đến máy bạn thỏa điều kiện lọc mà bạn đã chọn. Để xem tất cả các sự kiện, bấm  và chọn **My own > Log**. Di chuyển sang phải và chọn **Options > Filter > All communication**.

Hỏi: Làm thế nào để xóa thông tin nhật ký?

Đáp: Để xóa nhật ký, bấm  và chọn **My own > Log**. Di chuyển sang phải và chọn **Options > Clear log** hoặc chọn **Settings > Log duration > No log**. Các thao tác này sẽ xóa vĩnh viễn nội dung nhật ký, nhật ký các cuộc gọi mới nhất và báo cáo gửi tin nhắn cố định.

Kết nối với máy PC

Hỏi: Vì sao tôi không thể thiết lập kết nối điện thoại với máy PC?

Đáp: Bạn cần đảm bảo rằng bộ phần mềm Nokia PC Suite đã được cài đặt và đang hoạt động trên máy PC. Xem Hướng dẫn Sử dụng Nokia PC Suite trên đĩa CD. Nếu Nokia PC Suite đã được cài đặt và hoạt động, bạn có thể sử dụng chức năng Nokia Get connected wizard hiện có trong Nokia PC Suite để kết nối với máy PC. Để biết thêm thông tin về cách sử dụng Nokia PC Suite, xem phần trợ giúp trên Nokia PC Suite hoặc vào trang hỗ trợ www.nokia-asia.com.

Mã truy cập

Hỏi: Các mã khóa, mã PIN và mã PUK là gì?

Đáp: Mã khóa mặc định là **12345**. Nếu bạn quên hoặc làm mất mã khóa, liên hệ với đại lý bán lẻ của bạn.

Nếu bạn quên hoặc làm mất mã PIN hoặc mã PUK, hoặc nếu bạn không nhận được các mã này, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ mạng.

Để biết thêm thông tin về mật mã, liên hệ với nhà cung cấp điểm truy cập, ví dụ nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP), nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà điều hành mạng.

Ứng dụng bị treo

Hỏi: Làm thế nào để đóng một ứng dụng đang bị treo?

Đáp: Mở cửa sổ hoàn chuyển ứng dụng bằng cách bấm và giữ . Sau đó di chuyển đến ứng dụng và bấm  để đóng ứng dụng.

Màn hình

Hỏi: Vì sao có hiện tượng thiếu, phai màu hay có các chấm sáng xuất hiện trên màn hình mỗi khi tôi bật điện thoại của mình?

Đáp: Đây là một đặc tính của loại màn hình này. Một số màn hình có thể chứa các điểm ảnh hoặc dấu lấm chấm đang nhấp nháy. Đây là điều bình thường, không phải lỗi màn hình.

Không đủ bộ nhớ

Hỏi: Tôi nên làm gì nếu bộ nhớ gần đầy?

Đáp: Bạn có thể thường xuyên xóa một số mục dữ liệu để tránh tình trạng thiếu hụt bộ nhớ:

- Tin nhắn trong các thư mục **Inbox**, **Drafts**, và **Sent** trong phần **Messaging**
- Các tin nhắn e-mail đã tải về từ bộ nhớ điện thoại
- Các trang trình duyệt đã lưu
- Hình ảnh và hình chụp trong **Gallery**

Để xóa thông tin liên lạc, ghi chú lịch, thời gian gọi, cuộc cuộc gọi, điểm trò chơi hoặc bất kỳ dữ liệu nào khác, hãy vào ứng dụng tương ứng để xóa dữ liệu. Nếu bạn xóa nhiều mục dữ liệu cùng lúc và gặp phải một trong các thông báo sau: **Not enough memory to perform operation. Delete some data first.** hoặc **Memory low. Delete some data.**, hãy xóa lần lượt từng mục (bắt đầu từ mục nhỏ nhất).

Hỏi: Tôi phải làm cách nào để lưu dữ liệu trước khi xóa chúng?

Đáp: Bạn có thể lưu dữ liệu bằng một trong các cách sau:

- Sử dụng Nokia PC Suite để tạo bản sao lưu tất cả dữ liệu vào một máy tính tương thích.
- Gửi hình ảnh đến địa chỉ e-mail, sau đó lưu hình ảnh vào máy tính của bạn.
- Sử dụng kết nối Bluetooth để chuyển dữ liệu đến một thiết bị tương thích.
- Lưu dữ liệu trên thẻ nhớ tương thích.

Thông tin về pin

Sạc và Xả pin

Điện thoại được cấp điện bằng một loại pin có thể sạc lại được. Lưu ý rằng pin mới chỉ nạp đầy điện sau hai hoặc ba lần sạc và xả pin. Pin có thể được sạc và xả hàng trăm lần nhưng cuối cùng cũng sẽ hư. Khi thời gian thoại và thời gian chờ ngắn hơn bình thường, đó là lúc bạn cần thay pin mới. Chỉ sử dụng pin và bộ sạc được Nokia phê chuẩn và được thiết kế cho riêng kiểu điện thoại này.

Rút dây bộ sạc ra khỏi ổ cắm điện và điện thoại khi không sử dụng. Không để pin gần với bộ sạc. Độ bền của pin có thể bị giảm do sạc quá lâu. Nếu để pin sạc đầy nhưng không sử dụng thì pin sẽ tự xả theo thời gian.

Nếu pin đã hết hoàn toàn, phải mất vài phút chỉ báo sạc pin mới xuất hiện trên màn hình hoặc trước khi bạn có thể thực hiện bất kỳ cuộc gọi nào.

Chỉ sử dụng pin đúng mục đích. Không sử dụng bộ sạc hoặc pin đã bị hư.

Không nên để pin chạm mạch. Việc chạm mạch có thể bất ngờ xảy ra khi để một vật bằng kim loại ví dụ như đồng tiền, kẹp giấy hoặc bút bi tiếp xúc trực tiếp với cực (+) và cực (-) của pin. (Những vật này giống như mảnh kim loại trên pin.) Điều này có thể xảy ra, ví dụ như khi

bạn mang pin dự phòng trong túi hoặc ví. Việc chạm mạch các cực pin có thể làm hư pin hoặc vật nổi hai cực.

Để pin trong môi trường nóng hoặc lạnh, chẳng hạn như trong xe đóng kín cửa vào mùa đông hoặc mùa hè sẽ làm giảm điện tích và độ bền của pin. Nên giữ pin luôn ở nhiệt độ khoảng từ 15°C đến 25°C (59°F đến 77°F). Điện thoại sẽ tạm ngừng hoạt động khi pin nóng hoặc lạnh, ngay cả khi pin được sạc đầy. Hoạt động của pin đặc biệt bị giới hạn ở nhiệt độ dưới đông.

Không được bỏ pin vào trong lửa vì pin có thể nổ. Pin bị hỏng cũng có thể gây nổ. Bỏ pin theo quy định của địa phương. Tái chế lại pin nếu có thể. Không được bỏ pin như rác sinh hoạt.

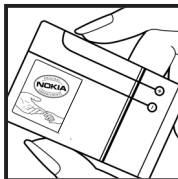
Hướng dẫn xác nhận pin Nokia

Hãy luôn sử dụng các loại pin chính hãng Nokia để đảm bảo an toàn cho bạn. Để chắc chắn là bạn đang sử dụng pin chính hãng Nokia, hãy mua pin tại đại lý phân phối Nokia được ủy quyền, xem xét logo Phụ kiện Chính hãng Nokia trên bao bì và kiểm tra nhãn ảnh ba chiều theo các bước sau:

Việc thực hiện đầy đủ hai bước cũng không phải là đảm bảo xác thực pin chính hãng. Nếu bạn có bất cứ nghi ngờ rằng pin của bạn không phải là phụ kiện chính hãng Nokia, bạn nên ngưng sử dụng ngay lập tức. Nếu bạn không thể xác nhận pin, hãy trả lại pin cho nơi bán.

Xác nhận ảnh ba chiều

- 1 Khi nhìn vào ảnh ba chiều trên nhãn, bạn phải thấy được biểu tượng hai bàn tay kết nối của Nokia từ một góc độ nhất định và logo Phụ kiện Chính hãng Nokia khi nhìn từ góc độ khác.
- 2 Khi bạn nghiêng ảnh ba chiều sang trái, phải, trên và dưới, bạn phải thấy được 1, 2, 3 và 4 điểm lần lượt trên mỗi cạnh.



Phải làm gì khi pin của bạn không phải là chính hãng?

Nếu bạn không thể xác nhận pin Nokia của bạn qua hình nổi ba chiều trên nhãn là pin chính hãng Nokia, đề nghị bạn không sử dụng pin này. Việc sử dụng pin không được nhà sản xuất phê chuẩn có thể gây nguy hiểm, hiệu năng hoạt động kém hoặc gây hại cho thiết bị và phụ kiện. Điều này cũng có thể làm mất hiệu lực của các phê chuẩn hay bảo hành đối với thiết bị.

Để biết thêm thông tin về các loại pin chính hãng Nokia, hãy vào trang web www.nokia-asia.com/batterycheck.



Phụ kiện chính hãng Nokia

Một loạt phụ kiện hiện đang có sẵn cho điện thoại của bạn. Chọn các phụ kiện thích hợp với nhu cầu liên lạc của riêng mình. Danh sách các phụ kiện tương thích:

Âm thanh

Tai nghe	HS-5
Bộ tai nghe	HDB-4
Tai nghe FM Radio	HS-2R
Bộ tai nghe không dây	HDW-3
Tai nghe không dây Clip-on	HS-21W
Bộ tai nghe không dây	HS-4W
Tai nghe không dây	HS-11W
Tai nghe hình ảnh không dây	HS-13W
Bộ trợ thính cảm ứng	LPS-4
Thiết bị nối TTY	HDA-10

Trên xe

Bộ tai nghe có tựa đầu	BHF-3
Tai nghe trên xe Plug-in	HF-3
Tai nghe trên xe Plug-in Không dây	HF-6W
Bộ phụ kiện dùng trên xe không dây	CK-1W
Bộ phụ kiện trên xe cao cấp	CK-7W
Bộ sạc Di động (LCH-12 nâng cấp)	DC-4

Vỏ điện thoại

Vỏ không thể thay đổi

Dữ liệu

Môđun GPS vô tuyến	LD-1W
Cáp kết nối	DKU-2
Thẻ nhớ MMC 128 MB	MU-2
Thẻ nhớ MMC 256 MB	MU-9

Hình ảnh

Camera Nokia Từ xa	PT-6
--------------------	------

Nhấn tin

Bàn phím không dây SU-8W

Bút Kỹ thuật số SU-1B

Điện nguồn

Bộ sạc gọn nhẹ AC-3

Một vài phụ kiện được mô tả chi tiết dưới đây.

Để biết thêm về các phụ kiện có sẵn, liên hệ với đại lý tại địa phương. Sau đây là một số hướng dẫn thực tế về cách sử dụng phụ kiện:

- Để phụ kiện ngoài tầm tay trẻ em.
- Khi bạn rút dây dẫn của bất kỳ phụ kiện nào ra, cắm vào phích cắm, không nên kéo dây.
- Thường xuyên kiểm tra mọi thiết bị điện thoại di động trong xe đã được lắp và vận hành đúng chưa.

Chỉ sử dụng pin, bộ sạc và phụ kiện do nhà sản xuất điện thoại kiểm duyệt. Việc sử dụng bất kỳ loại nào khác sẽ làm mất hiệu lực kiểm duyệt hoặc bảo hành và có thể gây nguy hiểm.

Pin

Loại	Công nghệ	Thời gian thoại#	Thời gian chờ#
BL-5B	Li-Ion	đạt 4 giờ 30 phút (GSM), đạt 2 giờ 20 phút (WCDMA)	đạt 10 ngày

Thời gian hoạt động có thể thay đổi tùy thuộc thẻ SIM, các cài đặt mạng và sử dụng, cách thức và môi trường sử dụng.

Bộ tai nghe không dây HS-4W

Thoải mái hơn với Bộ tai nghe không dây Nokia. Cho dù bạn phải đi họp gấp hay chỉ đi dạo, bạn không cần phải lục tìm điện thoại trong túi hoặc áo choàng để nhận cuộc gọi.

Sự thuận tiện của tính năng không cần dùng tay sẽ cho bạn cảm giác hài lòng khi sử dụng bộ tai nghe nhẹ và tiện nghi này.

Công nghệ mang tính tạo nhĩ và tiện nghi này được trau chuốt cho phù hợp với nhu cầu và nhịp điệu cuộc sống của bạn, dành cho cả kinh doanh lẫn giải trí. Đừng bỏ qua bước tiến này.

- Tai nghe không dây tiện lợi và hợp thời trang
- Công nghệ vô tuyến Bluetooth
- Xử lý cuộc gọi thuận tiện từ bộ tai nghe
- Chức năng không cần dùng tay để sử dụng
- Chuyển đổi qua lại dễ dàng giữa hai tai
- Đèn LED chỉ báo tình trạng

Tai nghe Nokia trên xe Plug-in Không dây HF-6W



Thoải mái khi lái xe trên đường với Tai nghe trên xe Plug-in không dây Nokia. Thiết bị nhỏ gọn này giao tiếp với điện thoại tương thích của bạn qua công nghệ vô tuyến Bluetooth trong phạm vi 10 mét. "Định vị nguồn âm thanh" sử dụng bốn micro có khả năng chọn từ 19 hướng để định hướng phát nguồn âm thanh và loại bỏ nhiễu tạp âm từ những hướng khác. Hơn nữa, đây là thiết bị dễ cài đặt - chỉ cần cắm vào ổ cắm bật lửa điện trên xe.

Các tính năng chính:

- Kết nối vô tuyến với điện thoại tương thích qua công nghệ Bluetooth
- Công nghệ định vị nguồn âm thanh giúp giảm nhiễu tạp âm nền
- Trả lời và kết thúc cuộc gọi và điều chỉnh âm lượng bằng các phím tích hợp
- Cài đặt chỉ với một động tác: cắm vào ổ cắm bật lửa điện trên xe
- Cáp có thể thu gọn để nạp pin cho điện thoại khi đang di chuyển

Bàn phím không dây Nokia SU-8W



Tăng cường năng suất với Bàn phím Không dây Nokia. Soạn e-mail, tin nhắn văn bản, hoặc ghi chú cuộc họp nhanh chóng và dễ dàng với bàn phím QWERTY đầy đủ chức năng. Với thiết kế nhỏ, nhẹ, xếp lại được, Bàn phím Không dây Nokia thuận tiện trong việc sử dụng và mang theo, đồng thời là một công cụ hoàn hảo cho văn phòng không dây di động của bạn.

Các tính năng chính:

- Bàn phím QWERTY gọn nhẹ, xếp lại được
- Phím bật/tắt nguồn cộng với chức năng tự động tắt nguồn khi được xếp lại
- Các phím tắt dành cho chức năng nhắn tin và menu ứng dụng chính của điện thoại tương thích
- Kết nối vô tuyến với điện thoại tương thích (công nghệ vô tuyến Bluetooth)
- Đèn LED chỉ thị 3 tình huống: Bật/tắt nguồn, trạng thái kết nối không dây, tình trạng pin
- Được cấp nguồn bằng 2 pin AAA

Giữ gìn và Bảo trì

Điện thoại là sản phẩm được thiết kế cao cấp và tinh vi, vì vậy phải được giữ gìn cẩn thận. Những đề nghị sau đây sẽ giúp bạn thực hiện tốt các quy định bảo hành.

- Giữ điện thoại khô ráo. Chất kết tủa, độ ẩm và tất cả các loại chất lỏng hoặc ẩm ướt có chứa khoáng chất sẽ ăn mòn các mạch điện tử. Nếu điện thoại bị ẩm ướt, tháo pin ra khỏi điện thoại và để điện thoại thật khô trước khi đặt pin trở lại.
- Không nên sử dụng hoặc đặt điện thoại ở những nơi có bụi bẩn. Các bộ phận di động và các linh kiện điện tử của điện thoại có thể bị hư.
- Không nên cất điện thoại ở những nơi khô nóng. Nhiệt độ cao có thể làm giảm độ bền của thiết bị điện tử, làm hư pin, cong hoặc cháy một số linh kiện nhựa.
- Không nên cất điện thoại ở những nơi quá lạnh. Khi điện thoại trở về nhiệt độ bình thường của nó, hơi ẩm đọng lại trong điện thoại sẽ gây hư hỏng các bản mạch điện tử.
- Không tìm cách mở điện thoại khác với những điều chỉ dẫn trong sách hướng dẫn này.
- Không làm rơi, đập, hoặc lắc điện thoại. Việc dùng mạnh tay có thể làm hư các bản mạch điện tử bên trong điện thoại.

- Không sử dụng hóa chất mạnh, chất tẩy rửa, hoặc xà phòng đậm đặc để lau chùi điện thoại.
- Không được sơn điện thoại. Nước sơn có thể làm nghẽn các bộ phận di động và khiến điện thoại hoạt động không chính xác.
- Dùng miếng vải mềm, sạch và khô để lau chùi các ống kính (ví dụ như camera, bộ cảm biến khoảng cách, và bộ cảm biến ánh sáng).
- Chỉ sử dụng ăng-ten được cung cấp hoặc ăng-ten thay thế đã qua kiểm duyệt. Việc sửa đổi hoặc lắp ăng-ten không được kiểm duyệt có thể làm hư điện thoại và vi phạm các quy định về các dịch vụ vô tuyến.
- Sử dụng bộ sạc trong nhà.
- Luôn tạo bản dự phòng dữ liệu mà bạn muốn giữ lại (ví dụ như các số liên lạc và ghi chú lịch) trước khi gửi điện thoại của bạn đến dịch vụ sửa chữa.

Tất cả các đề nghị trên sẽ áp dụng chung cho điện thoại, pin, bộ sạc hoặc bất kỳ phụ kiện cải tiến nào. Nếu điện thoại không hoạt động, đem máy đến dịch vụ được ủy quyền gần nhất để được sửa chữa.

Thông tin bổ sung về sự an toàn

Điện thoại và các phụ kiện điện thoại có các linh kiện nhỏ. Giữ các phụ kiện ngoài tầm tay trẻ em.

Môi trường hoạt động

Phải tuân thủ các luật lệ đặc biệt hiện hành ở những nơi có qui định và đồng thời phải luôn tắt điện thoại ở những nơi bị cấm sử dụng, hoặc có thể gây nhiễu sóng hoặc nguy hiểm. Chỉ sử dụng điện thoại ở vị trí vận hành thông thường. Thiết bị này đáp ứng các tiêu chuẩn tiếp xúc RF khi cầm ở vị trí thông thường gần tai hoặc cách xa cơ thể ít nhất 1,5 cm (5/8 inch). Khi sử dụng túi đeo, đai đeo hoặc ngăn chứa để mang điện thoại bên mình, bạn cần đảm bảo các thiết bị này không chứa kim loại và cách xa cơ thể với khoảng cách nêu trên.

Để truyền các tập tin dữ liệu hoặc tin nhắn, thiết bị này cần được kết nối với mạng một cách ổn định. Trong một số trường hợp, việc truyền các tập tin dữ liệu hoặc tin nhắn có thể bị chậm trễ cho đến khi kết nối trên đạt được tính ổn định. Hãy đảm bảo các hướng dẫn về khoảng cách giữa các thiết bị trên được tuân thủ cho đến khi việc truyền dữ liệu hoàn tất.

Các bộ phận của điện thoại có từ tính. Điện thoại có thể hút các vật chất bằng kim loại, và những người có thiết bị trợ thính không nên cầm điện thoại ở tai có đeo thiết bị trợ thính. Không được đặt thẻ tín dụng hoặc các thiết

bị lưu trữ có từ tính khác gần điện thoại vì thông tin được lưu trữ có thể bị xóa.

Thiết bị y tế

Khi sử dụng bất kỳ thiết bị vô tuyến nào, kể cả điện thoại di động, đều có thể gây nhiễu sóng một số chức năng của các thiết bị y tế vốn không được bảo vệ đúng mức. Tham vấn với bác sĩ hoặc nhà sản xuất thiết bị y tế để biết các thiết bị này có được bảo vệ khỏi năng lượng bức xạ sóng vô tuyến không hoặc nếu có bất kỳ thắc mắc nào khác. Tắt điện thoại ở trung tâm y tế khi có dán qui định hướng dẫn ở những nơi này. Bệnh viện hoặc các trung tâm y tế có thể sử dụng thiết bị nhạy với sóng vô tuyến.

Máy điều hòa nhịp tim Các nhà sản xuất máy điều hòa nhịp tim khuyến nghị đặt điện thoại cầm tay vô tuyến cách máy điều hòa nhịp tim tối thiểu là 15,3 cm (6 in) để tránh gây nhiễu sóng. Những khuyến nghị này là kết quả của quá trình nghiên cứu độc lập, đồng thời cũng là khuyến nghị của viện Nghiên cứu Công nghệ Vô tuyến. Người đeo máy điều hòa nhịp tim nên:

- đặt điện thoại cách máy điều hòa nhịp tim ít nhất 15,3 cm (6 in)
- không để điện thoại trong túi áo ngực; và

- nghe bằng tai đối diện với máy điều hòa nhịp tim để giảm thiểu nguy cơ nhiều sóng.

Nếu bạn nghi ngờ có nhiều sóng, tắt và để điện thoại ra xa.

Thiết bị trợ thính Một số thiết bị vô tuyến kỹ thuật số có thể gây nhiễu thiết bị trợ thính. Bạn có thể tham vấn với nhà cung cấp dịch vụ nếu bị nhiễu sóng.

Xe cộ

Một số tín hiệu vô tuyến có thể ảnh hưởng không tốt đến các hệ thống điện tử chưa được bảo vệ đúng mức hoặc lắp đặt không đúng trong các xe mô tô, ví dụ như hệ thống bơm xăng điện tử, hệ thống thắng chống trượt (chống xóc) điện tử, hệ thống kiểm soát tốc độ điện tử, (hệ thống túi đệm khí). Để biết thêm thông tin, kiểm tra với nhà sản xuất hoặc người đại diện về bất kỳ thiết bị nào được gắn trên xe.

Chỉ những nhân viên có khả năng chuyên môn mới được sửa chữa điện thoại di động, hoặc lắp điện thoại trong xe. Lắp đặt sai hoặc sửa điện thoại không đúng có thể gây nguy hiểm và làm mất hiệu lực bảo hành cho sản phẩm. Thường xuyên kiểm tra mọi thiết bị điện thoại di động trong xe đã được lắp và vận hành đúng chưa. Không lưu trữ hoặc chuyên chở các chất lỏng dễ cháy, gas hoặc chất nổ chung với điện thoại, các phụ kiện cài tiến hoặc phụ tùng điện thoại. Đối với xe hơi có trang bị túi đệm khí, xin lưu ý túi đệm khí khi nổ sẽ tạo ra một lực lớn. Không được đặt đồ vật, kể cả thiết bị vô

tuyến lắp sẵn hoặc di động ở khu vực phía trên túi đệm khí hoặc khu vực sử dụng túi đệm khí. Nếu thiết bị vô tuyến trên xe không được lắp đặt đúng thì khi túi đệm khí nổ có thể gây thương tật nghiêm trọng.

Cấm sử dụng điện thoại di động khi ở trên máy bay. Tắt điện thoại di động trước khi máy bay cất cánh. Sử dụng điện thoại vô tuyến trên máy bay có thể gây nguy hiểm cho việc vận hành máy bay, làm gián đoạn mạng điện thoại vô tuyến và có thể xem là bất hợp pháp.

Môi trường có khả năng gây nổ

Tắt điện thoại khi ở trong khu vực dễ phát nổ và phải tuân theo tất cả các bảng hướng dẫn. Môi trường có khả năng gây nổ bao gồm cả các khu vực nơi bạn thường được yêu cầu tắt máy xe. Các tia lửa trong những khu vực như thế có thể phát cháy nổ gây thương tật hoặc thậm chí tử vong. Tắt điện thoại tại các trạm tiếp nhiên liệu, ví dụ như ở gần nơi đổ xăng tại các trạm dịch vụ. Hãy tuân theo các quy định hạn chế việc sử dụng các thiết bị vô tuyến tại các kho hàng, kho lưu trữ và phân phối nhiên liệu, nhà máy hóa chất hoặc khu vực đang tiến hành phá nổ. Những khu vực có khả năng gây nổ không phải luôn được niêm yết rõ ràng. Những khu vực này bao gồm dưới boong tàu, các phương tiện chuyên chở hoặc kho hóa chất, các phương tiện sử dụng khí đốt lỏng (như propan hay butan); ở môi trường không khí có hóa chất hay những hạt nhỏ thóc gạo, bụi hoặc bột kim loại.

Cuộc gọi khẩn cấp



Chú ý: Cũng như các thiết bị vô tuyến khác, điện thoại này sử dụng tín hiệu truyền thanh, mạng vô tuyến và hữu tuyến cũng như các chức năng khác do người sử dụng lập trình. Do đó, các kết nối không đảm bảo trong mọi điều kiện. Bạn không nên chỉ dựa vào điện thoại vô tuyến cho các cuộc liên lạc khẩn cấp như cấp cứu y tế chẳng hạn.

Để gọi khẩn cấp:

- 1 Bật điện thoại nếu chưa bật. Kiểm tra cường độ tín hiệu mạng thích hợp.
Một số mạng có thể yêu cầu phải lắp đúng thẻ SIM hợp lệ vào điện thoại.
- 2 Bấm  nhiều lần để xóa màn hình hiển thị và sẵn sàng cho các cuộc gọi.
- 3 Nhập số điện thoại khẩn cấp chính thức tại nơi ở hiện thời của bạn. Số khẩn cấp thay đổi tùy theo địa phương.
- 4 Bấm phím .

Nếu đang sử dụng một số tính năng nhất định, trước tiên bạn cần tắt các tính năng này mới có thể gọi số khẩn cấp được. Để biết thêm thông tin, tham khảo tài liệu này hoặc tham khảo ý kiến của nhà cung cấp dịch vụ.

Khi gọi số khẩn cấp, cung cấp tất cả thông tin cần thiết càng chính xác càng tốt. Điện thoại vô tuyến có thể là phương tiện liên lạc duy nhất tại hiện trường xảy ra tai nạn. Không nên cúp điện thoại trừ khi được yêu cầu.



Cảnh báo: Trong cấu hình offline, bạn không thể thực hiện (hoặc nhận) các cuộc gọi hoặc sử dụng những tính năng có yêu cầu vùng phủ sóng của mạng, ngoại trừ các cuộc gọi đến các số khẩn cấp nhất định.



Cảnh báo: Bạn không thể thực hiện các cuộc gọi khẩn cấp trong chế độ Imaging vì bàn phím sẽ bị khóa trong chế độ này. Để thực hiện cuộc gọi khẩn cấp, kích hoạt chế độ Nắp gấp mở.

Thông tin về chứng nhận (SAR)

ĐIỆN THOẠI NÀY ĐÁP ỨNG CÁC QUI ĐỊNH QUỐC TẾ VỀ TIẾP XÚC VỚI SÓNG VÔ TUYẾN.

Điện thoại di động của bạn là một thiết bị truyền và nhận sóng vô tuyến. Điện thoại được thiết kế và sản xuất sao cho không vượt quá giới hạn tiếp xúc với tần số vô tuyến (RF) được qui định bởi hướng dẫn quốc tế (ICNIRP). Các giới hạn này là phần hướng dẫn toàn diện và thiết lập các mức độ tiếp xúc sóng vô tuyến cho phép dành cho công chúng. Các hướng dẫn này được triển khai bởi các tổ chức khoa học độc lập định kỳ và qua việc đánh giá các nghiên cứu khoa học. Các hướng dẫn này bao gồm một ngưỡng an toàn đáng kể được thiết kế để bảo đảm an toàn cho tất cả mọi người, bất kể tuổi tác cũng như sức khỏe.

Tiêu chuẩn tiếp xúc dành cho thiết bị di động áp dụng một đơn vị đo được gọi là Tỷ lệ Hấp thụ Riêng, hoặc SAR. Giới hạn SAR được nêu trong hướng dẫn quốc tế là 2,0 W/kg*. Các thử nghiệm về SAR được tiến hành theo vị trí vận hành chuẩn khi điện thoại truyền ở mức năng lượng được chứng nhận là cao nhất trong mọi băng tần thử nghiệm. Mặc dù SAR được kiểm tra ở mức năng lượng cao nhất, nhưng mức SAR thực sự của điện thoại trong khi vận hành có thể dưới giá trị cực đại này. Lý do là thiết bị này được thiết kế để vận hành ở nhiều mức năng lượng để chỉ sử dụng năng lượng mà mạng yêu cầu. Nói chung, nếu bạn càng gần trạm phát, thì năng lượng phát ra càng thấp.

Giá trị SAR cao nhất cho kiểu điện thoại này được thử nghiệm khi đặt ở tai là 0,87 W/kg.

Giá trị SAR có thể khác nhau tùy thuộc vào các yêu cầu thử nghiệm và báo cáo trong nước, cũng như hệ thống mạng. Việc sử dụng các phụ kiện và phụ kiện nâng cấp dựa trên các giá trị SAR khác nhau. Bạn có thể tìm thêm thông tin về SAR trong mục thông tin sản phẩm trên trang web www.nokia-asia.com.

* Giới hạn SAR dành cho công chúng sử dụng điện thoại di động là 2,0 watts/kilogram (Wkg) trung bình trên mười gram mô. Các hướng dẫn này bao gồm một ngưỡng an toàn đáng kể để bảo vệ thêm cho công chúng và để giải thích cho bất kỳ thay đổi nào trong việc đo đạc. Giá trị SAR khác nhau tùy thuộc vào các yêu cầu báo cáo trong nước và hệ thống mạng. Để biết thêm thông tin về SAR ở những khu vực khác, vui lòng xem mục thông tin sản phẩm tại địa chỉ web: www.nokia-asia.com.

Từ mục

Â

Âm báo

- báo thức 16
- lich 87

Âm thanh

- ghi âm 98
- tắt chuông báo 34

B

Báo lại 16

Bảo vệ bản quyền

- xem các phím khởi động*

Bộ nhớ

- xem mức sử dụng bộ nhớ 18
- xóa bộ nhớ 36, 37

Bộ PC Suite

- đồng bộ 109
- truyền các tập tin media 18
- truyền hình ảnh đến máy PC 58
- truyền tải tập tin âm nhạc vào thẻ nhớ 62
- xem dữ liệu trong bộ nhớ điện thoại 18

Bộ tai nghe

- xem *loa*

Biên tập video

- hiệu chỉnh video clip 55
- thêm đoạn chuyển cảnh 55
- thêm hiệu ứng 55
- thêm sound clip 55

Bluetooth 106

- địa chỉ thiết bị 108
- bảo mật 107
- ghép nối 108
- kết nối hai thiết bị, ghép nối 108
- mã khóa được cài trước 108
- mã khóa, giải thích thuật ngữ 108
- tai nghe 124
- tắt 109

C

Cache, clearing 94

Các ứng dụng

- cài đặt 126
- Java 125

Các đoạn ghi âm 58

Các đoạn video clip 58

Các chế độ

- camera 13
- imaging 12
- nắp gấp đóng 12
- nắp gấp mở 11

Các chỉ báo 13

Các phím khởi động 128

Cài đặt

- điểm truy cập 117
- bộ trợ thính 124
- cài đặt gốc 114
- cài đặt riêng điện thoại 22
- cấu hình 15
- chứng chỉ 121
- chuyển hướng cuộc gọi 122
- IM 100, 105
- Kết nối Bluetooth 107
- kết nối dữ liệu 116
- lich 87
- mã khóa 120
- Mã PIN 120
- mã truy cập 119
- Mã UPIN 120
- mã UPUK 121

màn hình 115
màn hình phụ 124
ngày và giờ 119
ngôn ngữ 114
tai nghe 124
Cài đặt bộ trợ thính 124
Cài đặt kết nối 116
Cài đặt riêng 25
Cài đặt tai nghe 124
Cáp USB 109
Camera
 đèn flash 46
 điều chỉnh độ sáng 43, 45, 52
 điều chỉnh các cài đặt máy
 quay video 54
 điều chỉnh cài đặt đèn flash 43
 biên tập video 55
 các phím tắt video 53
 cài đặt camera hình tĩnh 48
 cài đặt thiết lập hình ảnh 43, 46
 chế độ camera 13
 chế độ imaging 12
 chế độ liên tiếp 45
 chụp tự động 46
 gửi hình 45
 hiệu chỉnh ánh sáng
 và màu sắc 46

lưu video clip 53
 scenes 47
Cấu hình 23
CD-ROM 110
Chỉ định 121
Chế độ camera 49
 điều chỉnh cài đặt hình ảnh 50
Chế độ chờ 22
Chỉ mục 90
Chủ đề 25
Chuyển nội dung từ
 điện thoại khác 24
Cuộc gọi
 các số vừa gọi 36
 cài đặt 115
 cài đặt chuyển hướng
 cuộc gọi 122
 chuyển 35
 nhận 36
 quốc tế 27
 thời lượng 36
Cuộc gọi hội nghị 28
Cuộc gọi video 29
 từ chối 34
 trả lời 34

D

Dự phòng 19
Danh bạ
 Xem phần *thế liên lạc*
DNS, dịch vụ tên miền, giải thích
 thuật ngữ 118
Đ
Đồng bộ 111
Đồng hồ 16
 âm báo 16
 cài đặt 16
Độ sáng
 cài đặt trong camera 45, 52
 màn hình 115, 124
Địa chỉ IP, giải thích thuật ngữ 118
Định dạng tập tin
 jad 125
 .jar 125, 126
 .sis 125
 RealOne Player 62
Diểm truy cập 116
 cài đặt 117
Diểm truy cập Internet (IAP)
 Xem *diểm truy cập*
Điều chỉnh âm lượng 17
 loa 17
 trong khi gọi 27, 30

E

E-mail 72

- automatic retrieving 78
- cài đặt 82
- mở 77
- nhận từ hộp thư 77
- xem tập tin đính kèm 78

F

File Manager 17

G

Gửi

- các đoạn video clip 58
- hình 45
- thẻ liên lạc, danh thiếp 40

Gallery

- sắp xếp các tập tin
trong album 60

Giờ 16

Gọi số ẩn định 41

H

Hộp thư thoại 27

- chuyển hướng cuộc gọi đến
hộp thư thoại 122
- thay đổi số điện thoại 27

I

Internet

- Xem phần *Web*

J

Java

- Xem phần *các ứng dụng*

K

Kết nối dữ liệu

- các chỉ báo 13
- chi tiết 111
- kết thúc 110

Kết nối dữ liệu gói 110

- cài đặt 119
- GPRS, giải thích thuật ngữ 116

Kết nối máy tính 109

Kết nối PC

- qua Bluetooth hoặc
cáp USC 109

Khẩu lệnh 125

khẩu lệnh

- gọi điện 29

Kiểu chuông

- kiểu chuông riêng 41, 42
- nhận trong tin nhắn văn bản 76

L

Lệnh dịch vụ 68

Lệnh thoại 125

Lệnh USSD 68

Lịch

- âm báo 86
- tạo các mục nhập 86

Loa 17

Log

- lọc 38
- xóa nội dung 38

M

Mã 119

- mã bảo vệ 120
- mã khóa
- Mã PIN 120
- Mã PIN2 120

Mã bảo vệ

- Xem phần *mã khóa*

Mã khóa 120

mã khóa 120

Mã PIN 120

Mã UPIN 120

Mã UPUK 121

Mailbox

- automatic retrieving 78

Menu, sắp xếp lại 23

Messaging

e-mail 72

tin nhắn đa phương tiện 72

tin nhắn văn bản 72

Movie, muvee

quick muvee 65

tùy chỉnh muvee 65

N

Nắp gập 11, 12

Ngày 16

Nhắc nhở

Xem *lịch, âm báo*

Nhật ký điện thoại

Xem phần *Nhật ký*

P

Phần mềm

truyền file về điện thoại 125

Phím tắt

chế độ Hình ảnh 44

kết nối Web 89

Phụ kiện chính hãng Nokia 136

Q

Quản lý bản quyền kỹ
thuật số, DRM

xem các phim khởi động

Quay số bằng khẩu lệnh 28

Quay số nhanh 28

R

RSMMC, thẻ nhớ MMC

xem *Tài liệu Hướng dẫn Sử
dụng Nhanh*

S

Sao chép

các số liên lạc giữa thẻ SIM và
bộ nhớ điện thoại 40

Scenes

image scenes 47

video scenes 47

Settings

call barring 123

Sis file 125

T

Tắt âm 63

Tập tin media

lùi về 63

tắt âm 63

tiến nhanh về trước 63

Thời lượng nhật ký 38

Thẻ liên lạc 39

chèn hình 40

gửi 40

Thẻ liên lạc

lưu âm DTMF 36

Thẻ nhớ 19

Thẻ SIM

sao chép các tên và số liên lạc
vào điện thoại 40

tên và số điện thoại 41

tin nhắn 80

Thẻ USIM

xem phần *giải thích thuật ngữ
trong Tài liệu Hướng dẫn
Sử dụng Nhanh*

Thiết bị nối tiếp thẻ nhớ

xem *tài liệu Hướng dẫn Sử dụng
Nhanh, thiết bị nối tiếp thẻ
nhớ MultiMediaCard*

Tin nhắn đa phương tiện 72

Tin nhắn thoại 27

Tin nhắn trò chuyện 99

gửi tin nhắn trò chuyện 101

ghi âm tin nhắn 102

kết nối server 100

khóa 102

nhóm 104

tên thuê bao, giải thích thuật
ngữ 103

Tin nhắn văn bản 72

Trò chuyện

Xem *phần tin nhắn trò chuyện*

Trung tâm nhắn tin văn bản mới
thêm mới 81

Trung tâm SMS, trung tâm dịch vụ
tin nhắn ngắn 81

Ứ

Ứng dụng trợ giúp 15

V

Video player

Xem phần *RealOne Player*

W

Web

các điểm truy cập, xem phần
điểm truy cập
trình duyệt 89

X

Xóa màn hình

Xem *chế độ chờ*

browser 74